

ĐẶNG TRẦN HUÂN

***Hải Đảo
Thần Tiên***



lá bối

Hải đảo thần tiên

Đặng Trần Huân



hải đảo thần tiên

Đặng Trần Huân

Bìa: *NXB Lá Bối*
Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

hải đảo thần tiên

ĐẶNG TRẦN HUÂN

LÁ BỐI
in lần thứ tư năm 1970
SÀI GÒN - VIỆT NAM

ĐẶNG TRẦN HUÂN

CHỌN VÀ DỊCH

MARCEL AYMÉ * STEPHEN VINCENT
BENÉT * ERSKINE CALDWELL * AL-
PHONSE DAUDET * CONAN DOYLE
* GIOVANNI GUARESCHI * LEONCE
GUERRERO * VITTORIO GUERRIE-
RO * JURAN HISAO * ELISABETH
MANN BORGESE * SOMERSET
MAUGHAM * GUY DE MAUPASSANT
* JOHN STEINBECK * MARK TWAIN

MỤC LỤC

1. Hải đảo thần tiên <i>Somerset Maugham</i>	13
2. Người đi qua tường <i>Marcel Aymé</i>	76
3. Món quà tặng Ái Duy <i>Erskine Caldwell</i>	103
4. Sổ đen <i>Giovanni Guareschi</i>	124
5. Tư Gấu <i>John Steinbeck</i>	134
6. Chuỗi kim cương <i>Guy De Maupassant</i>	201

- | | |
|--|-----|
| 7. Bản đại khế ước
cung cấp thịt bò hộp * <i>Mark Twain</i> | 230 |
| 8. Con cá bắt tử
<i>Élisabeth Mann Borgese</i> | 257 |
| 9. Con gà điên
<i>Leonce Guerrero</i> | 300 |
| 10. Ma giữa đại dương
<i>Conan Doyle</i> | 329 |
| 11. Ca Gia Nô Va yêu quý
<i>Vittorio Guerriero</i> | 356 |
| 12. Mẹ và con
<i>Juran Hisao</i> | 379 |
| 13. Bán nhà
<i>Alphonse Daudet</i> | 408 |
| 14. Chúa quỷ và ông Đa Niên
<i>Stephen Vincent Benét</i> | 423 |

SOMERSET MAUGHAM

Nhà văn Anh Cát Lợi William Som-

erset Maugham, sinh năm 1874 tại Ba-Lê (Pháp), là tác giả trên hai mươi tiểu thuyết, lối ba mươi kịch bản và rất nhiều tùy bút. Có lẽ ông là nhà văn ngoại quốc được nhiều dịch giả Việt Nam thích thú nhất. Tiểu thuyết *The Painted Veil* của ông được dịch và phóng tác tới ba lần (Đời Nay xuất bản *Bức Màn Sơn* của Huyền Hà, tuần báo *Trung Bắc Chủ Nhật* đăng bản dịch *Con Đường Nguy Hiểm* và *Ngọc Giao* phóng tác thành *Cầu Sương*). Năm 1961, tuần báo *Văn Nghệ Tiên Phong* lại có ý định dịch cuốn này một lần thứ tư nữa.

Truyện ngắn *Mưa* (Rain) của ông cũng được dịch đăng trên các báo Việt ngữ tới ba lần (tuần báo *Ngày Nay*, tạp chí *Bách Khoa* và nhật báo *Cách Mạng Quốc Gia*).

HẢI ĐẢO THẦN TIÊN

Viên thuyền trưởng thọc tay vào túi quần lấy chiếc đồng hồ bạc, cử chỉ khó nhọc vì túi quần không ở hai bên cạnh mà ở đằng trước cái bụng đồ sộ của ông. Xem giờ xong, ông quay mặt nhìn về hướng mặt trời lặn. Người thổ dân giữ bánh lái liếc ông không nói một lời. Ông vẫn chăm chú nhìn về phía hòn đảo trước mặt. Một giải bọt sóng trắng xóa, chạy viền theo bờ các mỏm đá nhấp nhô quanh đảo. Ông biết có một lối đi sâu không có đá ngầm khá rộng có thể theo đó vào bờ được. Ông hy vọng tìm thấy trước khi trời tối hẳn. Bên trong nước sâu hơn thuận tiện cho việc bỏ neo. Thấp thoáng sau hàng dừa xanh, ẩn hiện những nóc nhà thổ dân trong làng. Viên phó thuyền trưởng mừng rỡ nghĩ tới những cuộc vui trên đảo đêm nay vì

người xã trưởng với ông là chỗ bạn thân.

Viên thuyền trưởng quay lại người phụ tá của ông:

– Này, chúng mình sửa soạn mang lên một chai rượu mía rồi sẽ có nhiều thiếu nữ khiêu vũ với chúng mình.

Người phụ tá đáp:

– Nhưng tôi chưa trông thấy lối vào.

Người phụ tá là một thổ dân Thái Bình Dương có nước da bóng như đồng đen. Trông hắn vạm vỡ, hùng dũng như một vị hoàng đế La Mã với nét mặt sắc sảo, tinh quái.

Viên thuyền trưởng giơ ống nhòm lên mắt hướng về phía đảo rồi nói:

– Chưa trông thấy nhưng tôi nhớ chắc là phía này có một lối vào. Anh cho một người leo lên cột buồm nhìn xem có thấy không?

Người phụ tá vẫy một thủy thủ và truyền lại lệnh của viên thuyền trưởng. Hắn leo lên đỉnh cột buồm nhưng cũng không tìm kiếm thấy gì khác cả. Viên thuyền trưởng lau nhàu trong miệng một câu rửa bằng thổ ngữ.

Người phụ tá hỏi:

– Nó có cần ngồi trên đó nữa không?

– Thôi cho nó xuống. Thằng nhãi ấy có được việc gì đâu! Nó có mắt cũng như không. Tôi mà trèo lên được thì đã thấy rồi.

Dứt lời, ông nhìn ngọn buồm cao vút với đôi mắt tức giận.

Nhưng thổ dân ở đây suốt đời leo dứa thoăn thoắt nên cột buồm đối với họ không nghĩa lý gì. Còn ông vì quá lớn và béo tốt nên đành chịu.

Ông hét to:

– Cút xuống đi. Mày không ích gì hơn một con vật. Thôi đành cho tàu chạy lần lần theo các mỏm đá này để tìm lối vào vậy chứ biết sao bây giờ.

Con tàu thực ra chỉ là một kiểu tàu buồm nhẹ có thêm một động cơ phụ chạy bằng dầu cặn. Tốc độ một giờ độ chừng bốn hay năm hải lý. Trước kia tàu sơn trắng nhưng bây giờ lem luốc bẩn thỉu không biết gọi là màu gì cho đúng nữa. Tàu chỉ chở dầu và củi dứa nên lúc nào cũng xông lên một mùi hôi hăng hắc.

Khi ấy tàu còn xa các mỏm đá chừng

trăm bộ. Viên thuyền trưởng cho lệnh đi men quanh đảo cho tới khi tìm thấy lối vào nhưng thất vọng. Ông cho đổi hướng và lùi về phía cũ. Sóng biển vẫn vô tình tung bọt trắng. Mặt trời đã khuất hẳn dưới chân trời. Viên thuyền trưởng lăm bắm chửi thề sự ngu dốt của thủy thủ đoàn và quyết định chờ đến hôm sau. Ông ra lệnh:

– Quay mũi ra khơi. Không thể đỗ ở chỗ này được.

Tất cả dần dần xa bờ. Khi tàu buông neo, đêm đã tối sẫm. Cuộn buồm lại tàu bắt đầu lắc dữ dội.

Người ta kể chuyện có một thương gia giàu có ở Apia¹ đã nói rằng dù có các vàng ông ta cũng không bước lên một chiếc tàu chòng chành như thế.

¹ Thị trấn nhỏ trên đảo Upolu thuộc quần đảo Samoa ở miền Nam Thái Bình Dương (chú thích của Đ.T.H.)

Người đầu bếp Trung Hoa, mặc một chiếc quần trắng kẻ vạch đã cũ và chiếc áo cánh trắng mỏng báo tin bữa ăn tối đã dọn xong.

Vào tới buồng, viên thuyền trưởng thấy vị sĩ quan coi máy đã chờ sẵn tại bàn ăn. Ông là một người mảnh khảnh dong dỏng cao với khuôn mặt hốc hác. Ông vận chiếc áo lót cộc xanh để lộ hai cánh tay gầy gò đầy vết xăm từ bàn tay tới khuỷu.

Viên thuyền trưởng chép miệng:

– Thật là hẩm hiu mà phải chịu ngủ lại ngoài khơi đêm nay.

Vị sĩ quan coi máy không nói, vẫn lặng lẽ ngồi ăn. Một ngọn đèn dầu yếu ớt leo lét soi sáng buồng tàu. Sau món mận hộp tráng miệng, người đầu bếp

Trung Hoa sửa soạn rót trà, viên thuyền trưởng châm một điếu xì gà rồi lên boong thượng.

Giờ này, hải đảo chỉ còn hình thù một khối đen sẫm trong bóng đêm. Trên trời sao lấp lánh. Xung quanh, chỉ nghe tiếng sóng vỗ dào dạt. Viên thuyền trưởng nằm ngả trên một chiếc ghế bố, lơ đãng hút thuốc. Lát sau ba, bốn người nữa trong thủy thủ đoàn cũng lần lên boong, một người cầm cây đàn băng đô, một người chơi phong cầm. Họ ngồi xuống và bắt đầu ca những bài hát tình tứ trầm buồn của địa phương. Rồi nháy nhót, vỗ tay dậm chân uốn éo thân mình một cách man dại pha nhiều thú tính. Một lát sau, một nhòai, cả bọn nằm vật xuống ngủ trên sàn gỗ. Im lặng trở lại. Viên thuyền trưởng cựa mình nặng nhọc, rời chiếc ghế bố rồi xuống thang.

Về buồng riêng, ông cởi áo ngoài lẫn lên giường ngủ miệng thở hồng hộc vì khí nóng ban đêm.

*

Hôm sau, rạng đông vừa hé trên mặt biển trong sáng, lối vào nhỏ hẹp tưởng như không có đêm hôm trước hiện rõ ràng về phía đông. Chiếc tàu từ từ tiến vào trong vịnh trên mặt biển phẳng lặng không gợn sóng. Giữa các mỏm san hô, những đàn cá muôn màu sắc sỡ bơi lượn dưới nước sâu.

Tàu buông neo xong, viên thuyền trưởng điểm tâm rồi lên boong ngắm cảnh.

Mặt trời sáng rực rỡ trên bầu trời không mây, không khí mát dịu và êm ả.

Nhìn về phía hòn đảo xanh rì cây lá, viên thuyền trưởng thấy hồn lâng lâng sáng khoái trong sự im lặng thích thú của thiên nhiên lúc bình minh.

Ông mỉm cười nhẹ và đưa tay liệng mẩu xì gà hút dở xuống mặt biển.

Ông nói:

– Tôi phải lên đảo mới được. Bảo chúng hạ xuống đi.

Ông xuống thang, lên xuống vào bờ. Những cây dừa cách nhau đều đặn mọc dài sát tận bờ nước lả lướt như những thiếu phụ nà dòng nhưng vẫn còn giữ được cái duyên dáng mực thước của tuổi quá xuân. Viên thuyền trưởng uể oải lần theo lối đi hẹp khuất khúc dẫn tới một con sông rộng. Một chiếc cầu bắc ngang ghép bằng những thân dừa đặt trên mười

cây cọc. Khách phải lần bước trên những thân cây tròn, nhẵn nhụi trơn và không biết vịn vào đâu. Qua một chiếc cầu như vậy khách phải can đảm, tin tưởng và quen thuộc lắm. Viên thuyền trưởng còn ngần ngại bỗng nhìn thấy phía bờ bên kia một căn nhà nông dân ẩn hiện dưới bóng cây. Ông quyết định bước lên cầu, chậm chậm và chắc chắn. Thỉnh thoảng ông lại nghiêng người vì thân cây lặn dưới bước đi. Khi đặt chân lên bờ bên kia, ông thở phào sung sướng. Mãi qua cầu, ông không để ý tới một người vẫn chăm chú nhìn ông. Ông giật mình khi nghe tiếng nói:

– Giỏi lắm! Lạ mà qua cầu được như thế thật là giỏi.

Ông ngược mắt nhìn lên. Một người đàn ông đứng trước mặt ông. Có lẽ hẳn ở trong căn nhà lá đi ra.

Người lạ mặt cười nói tiếp:

– Tôi đã thấy ông từ lúc ông ngần ngừ ở bên kia cầu. Tôi tưởng thế nào ông cũng ngã xuống nước.

Viên thuyền trưởng đáp:

– Không đời nào tôi ngã đâu.

– Ngày trước có lần đi săn về tôi cũng bị ngã. Súng và đồ đạc rớt hết cả xuống sông. Bây giờ mỗi lần đi săn tôi dắt một đứa bé đi theo để nó khoác súng hộ.

Người lạ mặt đã đứng tuổi tóc hoa râm, cổ bộ mặt trái xoan. Ông bận chiếc áo rách tay và chiếc quần len trắng, chân đi đất. Ông nói tiếng Anh bằng một giọng lơ lớ.

Viên thuyền trưởng hỏi:

– Xin lỗi, cô phải ông là ông Lân

Sơn?

– Phải.

– Tôi có nghe nói tới ông và biết rằng ông ở vùng này.

Viên thuyền trưởng theo người chủ bước vào căn nhà nhỏ và ngồi xuống ghế. Trong khi Lân Sơn vào trong lấy cốc và rượu uity ky, viên thuyền trưởng ngắm nghía các đồ vật trong nhà. Ông rất sửng sốt khi thấy sách vở chồng chất khắp nơi. Những giá sách kín cả bốn phía tường đầy ăm ắp từ dưới đất lên tới trần. Một chiếc dương cầm kê bên góc trái. Trên chiếc bàn giữa nhà, bày la liệt sách và tạp chí. Căn phòng làm cho ông sửng sốt. Ông nhớ rằng ở vùng này người ta vẫn coi Lân Sơn như một người bạn đặc biệt. Ít người hiểu rõ về Lân Sơn dù rằng ông ở đây đã lâu rồi. Nếu có một số nhỏ quen

biết Lân Sơn thì đều đồng ý rằng người bạn Thụy Điển này là một người kỳ dị. Khi Lân Sơn trở lại, viên thuyền trưởng nói:

– Ông có nhiều sách quá?

Lân Sơn cười đáp:

– Những cái đó vô hại mà.

– Ông có đọc hết những sách đó không?

– Gần hết.

– Tôi cũng thích đọc sách báo lắm. Tôi vẫn thường xuyên nhận được Thứ Bảy Tuần San.

Lân Sơn rót một cốc uity ky đầy và đưa một đĩa xì gà mời khách.

Viên thuyền trưởng kể:

– Tôi tới từ đêm qua nhưng không tìm thấy lối vào đành phải ngủ đêm ngoài biển. Tôi chưa đi lối này nhưng vẫn có hàng gửi tới đây bán. Ông biết ông Thuận Tường không?

– Có, ông ta có một cửa hàng gần đây.

– Ông ấy có đặt mua đồ hộp của tôi và tôi cũng tới mua cùi dừa. Mọi khi tôi vẫn chở hàng tới bán ở Apia và Pago Pago² nhưng hiện nay vùng đó có đậu mùa nên việc buôn bán bị ngưng trệ và tôi ghé lại đây.

Viên thuyền trưởng chậm xì gà, rồi nâng cốc rượu uống một hơi.

Vốn là người ít nói, nhưng nay trước

² Căn cứ hải quân Hoa Kỳ trên đảo Tutuila cũng thuộc quần đảo Samoa, cách Apia chừng hơn 100 cây số về phía Đông Nam. (Đ.T.H.)

đôi mắt dò hỏi của Lân Sơn, viên thuyền trưởng không giữ được bản tính thường ngày. Người Thụy Điển theo dõi câu chuyện của ông với đôi mắt u ám nhưng tinh quái.

– Ông có một tài sản đáng tiền.

– Đó là kết quả của nhiều năm cố gắng.

– Cây cối của ông ở đây tốt lắm. Dừa lớn và cao quá. Nhất là bây giờ giá cùi dừa đang lên. Tôi cũng có một trại cây ở Upolu³ nhưng đang muốn tổng đi vì hoa lợi kém quá.

Viên thuyền trưởng lại đưa mắt ngắm nghía những chồng sách la liệt trong phòng. Ông hỏi:

– Ở đây một mình, ông có thấy cô

³ Một đảo thuộc quần đảo Samoa (Đ.T.H)

độc không?

– Nó cũng quen đi. Tôi sống vậy đã hai mươi lăm năm rồi.

Viên thuyền trưởng không còn biết nói gì thêm nữa. Ông lặng lẽ hút thuốc. Lân Sơn cũng có vẻ tôn trọng sự trầm tư của người bạn mới. Ông mơ màng quan sát người khách: đó là một người cao lớn, vạm vỡ, mặt đỏ gay với làn da sần sùi, những gân máu màu tía hiện mờ mờ trên hai má, đôi mắt hơi dữ tợn với các tia máu đỏ. Cổ ông ngắn rụt lại. Đầu ông thì phơ phớt vài sợi tóc bạc, quần phía sau gáy còn phía trước hoàn toàn hói. Trông vùng trán rộng thoát đầu ta tưởng đó là một người thông minh nhưng lâu lâu vẻ mặt ấy trở nên tầm thường.

Ông mặc một chiếc quần séc đã cũ. Chiếc áo sơ mi xanh bằng len mỏng rách

nhiều chỗ để lộ những chòm lông hung hung. Ngồi dựa lưng trên tấm ghế một cách vụng về nặng nhọc, ông phải dang hai chân để phoir chiếc bụng quá lớn và thô lỗ. Chân tay ông không có vẻ gì là dẻo dăng, Lân Sơn phân vân tự hỏi không biết trong thời niên thiếu người đàn ông đó thuộc loại nào trong xã hội. Có lẽ nào cái khối thịt đồ sộ ấy trước kia lại là một chàng thanh niên hoạt động được?

Viên thuyền trưởng uống một hớp rượu nữa. Lân Sơn đẩy chai uýt ky về phía ông:

– Mời ông dùng nữa đi.

Viên thuyền trưởng ngẩng lên, giơ bàn tay to lớn nắm lấy cổ chai và hỏi:

– Vì lý do nào mà ông lại tới vùng này?

– Vì sức khỏe. Ngày ấy tôi bị yếu phổi. Bác sĩ bảo tôi chỉ có thể sống nhiều lắm là hai năm. Nhưng bác sĩ nói sai bét, ông thấy không?

– Tôi muốn hỏi là tại sao ông lại chọn hòn đảo này.

– Vì tôi là một người đa cảm.

– À ra thế.

Lân Sơn cho rằng viên thuyền trưởng cũng không hiểu gì những điều ông ta đã nghe đâu. Ông nhìn người khách bằng đôi mắt bí mật và ranh mãnh.

Ông nói thêm với dụng ý diễu cợt con người tầm thường trì độn đang ngồi trước mặt.

– Lúc nãy, khi qua cầu, ông phải nhìn ngang ngửa xung quanh và cố gắng lắm

mới giữ được thăng bằng, nhưng chỗ này được tiếng là đẹp đấy.

– Nhất là căn nhà xinh xẻo của ông.

– Khi tôi mới tới căn nhà chưa được thế đâu. Lúc ấy chỉ là một cái lều lá cất theo kiểu bản xứ khuất dưới bóng một vòm cây hoa đỏ. Xung quanh toàn những dừa xanh và rậm rạp. Ngày ấy tôi còn trẻ lắm. Trời, một phần tư thế kỷ còn gì!... Tôi biết là sắp chết nên muốn trong thời gian còn ở lại cõi đời phải tận hưởng tất cả những vẻ đẹp của thiên nhiên. Phong cảnh vùng này đối với tôi là nên thơ nhất so với những nơi tôi đã đi qua. Khi ngắm cảnh lần đầu, tim tôi rung động, sung sướng tưởng muốn trào nước mắt. Tôi mới hai mươi năm tuổi, yêu đời lắm và rùng mình mỗi khi nghĩ tới cái chết sau lưng. Tôi cũng an ủi phong cảnh kiểu diễm ở đây giúp cho những ngày tàn của

tôi đôi phần dễ chịu. Tới đây, tôi thấy tất cả quá khứ của tôi tan biến hết: còn đâu nữa thành phố Stockholm và khu đại học, còn đâu thành phố Bonn, tất cả như thuộc về một quãng đời xa lạ. Tôi có cảm tưởng đã tìm thấy chân lý mà các bạn tiến sĩ triết học của tôi đã tranh luận với nhau từ lâu. Tôi tự nhủ “Ta còn sống một năm nữa. Sống tại đây. Rồi ta sẽ từ giã cõi đời hoàn toàn sung sướng”. Khi người ta mới mười lăm tuổi người ta có thể điên cuồng, mơ mộng sống theo tình cảm nhưng lúc năm mươi tuổi thì khác rồi, ông ạ. Kia mời ông bạn uống nữa đi.

Viên thuyền trưởng uống hết cốc rượu và hỏi:

– Ông không uống sao?

Ông già Thụy Điển mỉm cười:

– Tôi giữ điều độ đã thành quen tính và tôi tự đầu độc tôi bằng những cách khác tế nhị hơn. Có lẽ đó là một cách nói kiêu ngạo chẳng? Dù sao thì tác dụng của nó chóng hơn nhưng ít hại cơ thể.

– Tôi nghe nói ở Hoa Kỳ nhiều bạch phiến lắm phải không?

Lân Sơn phá lên cười:

– Tôi thường không gặp người da trắng ở đây. Vả lại, lâu lâu uống một hợp uýt ky đâu có hại gì?

Ông cầm chai rót một ít vào ly, pha thêm sô đa rồi uống một hơi:

– Tôi đã tìm ra nguyên do tạo nên vẻ đẹp đặc biệt của vùng này. Ở đây, tình yêu dừng lại, như một con chim giang hồ giữa đại dương nghỉ chân trên một con tàu. Hương vị của những đục vụng lãng

mạn thoang thoảng trên đảo như hương thơm hồng nhung mùa hoa nở tại xứ tôi. Nơi nào mà người ta đã yêu, đã khổ hình như sẽ lưu lại mãi mãi những cái gì bất diệt quyến rũ người mới tới. Ông cười nhẹ:

– Như vậy ông đã hiểu ý tôi chẳng?

– Tôi cho rằng chỗ này đẹp vì đây là xứ sở của những mối tình thơ mộng.

Ông nhún vai:

– Có lẽ, nhưng chỉ một mối tình nầy nở trong một khung cảnh mỹ lệ chắc gì đã làm hài lòng một tâm hồn ưa thẩm mỹ.

Một người như viên thuyền trưởng hẳn là phải ngỡ ngàng trước những triết lý của Lân Sơn nhưng thực ra thì chính Lân Sơn cũng không chủ ý nói để

khách nghe mà chỉ đang đùa giỡn với kỷ niệm của chính mình, đang tự tâm sự để tiếc thương quá vãng. Bất ngờ Lân Sơn ngừng lời, nhìn chăm chăm viên thuyền trưởng; rồi nói:

– Ông có thể tưởng tượng rằng tôi đang có cảm tưởng là gặp ông một lần rồi.

Viên thuyền trưởng đáp:

– Tôi cũng không biết nói sao bây giờ!

– Tôi trông khuôn mặt ông quen lắm. Tôi có ý nghĩ ấy từ lúc nãy mà chưa nhớ ra là đã gặp ở đâu?

Viên thuyền trưởng nhún đôi vai rộng lớn:

– Cách đây ba mươi năm tôi cò đến

đảo này. Vì thời gian qua đã lâu nên tôi không thể nhớ lại những người đã gặp.

Ông già Thụy Điển lắc đầu:

– Ông có công nhận rằng có những nơi mình chưa đặt chân tới bao giờ mà khi tới lần đầu mình có cảm tưởng là quen thuộc thân mật? Trường hợp ông làm tôi có ý nghĩ như vậy.

Ông mỉm một nụ cười khó hiểu:

– Có lẽ tôi đã gặp ông từ tiền kiếp. Có lẽ ông là một viên thuyền trưởng thời La Mã cực thịnh mà tôi là một tên nô lệ giữ chèo chằng? Ông tới đây ba mươi năm trước?

– Ba mươi năm đúng.

– Ngày ấy ông có gặp người nào tên Xích không?

– Tên là Xích?

– Tôi nghe thấy người ta kể chuyện tới cái tên đó. Tôi không hề quen biết Xích, tôi cũng không nhìn thấy hắn, nhưng hắn có một vẻ gì đặc biệt khiến tôi nhớ hơn cả anh em tôi là những người mà tôi chung sống lâu năm. Hắn sống trong tâm não tôi rõ rệt như là Paolo Malatesta hay là Roméo. Nhưng tôi chắc ông cũng chưa đọc sách của Dante hay Shakespeare nhỉ?

– Vâng, đúng thế.

Lân-Sơn ngả người xuống ghế, lơ đãng nhìn theo khói thuốc. Ông hơi mỉm cười nhưng đôi mắt vẫn trầm ngâm. Bỗng ông quay về phía thuyền trưởng: ông nhìn con người béo phì thô lỗ ấy thấy khác hẳn con người mà ông đang kiếm tìm trong ký ức.

Ông nói:

– Có lẽ Xích là con người duyên dáng nhất đảo trong thời ấy. Nhiều nông dân ở đây quen biết hắn đều nói với tôi rằng khi mới gặp người ta đã có cảm tình ngay với vẻ mặt đẹp trai của Xích. Người ta gọi là Xích vì hắn có bộ tóc đỏ như râu ngô, dài và lượn sóng, bộ tóc có thể làm say mê các họa sĩ đa tình. Hắn có vóc người cao lớn nước da trắng như sữa và mịn như da thiếu nữ.

Viên thuyền trưởng nháy đôi mắt đầy tia máu:

– Lúc trẻ tôi cũng có làn da trắng lấm.

Nhưng Lân Sơn không chú ý, ông vẫn kể tiếp:

– Vẻ mặt của Xích rất xinh, cân xứng

với thân hình đẹp đẽ của hắn. Đôi mắt hắn xanh thẫm và to, cặp lông mày nâu phù hợp với nước da. Khi hắn tới đây hắn vừa đúng hai mươi tuổi.

Nói tới đây, ông già Thụy Điển ngừng như kếp hát nghỉ lấy hơi trên sân khấu. Ông uống một hớp rượu:

– Hắn là một con người độc nhất, một tác phẩm bất ngờ của tạo hóa, như một bông hoa đẹp nở giữa bụi lau đại tầm thường. Không có một thanh niên nào có thể so sánh với hắn được. Hôm ấy hắn tới vùng biển mà ông đã tới sáng nay. Hắn là thủy binh Hoa Kỳ và đào ngũ tại Apia. Một người bản xứ cho hắn đi nhờ thuyền buồm từ Apia về ẩn tại một hang núi gần đây. Tôi cũng không rõ tại sao hắn đã đào ngũ. Hắn chán kỷ luật trên một chiến hạm hay có điều gì bất mãn không ai rõ? Hay là hắn bị những

hải đảo thơ mộng của miền Nam Hải quyến rũ? Những hải đảo này đã luôn luôn lôi kéo thanh niên rời bỏ lục địa tới sống tại đây giống như những con nhện giăng lưới bắt ruồi. Có điều chắc chắn Xích phải là một thanh niên giàu tình cảm. Làn gió dịu hiền từ những ngọn đồi và đại dương xanh thẳm kia hẳn phải có ma lực thu hút hẳn như ma lực quyến rũ của người đẹp Delilah với Samson. Tuy thế, hẳn vẫn phải ẩn náu trong hang đá để chờ chiếc chiến hạm nhỏ neo đi quần đảo Samoa.

Ở cuối vịnh có một căn nhà nhỏ của người bản xứ. Giữa lúc Xích đang phân vân, ngần ngừ chưa biết lui tới theo đường nào thì một thiếu nữ ở trong căn nhà bước ra. Nàng mời Xích vào nhà. Nàng không biết nói tiếng Anh mà Xích cũng chỉ mới học được vài câu thổ ngữ

nhưng nhìn nụ cười và dáng điệu của thiếu nữ, Xích đã yên chí và quyết định đi theo. Xích ngồi trên chiếu, thiếu nữ mang dừa tới mời hẳn.

Tôi tả Xích với ông dựa theo dư luận đồn đại. Còn thiếu nữ thì tôi được gặp nàng ba năm sau khi Xích tới đảo. Lúc ấy nàng mười chín tuổi. Ông sẽ không thể tưởng tượng được về nhan sắc nàng. Người tầm thước thân hình rắn chắc như phần đông giống người bản xứ, nàng có đôi mắt to trầm lặng như hồ thu dưới bóng gôi và duyên dáng như một bông hoa đồng nội. Tràng hoa thơm ngát trên đầu mái tóc đen của nàng lượn sóng trên đôi vai. Đôi tay nàng nhỏ, mềm kiêu diễm không thể tả. Lúc nào cũng tươi cười, nụ cười đắm đuối, khiến người ta có thể quỳ xuống gót chân. Nước da nàng tỏa một hương thơm như cốm non. Trời, tôi

thật không biết dùng những lời nào mà tả hết. Tóm lại, nàng đẹp quá đến nỗi ta không dám tưởng là một người thật trên trần gian.

Và đôi thiếu niên ấy đã yêu nhau sau khi gặp gỡ lần đầu.

Đây là một mối tình chân thành chứ không nảy nở vì thương hại hay vì quyền lợi vật chất, một mối tình thanh cao và chất phác. Đó là mối tình mà A-Đam trao gửi Ê-Và, khi tỉnh giấc trong vườn ngắm người yêu bằng đôi mắt còn ướt đầm sương mai. Chính ái tình đã kết hợp loài người lại gần nhau, đã đưa từ thú tính tới thiêng liêng; chính tình yêu đã tạo ra phép lạ, đã đem lại ý nghĩa cho cuộc đời.

Có bao giờ ông đã nghe thấy chuyện một hầu tước người Pháp đã phân tách

tình yêu cho rằng giữa một đôi tình nhân bao giờ cũng chỉ có một người yêu và một người để cho yêu. Đa số chúng ta phải chịu sự thật cay đắng đó. Nhưng đôi khi cũng có một mối tình đắm đuối do cả đôi bên. Khi ấy ta có thể nói mặt trời ngừng lại.

Đến bây giờ, sau bao nhiêu năm qua, khi nhắc tới đôi thiếu niên giản dị, ngây thơ và mối tình thành thực của họ tôi vẫn thấy lòng rung động. Trái tim tôi thốn thức như những đêm trăng sáng trên nền trời không mây giải ánh vàng rục rở xuống mặt biển bao la. Tâm hồn ta thường luôn luôn xót xa khi ngắm một vẻ đẹp toàn bích.

Họ chỉ là trẻ thơ. Thiếu nữ, hiền hậu đáng mến, nhân từ. Về Xích, tôi không biết rõ, nhưng vẫn cho hẳn là một thanh niên thẳng thắn, trung hậu có tâm hồn

trong sạch như thể chất. Xích tới đảo này sau một cơn bệnh dịch do người da trắng truyền bá tới vùng Nam Hải. Một phần ba dân số bị chết vì thiên tai này. Cha mẹ thiếu nữ cũng chết và nàng phải ở nhờ nhà người chú họ xa. Gia đình gồm bốn người đàn bà, hai già, hai trẻ, một đàn ông và một đứa trẻ. Xích ở lại gia đình này mấy ngày nhưng không lấy làm vừa ý, một phần sợ căn nhà quá gần bờ biển mỗi khi tàu đi qua các bạn thủy thủ có thể tìm thấy hẩn một phần không muốn tình yêu của hẩn với thiếu nữ biểu lộ dưới mắt những người không cùng lứa tuổi. Một hôm thiếu nữ thu vét những vật dụng riêng tư của nàng và đôi trẻ rời nhà, đi theo con đường cỏ rợp bóng dừa trước mặt kia. Tới cầu nàng vui vẻ cười lớn trước sự run rẩy của người bạn tình. Nàng dặt tay hẩn qua nhịp cầu thứ nhất, nhưng hẩn run run lùi lại. Hẩn đành cời

bỏ quần áo đưa nàng đội lên đầu rồi lội qua sông. Họ tới căn lều trống ở bờ bên kia. Căn lều đó không phải của họ. Có lẽ đó là của một gia đình nào đã chết hết về bệnh dịch. Tôi không rõ điều đó lắm. Chỉ biết đôi tình nhân sống yên thân mà không bị ai tới quấy nhiễu.

Đồ đạc trong nhà, vốn vẹn chỉ có hai ổ rơm, một mảnh gương và mấy cái chậu sành. Ở cái xứ hiền hòa này, thế là đủ cho một cặp vợ chồng mới cưới?

Người ta thường nói những dân tộc sung sướng thường không có lịch sử nhưng chắc chắn họ có nhiều tình sử. Hàng ngày, suốt sáng tới chiều, đôi tình nhân trẻ chẳng phải làm gì cả nhưng họ vẫn thấy hình như ngày ngắn quá.

Thiếu nữ có tên bản xứ, nhưng Xích chỉ gọi nàng là Sa Liên. Trong thời gian

ngắn Xích đã trở nên quen thuộc với thổ ngữ tại đảo. Hấn nằm hàng giờ trên chiếu để nghe Sa Liên chuyện trò. Hấn hút những điếu thuốc do Sa Liên quăn bằng lá thuốc hái trong rừng. Hàng giờ, hấn ngồi ngắm Sa Liên đan chiếu bằng đôi tay khéo léo và mềm mại. Thỉnh thoảng, người bản xứ tới chơi kể cho họ nghe những câu chuyện chinh chiến xa xưa, từ thời các bộ lạc còn tranh giành nhau trên hoang đảo. Đôi khi Xích ra vịnh câu và trở về với một giỏ đầy cá sặc sỡ; đêm hấn đốt đuốc bắt tôm rồng. Sa Liên hái chuối xung quanh nhà để sửa soạn những đĩa chuối xào thơm phức. Nàng cũng biết làm nhiều món ăn khéo léo bằng bắp và dừa. Trong ngày lễ, họ giết lợn và quay lợn ngay trên bếp chất bằng hai tảng đá. Họ tắm cùng nhau trong vịnh; buổi chiều, họ ra xa hơn và lấy thuyền độc mộc cùng nhau đùa giỡn

theo sóng.

Mỗi khi hoàng hôn xuống nước biển xanh dương ngả sang tím bầm, nhưng ngoài khơi màu sắc sặc sỡ vẫn giữ nguyên vẻ thần tiên: ánh trời chiều chiếu xuống biển rong biển, đá xanh, tím, thành một màu chói lọi như vàng diệp. San hô đủ màu nâu, trắng, hồng, tím, đỏ biến thành những hình thù tuyệt mỹ. Vùng biển trông như một vườn tiên diễm ảo với những con cá nhỏ bơi lội chập chờn như bướm bay. Giữa các vùng san hô từng khoảng nước trong suốt tới cát trắng như mời khách nhàn du xuống tắm. Cứ mỗi khi mặt trời lặn bóng như vậy, đôi tình nhân trẻ lại khoan khoái, mát mẻ tay nắm tay nhau trở về vịnh dẫm chân lên cỏ non đáy nước.

Chim chóc ríu rít ca hát trên rặng dừa. Ban đêm, trời trong sáng và bao la

hơn bất cứ nơi nào, gió hiu hiu thổi vào căn lều ngỏ cửa làm cho đêm như ngắn lại. Nàng mới có mười sáu tuổi và hẵn khoảng hai mươi. Bình minh rọi nắng qua cột lều, say sưa ngắm đôi trẻ còn gối tay nhau ngủ. Văng thái dương không muốn quấy rối hạnh phúc họ, từ từ lên sau những tàu lá chuối to rách. Rồi một tia nắng ranh mãnh mơn man trên mặt họ, ve vãn như một con mèo. Họ bừng tỉnh, đón chào một ngày mới bằng đôi mắt ngái ngủ và một nụ cười. Ngày tháng lặng lẽ trôi. Rồi một năm qua. Họ vẫn yêu nhau say đắm không một gợn buồn rầu, cay đắng hay hoài nghi, yêu nhau như lúc ban đầu.

Nếu ông có gặp hỏi, chắc chắn họ sẽ trả lời tình yêu của họ là tình yêu vĩnh cửu và bất diệt.

Và phải chăng dấu hiệu của tình yêu

chính là lòng tin tưởng vào sự vĩnh cửu. Nhưng có lẽ trong Xích lúc ấy đã thấy rằng hẵn bắt đầu thỏa mãn rồi.

Một hôm, một người hàng xóm kể chuyện với họ có một chiếc tàu đánh cá Anh Cát Lợi thả neo gần bờ biển.

Xích bảo vợ:

– Em ở nhà, anh mang dừa và chuối ra đổi thuốc lá nhé.

Những điều thuốc do Sa Liên kiên nhẫn, ngoan ngoãn quán bằng lá thuốc nội hóa thơm tho ngọt lịm lúc đầu, nay Xích không còn thấy thú vị nữa. Hẵn khao khát một hơi thuốc Tây phương đắng và nặng có mùi thơm ngậy ngất. Hàng năm nay hẵn chưa được hút một điều thuốc tẩu nào. Mới nghĩ thế hẵn đã thấy thêm rõ dãi.

Sa Liên cảm thấy sự bất trắc, định ngăn chồng, nhưng nàng lại thấy yên tâm khi nghĩ đến mối tình của hai người. Nàng cho rằng không có mãnh lực nào trên đời có thể chia rẽ nàng và Xích. Họ lên đồi hái đầy một giỏ cam rừng xanh ngắt nhưng ngọt và mọng nước. Họ thấy thêm vô số chuối, dứa, bưởi và xoài ngay quanh lều. Họ mang ra bờ biển. Rồi Xích và một đứa trẻ nữa chất hoa quả lên xuống, chèo ra khơi phía chiếc tàu Anh Cát Lợi.

Từ đó không bao giờ thiếu nữ gặp lại Xích nữa.

Ngày hôm sau đứa bé chèo xuống trở về đảo một mình khóc suốt suốt và kể lại đầu đuôi câu chuyện như sau:

Hai người chèo xuống độ nửa giờ thì tới gần tàu Anh. Xích cất tiếng gọi, một người da trắng nhìn qua cửa tròn bảo họ lên tàu. Xích và nó bung hai sọt quả bầy lên boong. Người da trắng và Xích có vẻ thỏa thuận với nhau ngay. Một người khác mang thuốc lá tới. Xích châm lửa hút thuốc rồi theo người da trắng vào trong cabin. Đứa bé ở ngoài nhìn qua cửa mở thấy ở trong người ta đang sửa soạn cốc và mang ra một chai rượu. Xích hút thuốc và uống rượu. Người ngồi uống với Xích cò nhờ Xích một việc gì vì thấy Xích cười và lắc đầu. Người này cũng cười và cầm chai rót thêm rượu vào cốc của Xích. Hai người lại tiếp tục uống rượu và trò chuyện. Nhìn mãi cảnh ấy cũng chán, đứa bé nằm cuộn trên boong tàu và ngủ.

Một người đá vào lưng đứa bé làm

nó giật mình tỉnh dậy và nó thấy tàu đang từ từ rời vịnh để ra khơi. Xích vẫn ngủ mê mệt trên bàn, đầu gục trên cánh tay. Đứa bé định tới đánh thức Xích dậy, thì một người đàn ông với vẻ mặt dữ tợn chỉ tay về phía lối xuống và nói xì xồ gì nó không hiểu. Nó vừa cất tiếng gọi Xích, bỗng một người nhanh như cắt ôm ngang lưng nó và ném xuống biển.

Nó bơi một lúc lâu bám được chiếc xuống và trở về bờ vừa đi vừa khóc.

Người ta đã giải thích việc bắt cóc Xích như sau; thủy thủ đoàn trên tàu Anh mới đây bị giảm nhân số vì có nhiều kẻ đào ngũ hoặc chết vì bệnh dịch. Khi Xích lên, thuyền trưởng đề nghị muốn hấn làm việc trên tàu. Bị từ chối, ông cho chuốc rượu Xích say rồi bắt đi.

Đau khổ đến điên cuồng. Sa Liên

khóc lóc kêu gào suốt ba ngày đêm liền. Dân trong đảo đổ dành nàng hết cách nhưng không được. Nàng bỏ cơm không ăn. Thân thể gầy còm, tinh thần bạc nhược dần dần. Nhiều lúc Sa Liên ngồi trầm ngâm hàng giờ trên cát trắng, mắt đăm đăm nhìn ra khơi với hy vọng Xích sẽ trốn thoát để trở về với nàng, nước mắt chảy ròng ròng trên hai má. Buổi chiều nàng chán nản mệt nhọc, lê bước theo bờ vịnh trở về lều để tiếc thương hạnh phúc đã qua. Người chú mời nàng về ở với họ cho khuây sầu nhưng nàng từ chối. Tin tưởng thế nào Xích cũng về, nàng nhất định ở lại lều để đón Xích tại chính nơi hấn đã bỏ ra đi. Bốn tháng sau nàng sinh một đứa con trai nhưng đứa trẻ chết ngay sau khi thấy ánh sáng. Một bà già trong họ đến lều ở với Sa Liên để an ủi nàng. Tất cả lạc thú ở đời đối với nàng đều không còn nữa. Với thời gian,

nỗi lo lắng của Sa Liên biến thành một niềm sầu thảm bất tuyệt.

Có ai dám ngờ rằng nỗi nhớ thương của một thiếu nữ đắm say bỗng bột như Sa Liên lại bền bỉ như thế được? Không lúc nào nàng thôi tin tưởng dù sớm hay muộn, Xích cũng trở lại với nàng. Nàng rình mò, chờ đợi. Hễ mỗi khi có một bóng người bước lên cầu dừa, nàng lại ngước mắt lên tưởng như Xích trở về.

Lân-Sơn ngừng lời và thở nhẹ.

Viên thuyền trưởng hỏi:

– Thế rồi sau nàng ra sao?

Như chợt tỉnh, Lân Sơn đáp trong nụ cười:

– Ba năm sau nàng lấy một người da

trắng khác.

Viên thuyền trưởng cười hô hố:

– Đời là thế mà.

Ông già Thụy Điển nhìn khách, thoáng một vẻ hờn ghét. Ông thấy ghê tởm trước cái cười khoái trá của người khách lạ.

Lân Sơn trầm ngâm nghĩ tới những kỷ niệm quá vãng của mình. Hai mươi lăm năm trước, khi rời Apia tới đây chàng là một thanh niên ốm yếu, chán chường mọi cuộc ăn chơi trác táng bỏ dở một sự nghiệp mà chàng thấy đây hứa hẹn. Chàng nhất quyết giã từ hy vọng sẽ làm một việc gì cho ra chuyện và cam chịu an phận sống một vài tháng thư nhàn cuối cùng trong đời. Chàng trú ngụ tại nhà một thương gia lai Âu ở đầu làng cách bờ

biển chừng hai cây số.

Một hôm, thơ thần đi bách bộ trên những con đường nhỏ cỏ mọc xanh rì, chàng tới căn lều của Sa Liên. Phong cảnh đẹp dễ hữu tình khiến Lân Sơn thấy khoan khoái gần như tê tái. Rồi chàng trông thấy Sa Liên, người thiếu nữ đáng thờ phụng được thiên hạ tán dương mà chàng chưa gặp lần nào. Vẻ sâu thẳm trên đôi mắt u buồn của nàng khiến tâm thần chàng rối loạn một cách kỳ dị, Giống người đảo này vốn là giống đẹp nhẹ nhàng. Đôi mắt sâu thẳm có một nét buồn huyền bí, tiết ra nỗi u ẩn của định mệnh khắc khe.

Lân Sơn rất xúc động khi nghe người thương gia chủ trọ kể chuyện đời Sa Liên. Chàng đã hỏi rằng:

– Ông có tin sẽ có ngày Xích trở về

không?

Người chủ trọ trả lời:

– Đâu có chuyện lạ, ông ơi! Chỉ hai năm sau, thủy thủy đoàn giải tán, Xích đã hoàn toàn quên lãng Sa Liên. Khi tỉnh dậy. Xích biết là bị bắt cóc, có thể hấn giận dữ lắm, giận muốn giết người cho hả, nhưng cũng đành phải bó tay. Tôi cam đoan chỉ một tháng sau, hấn sẽ cho cuộc rời bỏ đảo là một hạnh phúc nhất đời của hấn.

Câu chuyện ấy làm Lân Sơn thắc mắc không thôi. Phải chăng do sự ốm yếu thể xác của mình Lân Sơn đã chú ý nhiều đến sức khỏe dồi dào của Xích. Chàng cũng thích quan sát vẻ đẹp của người xung quanh, thường thường chàng không chú ý tới những chuyện tình ái vắn vơ nhưng đặc biệt thích thú câu chuyện luyến ái

giữa Sa Liên và Xích. Nàng có một nhan sắc kiều diễm khôn tả. Bẩm sinh có năng khiếu về ngoại ngữ. Lân Sơn miệt mài vào việc học thổ ngữ địa phương. Chàng học hỏi dân bản xứ và sách vở nói về thổ ngữ vùng quần đảo Samoa. Một hôm, chàng trở lại căn nhà nhỏ của Sa Liên ở cuối vịnh. Bà già mời chàng vào nhà vì lâu lắm mới có dịp chuyện trò thỏa thích. Bà mang trái cây và thuốc lá ra mời khách. Trong khi nghe chuyện, Lân Sơn ngắm Sa Liên. Nàng làm chàng nhớ tới bức danh họa Psyché trong viện bảo tàng thành phố Naples. Nàng cũng có những đường nét và phong độ trinh trắng như giai nhân trong tranh vẽ. Lân Sơn tới thăm đến hai, ba lần nàng mới chịu nói chuyện với chàng và câu đầu tiên nàng hỏi là khi chàng còn ở Apia có gặp thanh niên nào tên là Xích hay không? Hai năm đã trôi qua kể từ ngày

Xích bị bắt cóc, nhưng nàng vẫn không lúc nào nguôi thương nhớ người tình.

Lân Sơn cảm thấy mình bắt đầu yêu. Chàng cố gắng tránh không tìm tới nhà Sa Liên mỗi ngày. Nhưng hễ chàng tới, chàng lại luôn luôn nghĩ tới nàng. Mới đầu, chàng chỉ mong trông thấy mặt và nghe nàng nói là đủ rộn ràng sung sướng với ảo tưởng một mối tình thanh cao. Chàng không ao ước gì hơn là được chiêm ngưỡng, thưởng thức nhan sắc duyên dáng của nàng.

Khí hậu dịu hiền miền Nam Hải, sự nghỉ ngơi và cuộc sống thanh đạm điều độ đã làm tăng sức khỏe Lân Sơn một cách không ngờ. Buổi chiều, nhiệt độ chàng không lên cao đáng ngại như trước, Chàng bớt ho và lên cân. Sáu tháng qua, không thổ huyết lần nào, chàng bỗng thấy hy vọng sống và yêu đời.

Bệnh đối với chàng không còn là nỗi lo buồn hay bí ẩn nữa. Chàng nghĩ và hoạch định tương lai một cách lạc quan. Cố nhiên chàng vẫn không thể làm những công việc nặng nhọc, nhưng chàng vẫn còn kéo dài cuộc sống ở đảo này. Những nguồn lợi của chàng nếu sống ở nơi khác thì quá ít ỏi, nhưng ở đây chàng có thể sống một cách ung dung. Chàng sẽ trồng cây cối bán hoa lợi lấy tiền mua sách vở và một chiếc dương cầm. Những dự tính ấy thực ra chỉ là một nguyên cớ để che giấu cái dục vọng đang ám ảnh Lâm Sơn.

Chàng thêm muốn Sa Liên. Chàng vừa yêu nhan sắc vừa yêu cả tâm sự u buồn của nàng giấu kín sau đôi mắt xót xa. Dần dần lòng yêu say đắm của chàng đã cảm hóa Sa Liên làm cho nàng quên người cũ. Chàng nuôi một tham vọng đem lại cho Sa Liên nguồn hạnh phúc

mà nàng tưởng rằng đã mất.

Chàng ngờ ý muốn chung sống với nàng nhưng nàng không ưng thuận. Tuy vậy chàng không nản lòng: sớm hay muộn, chàng sẽ thuyết phục được Sa Liên. Chàng ngờ ý với bà già ở chung nhà. Những người lân cận cũng khuyên Sa Liên nên nhận lời cầu hôn. Những người bản xứ tình nguyện giúp đỡ việc kinh doanh cho người da trắng và như vậy Lâm Sơn sẽ trở nên giàu có. Người chủ trọ Lâm Sơn cũng khuyên Sa Liên không nên bỏ lỡ cơ hội tốt nhất và chuyện trở về của Xích chỉ là ảo vọng. Trước sự kiên quyết của người thiếu nữ, mối tình thanh cao của Lâm Sơn đã trở thành một sự mê say đắm đuối pha ít nhiều dục vọng. Chàng liên tiếp thôi thúc Sa Liên. Rốt cuộc, không thể chống lại được những khẩn khoản thành thực chàng và áp lực

dư luận xung quanh, nàng đành nhận lời.

Sáng hôm sau, lòng mừng quýnh, chàng tới thăm Sa Liên thấy căn lều nàng sống với Xích trước kia đã bị chính nàng đốt cháy trong đêm trước. Bà già phần nộ trước hành động của nàng, chạy tới phân vua với Lân Sơn nhưng chàng không quan tâm tới chuyện đó. Thay thế cho căn lều cũ, chàng dựng một căn nhà khác kiểu Tây phương mát mẻ rộng rãi có thể bày được nhiều sách và kê được một dương cầm.

Căn nhà gỗ xinh xắn dựng xong là nơi cư trú cho chàng nhiều năm. Sa Liên trở thành vợ chàng nhưng vẫn khó quên người chồng cũ nên hạnh phúc bị suy giảm rất nhiều. Nàng trao xương gửi thịt cho chàng một cách miễn cưỡng, Lân Sơn dễ dàng nhận thấy điều đó. Trung

thành với Xích, nàng vẫn hy vọng ngày hẳn trở về. Mặc dầu Lân Sơn yêu nàng đắm đuối, săn sóc, chiều chuộng hy sinh vì nàng nhưng nàng vẫn có thể bỏ chàng không luyến tiếc nếu nghe tiếng gọi của Xích ngoài biển khơi.

Lân-Sơn đôi lúc lo lắng đến trở nên cáu kỉnh. Chàng đã đối xử với vợ vô cùng đại lượng nhưng cũng không cảm hóa được nàng. Chàng bèn giả vờ lãnh đạm nàng cũng không chú ý. Chịu không nổi, đôi khi Lân Sơn đánh đập vợ, nàng chỉ thút thít khóc ngấm ngấm. Có lần chàng tự hỏi phải chăng tâm hồn nàng không phải như chàng đã tưởng tượng. Đôi lúc chàng tự hỏi có lẽ chàng không thể đi vào tận tâm can nàng vì tâm can nàng không có lối đi. Tình của chàng trở nên tù ngục. Chàng có quyền rời bỏ tù ngục nhưng tự thấy mình kiệt lực không giờ

nổi cánh tay để mở cửa vượt ra vùng tự do.

Thực là một cực hình. Chán nản quá đỗi, chàng tỉnh ngộ và không ngó ngàng gì tới Sa Liên nữa. Khi chàng thấy Sa Liên đắm đuối nhìn ra phía cầu dừa chàng không hờn giận mà chỉ thấy chán chường. Năm tháng qua, họ sống ràng buộc với nhau như một thói quen cần thiết. Nhớ lại cuốn phim dĩ vãng, Lân Sơn mỉm cười. Sa Liên đã già rồi. Trên đảo, nhan sắc đàn bà tàn phai mau quá. Thiếu ái tình, Lân Sơn sống với vợ bằng lượng khoan hồng. Người vợ tôn trọng sự cô đơn của chồng. Lân Sơn tìm thú vui trong âm nhạc và sách vở.

Lân Sơn triết lý:

– Mỗi khi nghĩ đến mối tình say đắm ngắn ngủi giữa Xích và Sa Liên, tôi thầm

cảm ơn định mệnh đã chia cách họ đúng lúc tình yêu lên cao tột độ. Họ đau khổ thật nhưng mối tình đẹp để bao nhiêu vì đã tránh được sự kết thúc phũ phàng của ái tình.

Viên thuyền trưởng nói:

– Tôi không hiểu ông định nói gì?

– Sự kết thúc phũ phàng của tình yêu không phải là sự chết hay là sự chia lìa. Ông có biết tình âu yếm giữa hai kẻ tình nhân lâu bền được bao lâu? Khi ông say đắm một thiếu phụ bằng tất cả tấm lòng, ông say đắm đến nỗi không thể vắng mặt người yêu dù trong giây phút, thế mà khi người đàn bà vĩnh viễn lìa bỏ ông, ông thấy không đau đớn nữa thì mĩa mai biết bao. Cái kết thúc phũ phàng của tình yêu chính là sự lãnh đạm chán chường.

Giữa câu chuyện có một vẻ gì khác lạ. Dù Lân Sơn nói chuyện với viên thuyền trưởng nhưng thực ra ông tự tâm sự với ông. Mắt vẫn hướng về người khách lạ, Lân Sơn chẳng thấy gì, ông diễn tả những ý nghĩ của ông thành lời nói chính là để ông nghe. Ông hình dung một ảo ảnh khác trong con người hiện tại như khi ta thấy bóng mình dài ngắn khác nhau tùy theo lúc soi trước mỗi loại gương.

Nhìn người đối thoại qua tấm vóc ông già phì nộn, Lân Sơn thoáng thấy hình bóng ẩn hiện rụt rè của một chàng trai trẻ. Ông thấy xúc động trong tâm, ông tự hỏi sự ngẫu nhiên tiền định nào đã đưa đây người đàn ông kia lạc loài tới đây? Ông thoáng thấy một nét hoài nghi. Ông muốn thử lại tưởng tượng của mình...

– Quý danh ông là gì nhỉ?

Mắt viên thuyền trưởng nheo lại. Với thái độ thờ lố mãng, ông ta cười gằn một cách mỉa mai:

– Đã lâu lắm, tôi cũng không nghe đến tên tôi nữa. Chính tôi, tôi cũng quên mất nhưng cách đây ba mươi năm, ở đảo này người ta thường gọi tôi là Xích.

Nói rồi, ông ta lại cười sặc sụa rung cả đôi vai mập. Thật là đáng tởm. Lân Sơn rùng mình. Từ đôi mắt đỏ tia máu của Xích ứa ra những dòng lệ hoan hỷ.

Lân Sơn đang cố nén cho khỏi vùng dậy thì một người đàn bà bản xứ từ ngoài cửa bước vào. Bà lão có nước da bánh mật, tóc đã điểm bạc tuy không vạm vỡ nhưng có dáng người mạnh khỏe và hách dịch. Bà vận một chiếc áo choàng. Qua lần vải đen mỏng thoáng thấy bộ ngực chảy xệ bên trong.

Cơ hội quan trọng đã tới.

Lân Sơn trả lời câu hỏi của bà về một câu chuyện bếp nước.

Bà lãnh đạm liếc mắt nhìn người khách ngồi bên cửa sổ rồi lại lặng lẽ đi vào trong. Cơ hội quan trọng đã tới và đã qua.

Ngạc nhiên quá sức, Lân Sơn không nói nên lời. Một lát sau, ông mới ngỏ ý:

– Mời ông ở lại dùng cơm với tôi bữa nay nhé.

Xích đáp:

– Có lẽ không tiện ông ạ! Tôi còn mắc bận kiểm ông Thuận Tường để giao hàng cho ông ta rồi phải đi ngay kịp trở về Apia ngày mai.

– Tôi sẽ bảo thằng nhỏ dẫn đường cho ông.

– Thế thì cảm ơn ông quá.

Xích đứng dậy trong khi Lân Sơn gọi một đứa trẻ dặn dò nó chỉ đường cho Xích. Xích chào chủ nhà rồi cùng đứa trẻ đi về phía cầu.

Lân Sơn nói theo:

– Khéo không ngã đấy nhé.

– Không đời nào.

Lân Sơn nhìn theo. Khi viên thuyền trưởng khuất sau rặng dừa, ông vẫn chưa thôi. Mãi sau, ông mới trở vào ngôi phịch xuống ghế.

Đó chính là con người đã phá hại hạnh phúc của ông, con người mà Sa Liên yêu thương mãi mãi, người mà Sa

Liên đã hoài công chờ đợi.

Thực là một sự kỳ cục cay đắng. Ông thấy giận sôi lên và muốn đập phá tan nát những đồ đạc quanh mình. Thật là một sự lầm lẫn bĩ ối. Đó, họ vừa gặp lại nhau mà đâu có nhận ra nhau? Lân Sơn bật cười, thương xót như điên dại. Trời xanh đã cho ông một vợ quá tàn ác và tới nay ông đã quá già nua.

Sa Liên kêu chồng vào ăn sáng. Ông ngồi trước mặt và cố gắng ăn cho xong bữa. Ừ, giá bây giờ ông nói cho bà biết lão già phì nộn khi nãy chính là người yêu dấu của bà thì phản ứng sẽ ra sao? Còn đâu niềm say đắm thời son trẻ? Ngày xưa, khi nàng làm Lân Sơn đau khổ, chàng cũng kiếm cách gọi lại vết thương lòng của nàng để trả thù vì chính tình yêu là ghen ghét và thù hận. Ngày nay, ông không có ý nghĩ trả thù nữa. Ông

nhún vai một cách vô tư lự. Bà hỏi:

– Lão già lúc nãy đến đây làm gì thế?

Lân Sơn chưa trả lời. Sa Liên giờ cũng già lắm, một bà già thô lỗ tàn héo. Không hiểu sao có thời ông đã yêu bà đến si mê? Ông đã từng van xin tuyệt vọng để mong bà đáp lại tình yêu. Thật là uổng công vô ích!.. Ngày nay trước mặt bà, ông chỉ còn thấy một sự chán ghét nào nề.

Ông không thể kiên nhẫn chịu đựng được nữa rồi.

Ông đáp lại câu hỏi của vợ:

– Lão ta là thuyền trưởng một tàu buôn từ Apia tới.

– Thế à?

– Lão kể chuyện nhà cho tôi nghe. Ở quê, anh tôi đang ốm nặng và vì thế tôi

phải đi hôm nay.

– Ông đi có lâu không?

Lân Sơn nhún vai không đáp.

NGƯỜI ĐI QUA TƯỜNG

MARCEL AYMÉ

Marcel Aymé. sinh tại Joigny năm 1902, tác giả nhiều tiểu thuyết và kịch bản nổi tiếng. Kịch La Tête des Autres của ông gây nên nhiều dư luận sôi nổi tại Pháp. Tập truyện ngắn nổi tiếng của ông hiện giờ là cuốn *Le Passe-muraille* gồm 10 truyện.

Trên căn gác ba nhà 75/B đường Kiên Sinh, xóm Mông Mác có một người đàn ông, tên Duy, có biệt tài đi xuyên qua tường dễ dàng như đi trong chỗ không có người. Mang cặp kính không càng với bộ râu cằm đen, rậm, chàng là một tiểu công chức tòng sự tại Bộ Trước Bạ. Mùa đông chàng dùng xe buýt tới sở, ngày đẹp trời chàng mang chiếc mũ phớt màu hạt dưa lững thững đi bộ.

Năm Duy bốn mươi ba tuổi, chàng mới biết cái đặc tài kỳ dị của mình. Chiều hôm ấy, Duy đang ngồi trong căn gác đọc thân, bỗng nhiên nhà điện cúp hơi. Chàng dò dẫm trong bóng tối tìm đường ra, và khi đèn bật sáng chàng ngạc nhiên thấy mình đã ở ngoài cầu thang tuy rằng cửa còn khóa phía trong. Chàng suy nghĩ rất lâu về hiện tượng lạ lùng đó, rồi mặc dầu thấy rằng phi lý, chàng lại

trở lên căn gác nhỏ bằng lối cũ nghĩa là bằng cách đi xuyên qua tường. Chàng thấy khả năng lạ lùng đó không những không đáp lại nguyện vọng của chàng mà còn làm chàng thêm khó chịu. Hôm sau, nhân ngày thứ bảy, chàng tới một phòng mạch trong khu phố trình bày với bác sĩ về trường hợp của mình. Bác sĩ chịu tin là Duy nói thực và sau khi khám, nhận thấy căn bệnh Duy phát sinh bởi sự “héo quắt xoáy tròn” của những hạch cổ họng và mô sụn.

Bác sĩ đưa chàng một gói thuốc, dặn khi nào mệt nhọc quá độ uống một viên nếu không mỗi năm uống hai viên. Thuốc này rất công hiệu vì chế bằng hạt cây mã tử trộn với tinh bột và ngoại hạch kỳ lân.

Uống xong một viên thứ nhất, Duy cất gói thuốc bỏ vào ngăn kéo rồi cùng

không bao giờ sờ tới nữa. Với những công việc đều đều như máy của một công chức, chàng không thấy lúc nào mệt nhọc quá sức cả. Những giờ rảnh việc, chàng giải trí bằng sách báo hay sưu tầm tem cũ nên cũng không hề phao phí sức khỏe. Như vậy trong gần một năm trời, chàng vẫn còn nguyên vẹn khả năng đi xuyên qua tường, song ít khi sử dụng tới khả năng kỳ diệu đó, trừ một đôi lần vì lơ đãng hoặc bị tính tò mò cám dỗ. Ngay cả những khi đi làm về chàng cũng mở khóa đẩy cửa hàng hoàng để vào nhà chứ không có ý nghĩ đột nhập bằng phương pháp khác. Có lẽ chàng sẽ già đi cùng với các thói quen bình thường hằng ngày, không hề nghĩ tới việc lợi dụng khả năng thiên phú của mình, nếu không có một biến chuyển bất ngờ đảo lộn cuộc sống của chàng.

Ông phó chủ sự của chàng được điều động lãnh nhiệm vụ khác. Người thay thế ông là Lê Kim, rất ít nói, với đôi ria cứng như bàn chải đánh giày. Ngay từ phút đầu, ông phó chủ sự mới đã nhìn bộ râu đen và cặp kính không càng của Duy với một vẻ mặt đầy ác cảm. Ông coi chàng như một nhân vật quần chân xấu xí. Nhưng điều quan trọng hơn cả là ông tân phó chủ sự có ý định cải tổ mọi lễ lối làm việc, khuấy động phong độ bình thản của người nhân viên thâm niên ấy. Từ hai mươi năm nay mở đầu các thư tín Duy đều viết “Thưa ngài, kính phúc quý thu của ngài, tôi trân trọng kính báo quý ngài rõ...” Thì nay Lê Kim cho bỏ lối mở đầu đó, và thay bằng một câu có vẻ Mỹ hơn: “Phúc đáp thư ông, tôi thông báo để ông biết...”

Duy không thể làm quen với lối văn

thiếu lễ độ đó. Chàng vẫn luôn luôn áp dụng lễ lối cổ truyền, khiến mỗi bất bình giữa chàng và ông phó chủ sự mỗi ngày mỗi tăng thêm. Không khí trong Bộ Trước Bạ trở nên quá nặng nề với chàng. Buổi sáng, chàng đi làm với tất cả e dè, lo ngại; buổi tối có khi trần trọc hàng giờ mới ngủ.

Bực mình với thái độ thoái hóa của người thư ký cản trở việc cải tổ của mình, Lê Kim đẩy Duy vào một xó buồng nhỏ sau bức tường ngăn bàn giấy của ông. Xó buồng này có một cửa thông ra hành lang, trên cửa còn treo một tấm biển cũ với mấy hàng chữ sơn loang lổ; “nhà kho”. Duy đau đớn chấp nhận điều nhục mạ không tiền khoáng hậu ấy, nhưng chiều đến, đọc vài tin án mạng đẫm máu trong báo, chàng mơ màng tưởng tượng như nạn nhân chính là ông Lê Kim.

Một hôm ông phó chủ sự đẩy cửa vào xó buồng tay cầm một tờ giấy giơ lên và hét to:

– Sửa lại cho tôi cái giẻ rách này. Viết ngay lại cái giẻ rách xấu xa này đi. Thật là ô nhục cho cả sở.

Duy toan bào chữa, nhưng bằng một giọng sang sảng, ông Lê Kim đã tặng cho chàng danh hiệu một giấy, rồi vò nát tờ công văn cầm trên tay ném vào mặt chàng trước khi đi ra. Duy là người nhũn nhặn nhưng nhiều tự ái. Ngồi yên lặng một mình trong xó buồng suy nghĩ một lát, chàng bỗng nảy một ý tưởng trả thù. Chàng kéo ghế đứng dậy tiến tới bức tường ngăn cách phòng ông phó chủ sự, chui qua một cách khéo léo để chỉ lộ riêng cái đầu sang phía tường bên kia. Lúc ấy Lê Kim còn giận dữ, đang nhăn mặt viết thêm một dấu phẩy trên

một bản dự thảo công văn đệ trình, bỗng nghe thấy tiếng ho trong phòng, ngược mắt nhìn lên, ông kinh hãi thấy đầu Duy ngất ngư trên tường đầu như một con thú mà các nhà thiện xạ thường treo để kỷ niệm chiến công săn bắn. Đằng này cái đầu Duy còn sống hần hoi. Đôi mắt Duy nhìn ông bằng những tia căm hờn. Rồi đầu Duy cất tiếng nói:

– Anh là một thằng nhãi con, đều giả và hèn hạ!

Giận dữ tới cực điểm, ông Lê Kim mắt chăm chăm nhìn lên tường, rồi đột nhiên ông nhảy ra khỏi bàn giấy, chạy theo hành lang tới xó buồng của Duy. Duy lúc ấy vẫn cần mẫn và yên lặng ngồi chỗ thường lệ, tay cầm bút hí hoáy viết. Ông phó chủ sự nhìn chàng chăm chăm, cầu nhàu mấy tiếng rồi trở về phòng. Ông vừa ngồi yên chỗ, cái đầu lại ló trên

tường:

– Anh chỉ là một thằng nhãi con, đều già và hèn hạ.

Riêng ngày hôm đó, cái đầu khả nghi xuất hiện hai mươi ba lần trên tường và các ngày kế tiếp cũng xuất hiện một nhịp đều đặn như vậy. Trò chơi trở nên dễ dàng quá với Duy, nên chàng không thấy thú vị trong việc sĩ mắng ông phó chủ sự nữa. Chàng đổi sang trò khác: chàng lấy giọng khàn khàn, nghệt mũi nói như một âm binh từ bên kia thế giới:

– Ta là “ma sói” hiện hình. Ta sẽ bắt những kẻ gian ác, cứu giúp kẻ hiền lành.

Nghe dứt câu, ông phó chủ sự mặt tái nhợt, hơi thở nghẹn trong cổ, tóc dựng đứng và mồ hôi vã ra như tắm. Ngày thứ nhất ông sút nửa cân. Một tuần sau ông

gầy trông thấy và như người mất hồn. Ông múc cháo bằng phuốc sét [*fourchette*: nĩa], ra đường trông thấy người cảnh sát nào ông cũng kính cẩn chào theo lối nhà binh. Tới tuần lễ thứ hai, ông quy hản và người ta phải chở ông đi nhà thương.

Thoát khỏi ách hà khắc của Lê Kim, Duy lại trở về với văn thể quen thuộc cũ: “Thưa ngài, kính phúc quý thư của ngài tôi trân trọng kính báo...”. Tuy nhiên, Duy vẫn thấy chưa thỏa mãn. Chàng cảm thấy bị thôi thúc bởi một ham muốn kỳ lạ, ham muốn đi qua tường. Điều này dễ dàng lắm vì chàng có thể thực hiện ngay trong căn phòng nhà chàng. Nhưng một người có khả năng huyền diệu như thế sẽ thấy tầm thường nhạt nhẽo nếu chỉ đi qua mãi mãi bức tường nhà mình, và đi qua để rồi tới mục đích nào khác hơn nữa chứ? Cứ đà ấy Duy tự biết sẽ

dấn thân vào một cuộc phiêu lưu xa xôi hơn. Duy cảm thấy ham muốn một hành động gì xuất chúng và tiếng gọi âm thầm bên kia các bức tường thấm vào tâm hồn chàng như lòng sầu xứ. Chàng tìm tòi mãi chưa thấy một mục tiêu đích đáng. Chàng đọc báo kiểm những mục chính trị, thể thao, trinh thám, mong gặp một mẫu hành động xứng đáng với người có tài đi qua tường như chàng.

Cho tới ngày Duy lao mình vào một vụ trộm đầu tiên ở một trụ sở một cơ quan thông tin lớn. Sau khi đi qua mười hai bức tường, chàng đi qua các kết sắt đủ loại, cầm giấy bạc nhét đầy hai túi áo, rồi lấy phấn đỏ ký biệt hiệu Ma Sói trên vách trước khi rút lui. Hôm sau tất cả các báo đều in hình chụp chữ ký và bút tích của chàng.

Trong một tuần, cái tên Ma Sói đã trở

nên đầu mỗi câu chuyện của mọi người. Quần chúng dành một cảm tình đặc biệt với tên trộm đại tài khinh thường cảnh sát ấy. Rồi mỗi đêm Ma Sói lại lập thêm một kỳ công mới, khi tại ngân hàng, khi tại tiệm kim hoàn hoặc tại một nhà tỷ phú. Ở Ba Lê cũng như ở các tỉnh không có người đàn bà lẳng mạn nào không mong muốn được trao tâm hồn và xác cho chàng Ma Sói tài ba. Sau vụ lấy trộm kim cương vô giá ở tiệm Phan Sơn và vụ đột nhập thương tín cuộc, cảm tình của quần chúng đối với Ma Sói lên tới độ say mê. Ông Bộ Trưởng Nội Vụ phải từ chức, rồi đến lượt ông Bộ Trưởng Trước Bạ từ chức theo. Trong khi ấy, dù trở nên triệu phú tại kinh thành Ba Lê, Duy vẫn ngày hai buổi tới sở rất đúng giờ giấc và đang được đề nghị ân thưởng huy chương. Cái khoái nhất của bây giờ là mỗi sáng tới Bộ Trước Bạ được nghe các bạn đồng sự

ca tụng thành tích đêm trước của chính mình. Họ nói:

– Tên Ma Sói thật là một con người kinh khủng, một siêu nhân, một ông thần v.v...

Nghe những lời tán tụng ấy Duy đỏ mặt bối rối và mắt nhấp nháy sau cặp kính không càng như thâm cảm ơn các bạn. Tới một ngày kia cảm tình của các bạn đồng sự đối với Ma Sói nồng nàn quá, Duy thấy rằng chẳng cần giữ bí mật quá lâu nữa. Nhân lúc các bạn chàng xúm xít châu đầu quanh một tờ báo xem tin vụ trộm ở Pháp Quốc Ngân Hàng, chàng tiến tới gần nói bằng một giọng nhún nhường:

– Các anh có biết Ma Sói là ai không? Chính là tôi.

Cả bọn cười ồ lên chế nhạo Duy đã mạo nhận tên Ma Sói. Rồi suốt buổi chiều hôm ấy, Duy vẫn là đầu đề diễu cợt bất tận cho bạn bè chàng. Duy thấy đời kém phần tươi đẹp.

Vài ngày sau, Ma Sói bị một toán lính tuần đêm bắt trong một tiệm vàng đường Hòa Bình. Chàng ký tên thật lên quầy thu ngân và hát oang oang khi vào lấy đồ. Lúc trở ra chàng không đi như thường lệ, mà dùng chiếc bình vàng khối đập tan mấy lần cửa kính kêu xoang soảng. Sau khi bị bắt, Duy có thể dễ dàng dứt khỏi toán lính rồi chạy xuyên qua tường để trốn, nhưng chàng không làm thế. Người ta cho rằng chàng cố ý để bị bắt không ngoài ý muốn rửa nhục với các bạn bè bằng cách chứng minh chính mình là Ma Sói. Thực vậy, hôm sau các bạn bè Duy rất sửng sốt khi thấy báo chí

đăng tin và hình ảnh Duy ngay trên trang nhất. Họ rất hối hận đã hoài nghi người bạn tài ba của họ, và để chuộc lỗi mỗi người đều bắt chước để một chòm râu cằm như Duy. Cũng có một vài người, vừa hối hận vừa thán phục, đã bắt chước Duy bằng cách đỡ nhẹ ví tiền hoặc đồng hồ của bạn bè thân quyến.

Có lẽ, có người nghĩ rằng để cho cảnh binh bắt với mục đích đơn sơ làm ngạc nhiên một số bằng hữu, chứng tỏ Duy là người nông nổi không xứng với khả năng siêu quần của chàng. Thực ra, khi từ chối sự tự do, Duy tưởng rằng chỉ hành động để trả thù bè bạn, nhưng chính chàng đã vô tình bị lôi kéo trên đường định mệnh.

Vả lại, với một người có tài đi qua tường cũng cần ít nhất vào khám một lần để rộng đường tiến thủ. Vì thế khi đi qua các phòng giam, Duy thấy như số mệnh

đang chiều đãi chàng. Trông những bức tường dày, Duy có cảm tưởng như sắp dự một bữa tiệc ngon. Một ngày sau khi Duy bị nhốt, người cai ngục mở cửa vào thăm chàng trong xà lim, đã trố mắt kinh hãi khi thấy chiếc đồng hồ vàng của ông giám đốc lao xá treo lủng lẳng trên một cái đinh mới đóng gần đầu giường Ma Sói. Ma Sói không cần và cũng không muốn giải thích tại sao chiếc đồng hồ tới tay chàng. Người cai ngục lấy chiếc đồng hồ trả lại chủ nhân, nhưng sáng hôm sau chiếc đồng hồ này lại nằm gọn trên gối Duy, cùng với cuốn Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ đêm trước còn nằm phô gáy mạ vàng trong tủ sách nhà ông giám đốc. Tất cả nhân viên tại lao xá này đã bắt đầu mệt lử. Ma Sói bị giữ được một tuần thì một việc xảy ra làm ông giám đốc vô cùng sửng sốt. Sáng sớm, ông tới sở, vừa toan ngồi xuống đã chú ý ngay

tới một mảnh giấy nhỏ trên bàn, với mấy hàng chữ: “Thưa ông giám đốc. Tôi trân trọng báo để ông biết, tôi đã xem xong cuốn hai, bộ tiểu thuyết Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ và tôi định sẽ vượt ngục vào từ khoảng 11 giờ 25 đến 11 giờ 35 đêm nay. Thành thật xin ông giám đốc nhận nơi. đây lòng ngưỡng mộ của tôi. Ma Sói”.

Nhà lao đã huy động toàn lực để tăng cường canh gác đêm hôm ấy, nhưng Duy cũng đã ra khỏi ngục hồi 11 giờ rưỡi.

Tin này được công chúng đón nhận với một niềm hân hoan không bờ bến. Tuy nhiên, sau đó Duy làm một mẻ trộm lớn nữa mà cũng không nghĩ tới chuyện lẩn trốn, vẫn nghênh ngang đi giữa xóm Mông-Mác như một người lương thiện. Ba ngày sau khi vượt ngục, Duy lại bị bắt giữ tại tiệm cà phê Lý Vân trong khi đang

nhậu nhẹt với bạn bè. Trở lại nhà lao bị nhốt trong một căn ngục tối om với ba lần khóa, Ma Sói không chịu nổi, rút lui ngay lên ngủ trên phòng tiếp khách của ông giám đốc. Chín giờ sáng, chàng bấm chuông gọi bồi dọn bữa ăn sáng xong xuôi thì lính canh tìm thấy chàng dẫn trở về ngục. Ông giám đốc cho lệnh đặt một vụng canh ngay cửa phòng giam và chỉ cho chàng ăn bánh khô. Đến trưa, Duy ngồi ăn đàng hoàng tại một tiệm cao lầu cách đó mấy chục thước. Uống xong cà phê chàng gọi dây nói về:

– A lô. Kính chào ông giám đốc. Tôi rất bối rối vì vừa rồi trước khi đi tôi đã quên không mượn ví của ông, thành thử bây giờ không còn tiền trả ông chủ tiệm. Vậy xin ông làm ơn cho một người nào cầm tiền tới thanh toán giùm tôi bữa ăn sáng nay.

Ông giám đốc giận dữ đích thân chạy tới và nhiect mắg Duy thậm tệ. Lòng tự ái bị thương tổn đêm đó Duy vượt ngục và nhất định không trở lại nữa. Lần này thậm trọng hơn, chàng cạo nhắ bộ râu cắ và thay cặp kính không cắg bằng cặp kính đôi mồi. Đi đầu chàng vận bộ đồ kẻ ô vuông lớn, đội chiếc mũ thể thao gia nên trông khác hẳn. Chàng về ở một căn phòng nhỏ tại đường Tự Do. Trước khi bị bắt lần thứ nhất chàng đã di chuyển tới căn phòng này một ít giường ghế và đồ đạc quý giá. Tiếng tăm làm cho Duy thêm một nhọc và từ ngày ở nhà lao chàng bắt đầu thấy việc đi qua tường kém nhiều thú vị. Những bức tường dày nhất, kiên cố nhất chàng chỉ coi như những tấm bình phong và giờ đây chàng mơ màng có ngày tiến thẳng vào trong lòng những kim tự tháp đồ sộ nhất. Nung nấu trong mộng viễn du qua Ai Cập, chàng

lại sống một đời bình thản với tập tem cũ đã sưu tầm, với các buổi chiều bóng tắm thường hay các cuộc nhận du trong khu Mông-Mác. Hình thức thay đổi bề ngoài của chàng chu đáo quá, đến nỗi đi sát bên những bạn thân nhất họ cũng không nhận ra anh chàng không râu đeo kính đôi mồi là ai nữa. Riêng chỉ có họa sĩ Diên Phu nhận ra chàng. Một sớm, chạm trán Duy ở góc đường Hòa Bình, họa sĩ không kìm hãm nổi nữa, khẻ rí tai Duy nói lỏng:

– Này bồ! Giờ trá hình thành công tử để lừa công an đấy phải không?

Duy lắ mắ mắ:

– Trời? anh cũng nhận ra tôi sao?

Duy lo lắg và quyết định chuẩn bị

gấp rút ngày lên đường đi Ai Cập. Thì ngay trưa hôm đó, chàng yêu một thiếu nữ tóc vàng mà chàng gặp hai lần ở đầu đường Lê Xích cách nhau 15 phút. Duy quên khuấy ngay cuốn tem cũ cũng như quên xứ Ai Cập với những kim tự tháp huyền bí. Về phía thiếu nữ nàng cũng nhìn Duy với cặp mắt đầy cảm mến. Có lẽ không có gì quyến rũ các thiếu phụ ngày nay bằng một thể thảo gia với cặp kính đôi mắt. Buồn thay, họa sĩ Diên Phu đã cho Duy biết người đẹp tóc vàng đã có chồng, một người chồng vũ phu và có tính ghen ghê gớm. Người chồng đa nghi ấy nhiều đêm đi từ chập tối tới sáng, bỏ vợ đơn độc ở nhà, nhưng không quên khóa trái hai lần cửa buồng trước khi đi, và thận trọng gài tất cả các cửa sổ cũng như cửa chớp. Ban ngày hẩn canh chừng vợ rất cẩn thận, có khi nàng đi phố hẩn cũng đi theo.

– Có tài thánh cũng không vào nổi nhà hẩn đâu! Đừng mơ mộng hão mà uống công.

Nhưng lời nói khích của Diên Phu chỉ làm cho mối tình của Duy càng thêm nồng cháy. Hôm sau gặp thiếu phụ ở phố An Sơn, Duy liền theo nàng tới tận hiệu kem cuối phố. Trong khi nàng chờ đợi món giải khát, Duy đánh bạo tới ngỏ mối tình nồng nàn của mình. Duy cũng nói rõ là chàng biết hoàn cảnh nàng với người chồng ác nghiệt, với cửa ngõ khóa chặt nhưng dù thế chiều nay Duy cũng yêu cầu nàng cho được tới thăm tại phòng riêng. Thiếu phụ tóc vàng đỏ mặt, tay cầm ly sữa run run nói bằng một giọng yếu ớt cảm động trong lúc đôi mắt rơm rộ đầy triu mến:

– Không thể được đâu anh ơi!

Tối hôm ấy khoảng mười giờ, lòng lâng lâng, Duy đi lại trên đường Túy Lâm mắt không rời dãy tường kiên cố bên phía trái sừng sững che kín một căn nhà nhỏ bên trong. Cánh cửa liền với bức tường chợt mở, một người đàn ông bước ra, vội vã khóa trái cửa lại trước khi đi rảo về phía phố An Sơn. Duy chờ cho hắn đi khuất hẳn phía xa vẫn còn cẩn thận lắm nhẩm đếm từ một đến mười rồi mới bắt đầu đi vào tường. Qua tất cả các tường dày và những cửa lớn, nhỏ trong ngoài còn nằm nguyên với khóa, Duy tới thẳng khuê phòng người giai nhân tù túng. Nàng tiếp đón Duy với tất cả say sưa và hai người chìm đắm trong hoan lạc tới cuối giờ tý mới dịu ngọn lửa yêu đương.

Hôm sau, Duy thấy nhức đầu như búa bổ. Song điều đó không quan trọng đến nỗi phải hủy bỏ cuộc hẹn hò với giai

nhân. Do sự tình cờ, Duy lại thấy mấy viên thuốc vất lỏng chổng trong ô kéo. Chàng uống một viên buổi sáng và chiều uống thêm viên nữa. Tối, cơn nhức đầu hơi thuyên giảm, và lòng phấn khởi cũng giúp Duy quên cơn bệnh, Tối nơi hẹn, thiếu phụ vẫn khắc khoải chờ Duy và đêm ấy hai người lại đắm say trong hạnh phúc tới lúc gà gáy sáng. Khi đi qua bức tường ở trong nhà để ra về, Duy cảm thấy hình như có sự cọ sát bất thường ở đùi và hai vai. Song chàng cũng không chú ý tới điều nhỏ mọn đó. Mãi khi đi qua các bức tường dày ngoài cùng, Duy mới thấy rõ một sự bế tắc kháng cự. Chàng cảm thấy hình như đi trong một chất nước sền sệt. đang đông đặc, và mỗi bước chàng tiến lên chất đông ấy cứng lại, rắn thêm. Cố gắng nhích trọn vẹn thân thể nào trong bức tường, Duy không tiến được bước nào nữa, mới hãi hùng sức nhớ tới hai

viên thuốc chàng mới uống hôm qua.

Hai viên thuốc, chàng lầm tưởng là át-pi-rin chính là những viên thuốc chế hóa bằng hạt cây mã tử trộn với ngoại hạch kỳ lân, mà vị bác sĩ trong khu phố đã cho chàng năm ngoái. Sự mệt nhọc quá độ mấy ngày nay của chàng đã giúp cho thần dược kiến hiệu mau chóng. Duy chết đứng trong lòng bức tường. Đến nay chàng cũng còn đồng hóa trong khối đá. Những kẻ đi đêm tới đường Túy Lâm, trong khi cái ồn ào của đô thị Ba Lê đã lắng xuống, thường nghe văng vẳng một giọng thầm thì như ma rên trong mộ mà họ cho là tiếng gió đuổi nhau. Đó chính là Ma Sói Trần Duy đang than tiếc một thời gian oanh liệt và mối tình ngắn ngủi dang dở của chàng. Cũng có đêm đông, họa sĩ Diên Phu vác cây lục huyền cầm tới đầu phố Túy Lâm buông

mấy âm thanh thánh thót lên để an ủi kẻ tù nhân hi hữu và xấu số. Những tiếng đàn ghê lạnh rơi vào lòng đá như những giọt trăng.

Erskine Caldwell sinh năm 1903 tại White Oak thuộc tiểu bang Georgia (Hoa Kỳ). Ông nổi tiếng với những tiểu thuyết Con Đường Thuốc Lá (Tobacco Road) và Thửa Đất Nhỏ Của Chúa Trời (God's little Acre).

Truyện ngắn Món Quà Tặng Ái Duy trong tuyển tập The Courting of Susie Brown của ông đã được Alain Bosquet chọn làm một trong số hai mươi truyện ngắn hay nhất của Hoa Kỳ.

MÓN QUÀ TẶNG ÁI DUY

ERSKINE CALDWELL

Mặt trời lặn bên sông hơn nửa
giờ rồi, Giôn vẫn rảo bước

trên con đường dẫn tới làng An Thông. Anh tới thăm Ái Duy, người tình sống đơn độc của anh trong căn nhà bên kia đê. Thỉnh thoảng anh lại chuyển chiếc hộp giày nặng nề từ tay này sang tay kia cho đỡ mỏi.

Vượt qua quãng giốc cuối cùng, anh đã trông thấy con đê và căn nhà Ái Duy với ánh sáng chập chờn trong khung cửa. Anh rảo bước thêm nữa như chưa từng bao giờ vội thế.

Trong nhà, Ái Duy đang thu dọn bát đĩa bữa ăn chiều. Nàng vừa hát khê vừa lấy chổi lông đuổi những con bướm đêm đang bay vờ quanh ngọn đèn. Giôn kéo cao ống quần, giơ tay vặn then cửa han rỉ ngoài hàng rào. Nhìn nước da Ái Duy r ám nắng, anh thấy nàng chưa bao giờ ngon lành như vậy. Anh nói vọng qua khung cửa mở:

– Cũng ời? Anh trông em ngon hơn một miếng đường.

Ái Duy day gót, quay phắt lại. Chiếc chảo nhỏ nàng đang cầm tuột khỏi tay rớt xuống miệng lò gây lên một tiếng kêu gay gắt.

Nàng hét lên bằng một giọng lo âu:

– Giôn! Anh lại dẫn xác tới đây làm gì nữa? Anh định âm mưu gì tại đây?

Nói hết câu nàng ngừng lại để thở cho nguôi cơn giận.

Giôn gỡ chiếc hộp giày nặng nề ra khỏi cánh tay đặt lên thành cửa sổ cố ý cho Ái Duy trông thấy rồi trả lời:

– Cũng ời! Đây là lần thứ nhất em hỏi anh câu đó. Sao em nỡ xử với anh như vậy? Em đã thấy anh đến với em từ

xa, sao em lại giả vờ như không biết.

Ái Duy ngấm chiếc hộp giày phân vân suy đoán chưa biết chứa đựng gì ở bên trong. Cái hộp ấy khiến cho nàng ngập ngừng. Ba lần trước đây khi tới tán tỉnh nàng, Giòn không hề mang theo một mảy may quà bánh.

Tuy thế, cuối cùng nàng cũng quay lưng lại phía Giòn nói gay gắt:

– Tôi không muốn mất thì giờ để nghe anh than thở lắm nhảm, nghe một người bủn xỉn vô dụng như anh.

Giòn trả lời vội vã:

– Không em ơi, anh không keo kiệt đâu. Hôm nay anh đã thay đổi tính rồi.

Ái Duy vắt chiếc khăn lau bát lên trên sợi dây sau bếp lò, liếc mắt nhìn

trộm trong chiếc gương phía chạn. Rồi nàng lại thông thả đi ra vừa đi vừa ngẫm nghĩa Giòn và cái hộp giày bằng cặp mắt hoài nghi.

Với một vẻ khinh khi, Ái Duy thủng thẳng nói:

– Khi tôi cần một người chồng, tôi sẽ chọn một người đích đáng chỉ tôi không phao phí cả một đời niên thiếu với một anh chàng nhẹ tếch vô dụng.

Giòn mỉm một nụ cười đầy tin tưởng với người thiếu phụ nhản nhó ấy và hỏi:

– Này em! Em có biết rằng anh nặng bao nhiêu cân không?

– Bao nhiêu?

– Anh vừa mới cân xong. Đúng tám mươi hai cân.

Giôn định đưa chân trèo qua cửa sổ, nhưng Ái Duy đã nhanh nhẹn hất anh ngã loạng choạng trên sàn.

Ái Duy lau nhàu trong họng:

– Tôi nhìn người là biết nặng bao nhiêu rồi. Anh tưởng tôi tin được giọng điệu khoác lác của anh hay sao?

Giôn nhăn nhó cải chính:

– Trời ơi! Sao em lại cho là anh định nói dối em? Anh có bao giờ làm như thế với em đâu? Tại sao em lại có ý nghĩ kỳ lạ về anh như thế?

– Tại vì anh không thể nặng tới tám mươi cân chứ đừng nói hơn nữa. Anh cũng chưa phải là người độc nhất mà tôi nghĩ tới khi tôi muốn lấy chồng. Dù rằng anh có mang cái hộp kia tới tặng tôi hay không cũng không làm tôi đổi ý.

Ngừng một lát để lấy hơi, Ái Duy dần giọng:

– Anh đã hiểu rõ lời nói của tôi chưa?

Ngập ngừng, Giôn ấp úng trả lời:

– Hiểu. Nhưng em ơi, em chớ nên hành động bậy bạ, em sẽ hối hận và sẽ làm cho anh đau khổ.

Ái Duy tỳ tay lên cửa sổ cái nhìn theo chiếc hộp Giôn mới ôm lên tay.

Giôn cười:

– Nếu phải là em muốn biết anh mang tới tặng em vật gì em hãy nói với anh dịu dàng đôi chút. Cưng ơi, anh mang cho em một món quà không đến nỗi để em phải chê. Anh mang nó từ hãng An Phương ở đại lộ Hoàng Hoa tới đây cho em.

Ái Duy nhìn lại gói đồ, rồi đứng ngay người nhìn Giôn từ đầu tới chân. Chiếc hộp trắng gói bằng sợi dây vàng trông xinh tề. Dưới ánh trăng suông sáng nhạt, chiếc hộp cách nàng có một sải tay đang lấp lánh một cách khiêu khích.

Nàng lại quan sát Giôn từ trên xuống dưới rồi hỏi lại:

– Vừa rồi anh nói là anh cân nặng bao nhiêu?

Giôn nở một nụ cười hy vọng:

– Tám mươi hai cân, em cưng! Tại sao em lại nghi ngờ anh không thành thực.

Anh ngấm Ái Duy trong giây lát, tự hỏi không biết lần này nàng đã tin anh chưa? Cách đây mười tháng anh đã từ miền thượng du xa xôi kia tới đây để

chiếm ngưỡng nàng. Anh đã lợi dụng từng giây phút cạnh nàng để thuyết phục nàng ưng thuận lập gia đình với anh. Cũng có lần anh quàng tay lên vai nàng được vài giây, cũng có lần anh đụng được tới thân hoặc vuốt tay lên cổ nàng, nhưng thường thường thì bao giờ Ái Duy cũng ý tứ đứng xa anh. Nàng ngồi trong nhà còn anh đứng ngoài và hai người chuyện trò với nhau qua cửa sổ. Và dù cho anh tán tỉnh cách nào, Ái Duy cũng vẫn khẳng khẳng tuyên bố chỉ ưng thuận lấy người đàn ông nào cân nặng ít nhất tám mươi kí lô. Cả đời, chưa bao giờ Giôn cân được sáu mươi tám cân nhưng từ khi anh say mê Ái Duy thì cục diện thay đổi hẳn. Trong sáu tháng anh tăng được bảy cân vì anh đã cố gắng ăn hết tất cả các món rau, món đậu và thịt cá trong mỗi bữa. Nhưng khoảng một tháng nay anh nhận thấy dù càng cố ăn nhiều thêm

nữa anh cũng không vượt khỏi mức độ bảy mươi sáu cân, dù anh chỉ mong tăng thêm dăm lạng. Điều đau xót khiến anh tuyệt vọng hơn cả là nỗi lo âu về trọng lượng ấy lại làm anh gây thêm đôi chút. Trong lúc anh còn ở bên cửa sổ phía ngoài, Ái Duy lảng lạng lui vào phía cửa chính, điềm tĩnh ngồi xuống chiếc ghế bành gần bậc cửa phe phẩy quạt.

Giôn vòng qua phía trước nhà, hớn hờ định bước qua bậc cửa.

Ái Duy ngăn lại bằng một giọng đánh thép:

– Giôn, anh chưa được phép bước vào đây. Tôi đang muốn biết số cân anh vừa nói với tôi có thực đúng hay không?

Giôn thót bụng lại, giờ hai bàn tay nâu sẫm rần rần vỗ lên đùi, rồi buồn

buồn nói:

– Ái Duy, quả thực em là một cô bé khó tính quá quắt. Em trông thân hình vạm vỡ của anh đây mà em vẫn chưa tin thì thực là có mắt không người.

Dứt lời, Giôn buông chiếc hộp giày xuống bậc cửa thứ hai, giờ hai tay lên khoe những thớ thịt rắn chắc, phồng mũi hít không khí vào lồng ngực như một chàng lực sĩ.

Ái Duy nói:

– Nếu anh chắc đủ số cân tôi đòi hỏi tại sao không mang lại đây một chiếc cân cho tôi cân thử. Hỏi thực, anh có sợ khi anh cân trước mặt tôi không?

Giôn im lặng, trầm ngâm nghĩ tới câu hỏi của Ái Duy. Một lát sau anh ngược mắt nhìn nàng:

– Ái Duy, anh rất vui lòng cân trước mặt em nhưng rất tiếc anh không có cân mang theo. Hay là nhà em có cái cân nào không?

Không chờ Ái Duy kịp trả lời, Giôn cúi xuống vội vã ôm chiếc hộp giày nặng nề lên cạnh sườn.

– Này! Bỏ cái hộp xuống, Giôn! Tôi biết rõ ý định của anh rồi. Đừng dối lừa tôi bằng cái hộp ấy nghe không?

Giôn rùng mình, bẽn lễn đặt chiếc hộp xuống đất:

– Không! Ái Duy đừng hiểu lầm anh. Anh không có ý định lừa dối em đâu?

Ái Duy lắc lư trên chiếc ghế bành:

– Ờ, nếu anh bảo anh không nói dối vậy thì anh có bằng lòng cân thử bằng

chiếc cân treo của nhà tôi không?

Mặt Giôn biến sắc:

– Em cõ cân treo trong nhà ư?

Ái Duy đứng dậy đi vào phía trong:

– Anh cứ ở đây tôi đi lấy cân ra cho anh để coi anh còn khoác lác nữa hay thôi. Cân nhà tôi tốt lắm và cũng là dịp may để xem anh run sợ thế nào khi tôi biết rõ thân xác nhẹ tênh của anh.

Giôn trả lời mạnh bạo:

– Anh không sợ đâu em ạ.

Ái Duy vừa đi vào trong nhà, Giôn vội vã chạy ra sân. Anh lồm lét hấp tấp vơ vét tất cả những cục đá lớn nhỏ anh thấy trước mắt. Những cục đá to anh dồn đầy hai túi quần. Túi sau anh dồn chặt vụn. Ái Duy vẫn chưa trở lại. Giôn cời vội dây

giày lền chặt hai chiếc giày đầy cát. Rồi Giôn đứng dậy run rẩy chờ, sợ Ái Duy ra kịp. Anh biết chắc số đá sỏi và cát chưa đủ tăng thêm bốn kí lô cần thiết. Anh trông thấy một cục sỏi phía trước, vội vơ lượm ngay và đưa vào mồm ngậm chặt.

Ái Duy đã kéo chiếc cân treo ra tới nhà ngoài. Nàng móc lên một rui nhà thấp nhất rồi đưa mắt tìm kiếm Giôn.

Giôn lần lần trèo lên các bậc cửa, tay trái vẫn ôm chiếc hộp giày nặng trĩu. Tay phải, anh nắm chiếc vòng cân toan đu lên thử. Ái Duy hạ lệnh:

– Bỏ cái hộp xuống!

Giôn nhìn nàng bằng đôi mắt cầu khẩn nhưng thấy vẻ mặt nàng không thay đổi, anh đành phải bỏ cái hộp xuống và phân trần:

– Cả ngày nay anh làm việc quần quật ngoài ruộng, thế nào anh cũng bị sút cân đấy Ái Duy ạ!

Nàng hất hàm:

– Được, chuyện đó sẽ xét sau. Bây giờ hãy cân đi đã.

Giôn buồn rầu đưa tay qua chiếc vòng cân, uể oải đu người lên khỏi mặt đất. Trong khi Giôn lủng lẳng theo định mệnh như vậy, Ái Duy từ từ cầm quả cân xê dịch trên chiếc cán cân bằng sắt lạnh. Giôn định quay lại ngó nhưng tư thế hiện tại của anh làm cho cử động trở nên vụng vú, anh đành chịu im lặng chờ đợi. Vừa lủng lẳng trên móc cân, anh vừa lẩm rẩm cầu nguyện. Lúc ấy Ái Duy đã nhận thấy lời Giôn nói đúng bảo anh buông móc đứng xuống đất trong khi chính anh tinh thần vẫn căng thẳng

vì lo sợ. Anh nhảy xuống, đầu gối tưởng như gãy khụy, lão đảo đi ra phía thêm nhà. Anh tựa lưng lên tấm vách khô rần để thở dốc ra. Từ lúc bảo anh đứng xuống, Ái Duy vẫn chưa nói gì thêm và Giôn cũng chưa hỏi được tại sao vì anh quá mệt và vướng víu với những cục đá sỏi trong mình. Bỗng nhiên anh thấy một cánh tay quàng lên cổ anh làm anh choáng váng ngây ngất.

Khi tỉnh lại Ái Duy đã quỳ bên anh, ôm ghì lấy anh hôn âu yếm. Anh cố gắng gỡ tay nàng ra để lấy hơi thở, và chợt nhận thấy hòn sỏi ngậm trong mồm đã biến mất. Anh cũng không thể nói được là anh đã nuốt hay nó đã rơi ra.

Ái Duy thở thê:

– Minh ơi, em thật sung sướng, không ngờ rằng anh nặng cân đến thế.

Làm sao anh không nói cho em biết ngay từ khi mới gặp gỡ nhau?

Giôn hỏi lại:

– Anh nặng bao nhiêu hả em?

Nàng hớn hở:

– Ô! Đúng tám mươi tư cân. Thế mà anh nói dối em là chỉ nặng có tám mươi hai. Cứng của em tệ quá.

Giôn nhắm hai mắt lại. Khi mở ra anh thấy Ái Duy đang hối hả cởi dây chiếc hộp giày nặng chịch. Nàng mở nắp. Rồi nàng kéo ra một chiếc bàn là cỡ lớn nặng tới ba cân. Giôn đã mang tới với hy vọng được cặp bên mình nếu phải cân trước mặt Ái Duy. Nàng lấy lòng bàn tay vuốt ve lên chất thép lạnh, nhẵn bóng và tình tứ nhìn Giôn:

– Cả đời em chưa bao giờ được tặng những món quà quý hóa như thế này. Anh thật là đáng yêu!

Mắt nàng sáng lên đắm đuối ngắm ý trung nhân. Trong khi chờ đợi nàng ngỏ những lời âu yếm nữa, Giôn liếc mắt nhìn trộm nàng và bối rối tự hỏi không biết tìm phương kế nào để giải thoát được tám kí lô sỏi vụn trước khi nàng khám phá ra.

SỔ ĐEN

Cam Lộ.

GIOVANNI GUARESCHI

Giovanni Guareschi sinh năm 1908 tại tỉnh Parme. Hiện nay ông là một nhà văn tầm tiếng của Ý Đại Lợi.

Lúc trẻ ông bị cầm tù nhiều năm tại nhà lao nơi sinh quán. Trong thời chiến tranh ông lại bị giam giữ tại hết trại tập trung này sang trại tập trung khác. Nhiều người cho rằng giọng văn ông cay đắng là kết quả của những năm bị giam giữ

Thế giới biết tiếng ông qua cuốn tiểu thuyết trào lộng *Le Petit Monde de Don Camillo* đã có lần được xuất bản ở Việt Nam với tên *Thế Giới Bé Nhỏ Của Ông*

Cảnh sát viên Mạc Lê Tôn cầm cúi thảo tờ trình: Giô Xê Phin, năm mười tám tuổi, góa chồng từ thời tiền chiến, có một mức sinh hoạt tương đối phong lưu. Không quan tâm đến tới các vấn đề chính trị. Bị giết chết ngay trong nhà bà ta. Trên trán còn vết tím bầm sau khi bị đập bằng bàn ủi.

Viên cảnh sát trưởng hỏi:

– Nhà có mấy phòng?

Người cảnh sát đáp:

– Ba, không kể bếp. Nhưng nhà này đã có người thuê rồi.

Viên cảnh sát trưởng căn nhắc trong hòng:

– Thật là lảm chuyện lằng nhằng. Thế có biết người nào vào nhà mụ ta sau

hết không?

– Một người đàn ông vẫn bán sách hàng tháng cho bà ta. Hắn cao độ thước tám, to con, mắt xanh, nước da hung hung vàng. Người gác cửa có thấy hắn ta lên nhà.

– Được. Đi kiểm hắn tới đây.

Hai giờ sau Mạc Lê Tôn trở về:

– Tôi đã kiểm được một tên, chuyên nghề bán sách rong tên là Bê Ly. Từ giờ tới chiều tôi sẽ kiểm được hai tên nữa làm nghề bán sách.

– Tên Bê Ly vóc dáng ra sao?

– Cao một thước rưỡi, người ốm, mắt đen và sói đầu.

– Hắn có chân trong chính đảng nào không?

– Không.

– Thôi được. Anh cũng biết là tôi ghét những chuyện rắc rối với các đảng chính trị lắm. Cho hắn vào tôi hỏi.

Rồi Bê Ly run rẩy bước vào phòng. Hắn gầy, hói, năm nay bốn mươi năm tuổi và không đảng phái. Hắn lắp bắp trình bày:

– Dạ, tôi không có lỗi chi. Tôi vẫn đóng đủ thuế và bán sách có môn bài.

Viên cảnh sát trưởng cười gằn:

– Thế anh có môn bài giết các bà già không?

Hắn sùng sốt:

– Tôi hả?

Mạc Lê Tôn giơ thẳng tay tát mạnh

vào mặt hắn khiến hắn này đom đóm mắt, lão đảo không đứng vững.

Hắn hét lên:

– Tôi là công dân một nước tự do. Ông không có quyền tát vào mặt tôi.

Viên cảnh sát trưởng hùa theo:

– Nó nói có lý. Không nên tát vào mặt nó làm gì.

Và cầm một cục gang nặng chịch dùng để chặn giấy trên bàn, viên cảnh sát trưởng liệng trúng chân người đàn ông gầy yếu.

Chờ cho tới khi hắn hết suýt xoa bàn chân đau ê ẩm, viên cảnh sát trưởng mới ôn tồn hỏi vì lý do gì hắn có ý định giết chết bà già.

Người đàn ông vẫn lú lú trả lời rằng

hắn không hề biết tới chuyện đó. Viên cảnh sát trưởng có vẻ suy nghĩ buồn rầu lắm.

Ông bấm chuông. Một nhân viên lực lưỡng như hộ pháp đẩy cửa bước vào. Ông ra lệnh:

– Tôi giao anh làm cách nào cho hắn đỡ ngớ ngẩn đi.

Tên hộ pháp nắm lấy cổ áo người đàn ông khốn nạn lôi ra khỏi cửa.

Cảnh sát viên Mạc Lê Tôn cũng ra ngoài. Anh còn phải tới nhà nạn nhân để tìm kiếm thêm tang vật.

Mười lăm phút sau, tên hộ pháp trở lại bàn giấy cảnh sát trưởng ôm bên nách một người rũ rượi trong bộ quần áo rách toét tả. Viên cảnh sát trưởng hỏi:

– Người nào mà bắn thủ thế này? Tên hộ pháp đặt người đàn ông xuống ghế:

– Người lúc nãy đấy. Nó thú tội rồi. Nó thú nhận rằng chính nó đã dùng búa để phá kết sắt ở tiệm kim hoàn.

Viên cảnh sát trưởng gất lên:

– Sao lại có chuyện tiệm kim hoàn nào? Đây là vụ ám sát mục Giô Xê Phin cơ mà. Anh này tối tăm quá, không biết một chuyện gì cả.

Tên hộ pháp vừa túm cổ người đàn ông xách lên vừa trả lời:

– Xin ông cảnh sát trưởng đừng vội nóng. Chính tại ông không nói gì nên tôi tưởng vẫn là vụ hôm nọ. Nhưng không sao cả, ông cho tôi mười phút nữa là xong hết. Bắt đầu làm lại chứ có khó gì đâu.

Vừa lúc ấy Mạc Lê Tôn bước vào.
Anh la lớn:

– Lầm, lầm hết rồi! Mụ già không chết đâu. Mụ ta tỉnh rồi. Mụ khai là mụ bắc ghế để lấy cái bàn là trên nóc tủ, nhưng trượt chân ngã và cái bàn là rơi theo trúng trán mụ.

Viên cảnh sát trưởng ra lệnh cho tên hộ pháp:

– Thôi! Thôi! Thả ngay hắn ra!

– Không thể thả được. Nó đã thú nhận chính nó phá tủ sắt tiệm kim hoàn

Viên cảnh sát trưởng hét lên:

– Anh làm tôi điên đầu mất thôi. Các thủ phạm vụ cướp tiệm kim hoàn đã bị bắt trước đây ba giờ đồng hồ.

Rồi viên cảnh sát trưởng cúi xuống

nói với người đàn ông gầy ốm lúc ấy vẫn rụt cổ trong chiếc áo rách tơi tả:

– Mong ông thông cảm trường hợp khó khăn của chúng tôi. Cũng tội cho ông bị bắt vì một vụ án mạng giả tạo. Bây giờ ông được trả tự do, nhưng cũng nên cẩn thận nhé.

Người đàn ông lắp bắp:

– Dạ, dạ. Cảm ơn ông. Đa tạ ông cảnh sát trưởng. Tôi thành thực xin lỗi đã làm mất thì giờ của ông. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi bị bắt, nên tôi chưa quen.

Hắn vừa ra khỏi quận vừa vái lia lịa. Viên cảnh sát trưởng quay vào ra lệnh cho Mạc Lê Tôn:

– Ghi tên hắn vào sổ đen. Thằng này tôi không ưa nó.

TỬ GẤU

JOHN STEINBECK

John Steinbeck, sinh tại Salinas tiểu bang California năm 1902. Ông nổi tiếng với các tiểu thuyết *Của Chuột Và Người* (*Of Mice and Men*) *Chùm Nho Uất Hận* (*The Grapes of Wrath*) *Bất Phân Thắng Bại* (*In Dubious Battle*) và tập truyện ngắn *Thung Lũng Lớn* (*The Long Valley*). Ông được giải thưởng văn chương Pulitzer, rồi giải Nobel năm 1962.

Mang một tên Tây Ban Nha,
làng Lộ Man được tạo lập

ngay trên một ngọn đồi tròn nằm sừng
sừng giữa cánh đồng trông như một hải
đảo trên đường vào thung lũng Sa Linh
thuộc miền Trung tiểu bang California.
Về phía Bắc, ở bên tay phải những hầm
bùn than nối tiếp nhau dài hàng chục cây
số, nhưng về hướng Nam cánh đồng lầy
đã được tháo cạn nước. Nhờ công cuộc
tháo nước đất đen sạm vùng này trở nên
phì nhiêu, đến nỗi xu hào, bắp cải trồng
ở đây lớn mau như thổi.

Chủ nhân các vũng lầy phía Bắc bắt
đầu thèm muốn đất đen miền Nam. Họ
hợp nhau tìm cách biến cải vùng này và
ký hợp đồng với một công ty đào một
hố lớn cho tiêu những vũng sinh ứ đọng.
Máy vét bùn được điều động tới và bắt
đầu khởi sự đào hố ngay giữa đồng lầy.
Tôi là một nhân viên của công ty này.

Mới đầu tôi định ở lại khu cơ xưởng

nổi lênh bênh giữa sinh lầy cùng với bạn hữu. Nhưng không thể chịu nổi những đám sương mù dày đặc bốc lên ngọt ngọt mỗi buổi chiều và những đàn muối lớn như ong lượn vọt vờ trên khu máy vét bùn, tôi đành dọn vào làng Lộ Man. Tôi thuê một căn phòng trong nhà bà Rạng, tuy có sẵn đồ đạc nhưng có lẽ là căn phòng tồi tệ nhất mà tôi chưa bao giờ thấy. Tôi cũng có thể kiếm phòng tốt ở một nơi xa hơn nhưng vì biết thư từ gửi tới bà Rạng không hay thất lạc nên tôi bỏ ý nghĩ rời đời. Hơn nữa, căn phòng lạnh lẽo và đơn chiếc ấy tôi cũng chỉ ngủ đêm mà thôi. Ban ngày tôi ăn ngay trên quán ăn ở cơ xưởng nổi.

Dân cư làng Lộ Man không quá hai trăm người. Nhà thờ xây ở nơi cao nhất trên đồi: đứng xa hàng mấy cây số cũng trông thấy gác chuông. Một tiệm bán đồ

sắt, dầm cửa hiệu chạp phô và tửu quán Con Trâu là tất cả những nơi mà công chúng thường lui tới. Những căn nhà dân chúng nằm rải rác hai bên sườn đồi. Phía đất phẳng là khu gia cư các địa chủ giàu có, nhà cửa phần nhiều xây theo kiểu biệt thự có hàng rào trắc bách điệp bao quanh, ngăn cản gió mạnh buổi chiều.

Ở Lộ Man, người ta không biết làm gì vào lúc tối nếu không la cà ra quán cà phê, một căn nhà ván kiểu cổ, có hiên gỗ che ra tới bờ hè và cửa ra vào có hai cánh lủng. Dù rằng có cấm đoán hay đe dọa thu giấy phép chẳng nữa cũng không làm quán cà phê này mất khách, làm việc buôn bán suy giảm hay làm cho rượu ứt ky kém ngon. Mỗi chiều đàn ông và thanh niên làng Lộ Man từ mười lăm tuổi sắp lên phải tới tửu quán Con Trâu ít nhất một lần, uống một ly rượu,

chuyện trò dăm ba câu rồi mới trở về nhà.

Cự Mập, người chủ quán, mỗi khi thấy một khách hàng mới tới đều gật đầu chào với vẻ lãnh đạm khó chịu nhưng bên trong hán là một người rất thân mật và có cảm tình. Và vẻ mặt hán cau có, khả ố, nói năng cằn nhằn, cộc lốc, thế nhưng... Tôi không biết dùng chữ gì thích hợp để nói về hán. Tôi có một cảm giác rất khoan khoái khi nhận ra là Cự Mập đã biết tôi và dấu mồm về phía tôi hỏi một cách nóng nảy:

– Nào! Anh dùng gì?

Bao giờ hán cũng hỏi như vậy tuy rằng hán chỉ có ứt ky, một thứ ứt ky mang nhãn hiệu duy nhất. Có lần tôi đã thấy Cự Mập thẳng thắn từ chối không tiếp một khách lạ khi ông này đòi vắt

thêm chanh vào rượu. Cự Mập ghét những sự ồn ào, lôi thôi. Hán quần một chiếc sa rộng rộng quanh mình và vừa đi vừa lau cốc. Sàn nhà bằng gỗ trần rải rác mặt cửa, bàn ghế ngay đườn và cứng nhắc. Tranh ảnh trang trí độc nhất trong quán là những bích chương, các bản kê mẫu hàng, những tranh cổ động các ứng cử viên hội đồng hàng quận, các bản cáo thị của hồ giá viên hoặc một vài hãng thương mại. Có những tờ quảng cáo lâu đã vài năm. Cảnh sát trưởng Ry Tan chết bảy năm nay nhưng trên tường vẫn còn tấm bích chương cổ động dân chúng bầu ông trong kỳ ông tái ứng cử.

Thực ra, đối với tôi, tửu quán Con Trâu cũng có tác dụng gây nên một khung cảnh khủng khiếp. Nhưng có những đêm trường, dạo bước theo những vỉa hè gỗ để mặc sương gió lạnh buốt từ đồng

lầy thối lên quật vào mặt như roi vọt thì hình ảnh tửu quán Con Trâu trở nên quyến rũ. Người ta thấy khoan khoái nhẹ nhõm lắm khi đẩy hai cánh cửa lừng bước vào quán, khi trông thấy trước mắt mình từng đám người ngồi rải rác đang chuyện trò, nhậu nhẹt và nhất là Cự Mập vội vã tiến tới phía mình, người ta không còn tự chủ được nữa.

Trong quán có một bàn pô kê để khách giải trí. Ông Rạng, chồng bà chủ trọ của tôi, chơi bịp một cách trơ trẽn, luôn luôn thắng cuộc và chỉ gọi rượu khi nào được bạc. Tôi đã thấy có lần ông được năm ván liền. Khi thắng, ông xếp bài lại thật cẩn thận rồi mới đứng dậy tiến về phía quầy rượu với một vẻ hân hoan. Cự Mập cầm chai rót tới nửa ly trước khi ông tới, rồi mới hỏi:

– Nào! Ông dùng gì?

Rạng trả lời lè nhè:

– Một ụýt ky.

Trong căn nhà rộng, những nông dân và những người trong làng ngồi trên các ghế rắn hoặc tựa vào quầy hàng. Thường thường chỉ có tiếng nói chuyện thăm thì và đều đều. Chỉ trong dịp bầu cử hay những kỳ đấu quyền Anh mới có các diễn giả to tiếng hoặc những lời tranh luận sôi nổi tiên đoán võ sĩ nào thắng hay thua.

Tôi ghê sợ khi đi trong đêm tối của vùng đồng lầy ấy, xa xa tiếng động cơ Diesel của máy vét bùn và tiếng thép va chạm từ chiếc guồng nước vọng lại. Tôi lảng lảng trở về căn phòng buồn thảm ở nhà bà Rạng.

Tôi tới Lộ Man được ít lâu, đã quen

cô Mộng Lan, một thiếu nữ lai Mễ Tây Cơ xinh đẹp. Một vài lần, tôi cùng cô thùng thảng dạo chơi ở chân đồi phía Nam, mãi tới khi sương mù xuống đặc mới trở về làng. Tôi dẫn cô về tới nhà, rồi trở lại tửu quán.

Một buổi chiều, tôi vào quán ngồi nói chuyện với ông A Lịch, chủ nhân một căn trại xinh xinh ở Lộ Man. Chúng tôi đang nói chuyện đi câu thì cánh cửa quán bật mở, rồi khép lại.

Mọi người trong quán đều ngưng nói; một không khí im lặng nặng nề bao trùm căn phòng. A Lịch huých khuỷu tay vào sườn tôi và nói “Tư Gấu đấy”. Tôi ngược mắt nhìn lên.

Quả là cái tên đã nói đúng hình dáng. Nó có vẻ giống một con gấu lớn ngậy đại đang mỉm cười. Cái đầu đen sì, tóc rậm

rap lắc lư về phía trước, hai tay buông thõng xuống như xưa nay vẫn quen bò dưới đất, nếu nó đi hai chân chỉ vì nó mới học được tư thế này. Đùi nó ngắn ngắn và cong, hai bàn chân vuông một cách lạ lùng. Nó mặc một áo choàng rộng thùng thình màu xanh biển, chân không mang giày. Hai bàn chân không tàn tật cũng không biến dạng nhưng vuông quá, chiều ngang và chiều dài bằng nhau. Nó đứng sững ngay cửa thỉnh thoảng lại lắc lắc đôi tay buông thõng như thừng điên. Nó mỉm cười ngậy đại rồi tiến vào quán. Mặc dầu béo ú và nặng nề, nó đi nhanh như lướt qua. Nó đi không có dáng người mà giống như một con thú đi ăn đêm. Tới quầy rượu nó đứng lại, đôi mắt sáng long lanh nhìn từ người này qua người khác như dò xét rồi nó cất tiếng hỏi trống không: “Uýt kýt?”

Ở làng Lộ Man không có ai hào hoa phong nhã cả. Nếu có một người nào bỏ tiền mời người khác uống thì hẳn phải tin chắc rằng người được hẳn mời sẽ trả lại tức khắc một món gì tương xứng. Vì vậy tôi rất ngạc nhiên khi thấy một ông khách trầm lặng tiến tới quầy rượu móc túi lấy tiền đặt lên mặt quầy. Cụ Mập rót một ly đầy. Tư Gấu chộp lấy ly ụp kị uống thẳng một hơi. Tôi lăm bắm:

– Cái gì lạ vậy!

Nhưng A Lịch đã lấy khuỷu tay huých tôi bảo im lặng.

Và một màn kịch câm kỳ dị bắt đầu khai diễn. Tư Gấu đi ra phía cửa, rồi từ cửa lộn trở lại bằng một dáng điệu lén lút, vụng trộm. Nụ cười ngây dại vẫn không tắt trên môi. Tới giữa phòng, nó nằm phệt bụng xuống. Một giọng nói

thốt ra từ cổ họng nó, tôi nghe rất quen thuộc:

– Nhưng em đẹp quá sao lại tới sống ở một vùng bẩn thỉu như vùng này.

Giọng nói trở nên thanh hơn, một giọng đàn bà êm dịu:

– Anh cứ nói thế chứ!

Tôi tưởng rằng tôi có thể ngắt đi. Máu dồn lên hai mang tai tôi. Mặt tôi đỏ như. Đó chính là giọng nói của tôi từ họng Tư Gấu thốt ra, giọng nói và câu nói của chính tôi. Câu sau là lời Mộng Lan: nếu tôi không đứng trước con quái vật đang nằm sắp trên sàn, chắc tôi đã tưởng Mộng Lan ở đâu đây và cất tiếng gọi. Những lời đối thoại tiếp diễn, những câu nói thật vô lý khi do một người khác nói ra. Tư Gấu vẫn tiếp tục nói hay đúng hơn chính

tôi nói ra. Nó vừa nói vừa bắt chước dáng điệu cử chỉ tôi. Dần dần, những khách hàng trong quán không nhìn Tư Gấu nữa mà quay cả về phía tôi cười gằn. Tôi lúng túng không biết xử trí ra sao. Tôi biết nếu tôi ngăn lại không cho Tư Gấu nói tiếp, sẽ có một cuộc cãi lộn ngay, vì vậy nó cứ tự nhiên tiếp tục những mẩu tâm sự của tôi cho tới hết. Khi nó dứt lời, tôi thở dài khoan khoái và cũng mừng thầm khi biết Mộng Lan không có anh hay em trai. Tư Gấu càu nhàu thêm vài câu vô nghĩa rồi đứng dậy. Nó vẫn giữ nụ cười ngây dại và gọi thêm:

– Uýt ky?

Tôi tin rằng những khách hàng trong quán đều thương hại tôi. Tư Gấu trườn về phía cuối phòng chui xuống gầm bàn nằm cuộn mình như một con chó rồi ngủ thiếp đi.

A Lịch nhìn tôi bằng một cái nhìn thương hại.

– Chắc là lần đầu tiên anh nghe nó nói.

– Phải, thằng đó là ai thế?

A Lịch im lặng một lúc lâu không trả lời câu tôi hỏi.

– Anh khỏi lo cho danh dự Mộng Lan. Chính Tư Gấu trước đây đã theo cô ta.

– Nhưng tại sao nó nghe được chúng tôi. Tôi không trông thấy nó mà.

– Không người nào có thể trông thấy hay nghe Tư Gấu khi nó đang làm việc. Có lúc nó đi, mà mới trông người ta tưởng nó vẫn ngồi yên một chỗ. Anh có

biết ở đây thanh niên mỗi lần đi chơi với tinh nhân phải làm thế nào không? Họ phải dắt chó đi theo. Chó sợ Tư Gấu lắm nên mỗi lần Gấu tới gần, chó ngửi thấy mùi ngay.

– Thế nhưng, còn giọng nói...

A Lịch lắc lư cái đầu:

– Tôi biết. Có vài người đã viết thư cho Trường Đại Học yêu cầu giải thích về trường hợp Tư Gấu. Trường cử một người trẻ tuổi tới đây. Ông ta thoảng gặp Tư Gấu một lát rồi nói với chúng tôi về trường hợp Thơm Mù. Anh đã nghe nói tới Thơm Mù rồi chứ?

– Có phải nhạc sĩ dương cầm da đen không? Nếu thế thì tôi có biết tiếng.

– Phải đó! Thơm Mù là một người rất ít học. Hấn không biết gì về nhạc, nhưng

có thể bắt chước tất cả tiếng những âm điệu hấn nghe được, dù là một bản đàn thật dài. Người ta đã thử hấn với nhiều nhạc sĩ có tài. Không những hấn bắt chước chơi lại đúng bản nhạc mà còn chơi đúng theo từng nốt láy cá biệt của mỗi nhạc sĩ nữa. Muốn để cho hấn lạc hướng có nhạc sĩ đã cố tình chơi sai một hai cung bậc nhưng khi chơi hấn cũng bắt chước cả những cung sai. Hấn đáp lại đúng tới những chi tiết tỉ mỉ nhất. Nhân viên Trường Đại Học tới đây nói rằng trường hợp Tư Gấu cũng giống như thế nhưng Tư Gấu chỉ nhại giọng nói và câu nói. Người ta đã thử nói một câu bằng tiếng Hy Lạp, thì Tư Gấu cũng nhắc lại đúng nguyên văn. Nó không hiểu những câu mà nó nói ra, nhưng nó khoái khi được nhắc lại đúng những gì nó đã nghe. Nó không đủ trí thông minh để bịa đặt ra chuyện này chuyện nọ nên người ta

đều tin những điều nó nhắc lại đều đúng sự thật.

– Nếu vậy nó làm thế để làm gì? Có ích lợi gì cho nó để đi nghe ngóng những điều nó không hiểu?

A Lịch quán một điếu thuốc, đánh diêm châm lửa:

– Không ích lợi gì, nhưng nó rất thích uống ứt ky. Nó biết nếu nó nghe trộm trên cửa sổ những gì rồi về đây nhắc lại sẽ có người trả tiền ứt ky cho nó. Nó đã nhắc lại lời bà Rạng nói trong tiệm hay là cuộc cãi vã giữa hai mẹ con Gie Ry nhưng không ai thích loại chuyện đó nên nó không có rượu uống.

Tôi nói:

– Thế mà tại sao chưa có ai bắn vào óc nó khi nó đang leo lên rình cửa sổ.

A Lịch hít một hơi thuốc:

– Nhiều người đã định làm thế lắm nhưng điều rất giản dị là không sao trông thấy hay bắt được Tư Gấu cả. Vì vậy người ta phải đóng cửa sổ thật cẩn thận, và nói chuyện thì thầm để tránh Tư Gấu nghe chuyện rồi kể lại. Hôm nay, trời tối âm u không trăng sao thế này mà nếu nó gặp anh, nó có thể nhại lại cả những cử chỉ của anh trong đêm tối. Anh chưa được thấy Tư Gấu tự làm biến dạng mặt cho giống mặt một thiếu nữ. Thật là kinh khủng.

Tôi nhìn lại cái hình thù kinh dị nằm dưới gầm bàn. Tư Gấu quay lưng ra phía ngoài. Ánh sáng chiếu vào chùm tóc đen rối bù trên đầu nó. Tôi thấy một con ruồi lớn đậu trên da đầu, rồi cả mảng da đầu chuyển động giống như một con ngựa rung chuyển làn da để đuổi muỗi. Con

ruồi bay lên rồi lại đậu xuống. Mảng da đầu Tư Gấu lại rung chuyển để xua ruồi. Tôi cũng rung cả toàn thân khi chứng kiến cảnh tượng đó.

Những câu chuyện trong quán trở lại mức buồn nản thường lệ. Cự Mập lau đi lau lại cái cốc vào sa rong có lẽ tới mười phút rồi. Một nhóm người bên tôi đang chuyển từ chuyện chó cắn nhau, chuyện chọi gà sang chuyện đấu bò rừng. A Lịch bảo tôi:

– Chúng mình uống một ly chẳng?

Chúng tôi tiến lại quầy rượu. Cự Mập với hai chiếc ly không.

– Nào! Hai anh dùng gì?

Chúng tôi không ai trả lời cả. Cự Mập cầm chai uýt ky sẫm màu. Hắn nhìn với một vẻ sâu thẳm, hạ thấp cặp lòng mày

đầy mòng mọng thịt rồi nháy tôi một cái. Không hiểu tại sao tôi thấy hơi vui vui. Cự hất hàm về phía bàn pô kê:

– Anh thắng chứ?

Tôi cũng nháy mắt thay câu trả lời.

– Lần sau nhớ dắt theo chó, nghe không?

Tôi bắt chước những câu nói gọn của hắn. Chúng tôi uống hết rượu trở về bàn ngồi. Ông Rạng vừa được một ván, đang xếp bài lại và tiến về quầy rượu.

Tôi nhìn về phía bàn Tư Gấu đang ngủ. Nó nằm sấp trên sàn gỗ, mặt quay ra phía ngoài vẫn cười ngây dại trong khi ngủ. Bỗng nhiên nó nhúc nhích đầu, mở mắt nhìn xung quanh như một con thú sửa soạn ra khỏi hang. Rồi từ gầm bàn nó bò ra, đứng lên. Cử động của nó có vẻ

lạ lùng, phi lý. Nó đi với dáng điệu quẩn quại, chán nản.

Tư Gấu tới quây rượu, vừa đi vừa nhe răng cười với những người mà nó đi qua mặt. Tới quây, nó lại cất tiếng hỏi băng quơ như thường lệ:

– Uýt ky? Uýt ky?

Tiếng nói lí nhí như tiếng chim. Tôi không xác định được là giống chim gì nhưng tôi đã được nghe hai tiếng kêu giọng cao vút nhắc lại hai tiếng quen thuộc một lần nữa:

– Uýt ky?

Trong quán, mọi người ngừng nói chuyện, nhưng không ai đứng dậy để tới quây chi tiền. Tư Gấu mỉm một nụ cười ai oán:

– Uýt ky?

Rồi nó bắt đầu kế hoạch quyn rũ quần chúng. Từ trong họng nó, một giọng đàn bà cáu giận hét lên:

– Tôi đã nói với anh rằng toàn là xương. Hai chục bạc một cân mà một nửa xương thể này à?

Rồi giọng người đàn ông:

– Thừa bà, đúng. Tôi cũng không biết điều đó. Tôi xin bù cho bà một ít xúc xích.

Tư Gấu nhìn quanh như chờ đợi.

– Uýt ky?

Vẫn không ai nhúc nhích. Tư Gấu trườn ra cửa rồi ngồi chồm hồm giữa lối ra vào. Tôi thì thầm:

– Nó sắp giở trò gì đây.

A Lịch nói:

– Im. Nó đang nhìn qua cửa sổ. Chờ mà nghe!

Một tiếng đàn bà cất lên, giọng nói lạnh lùng, chắc nịch và gãy gọn

– Tôi không thể hiểu được. Cô có phải là một con quái vật không? Nếu chính mắt tôi không trông thấy thì tôi không thể nào tin được.

Một tiếng đàn bà khác đáp lại, giọng trầm và khàn khàn như đau đớn lắm:

– Có lẽ tôi là quái vật thật đấy. Tôi chẳng biết làm thế nào bây giờ. Tôi chẳng biết làm thế nào bây giờ.

Giọng nói lạnh lùng lúc trước cắt ngang:

– Bây giờ cô phải tính làm sao cho đẹp dễ chứ. Trời ơi, thà rằng cô chết đi còn hơn.

Tôi nghe một tiếng nấc qua cặp môi dày tươi cười của Tư Gấu. Tiếng nấc của người đàn bà tuyệt vọng. Tôi quay mặt nhìn A Lịch. Ông ngồi ngây người, mắt nhìn thẳng mở trừng trừng. Tôi toan hỏi thăm ông một câu, nhưng ông ra hiệu bảo im. Tôi đưa mắt nhìn quanh phòng. Mọi người đều ngồi im lặng, chờ đợi. Tiếng nức nở vừa dứt.

– Chị không bao giờ cảm thấy như thế chứ, chị Mai Liên?

A Lịch như nghẹt thở khi nghe thấy nói tên.

Giọng lạnh lùng đáp lại:

– Chắc chắn là chưa bao giờ. Cả về

đêm cũng không thấy thế? Không một lần nào... chưa một lần nào trong đời chị?

Giọng nói lạnh lùng lại trả lời:

– Nếu điều đó chẳng may xảy tới cho tôi, thì tôi, thì tôi cắt phăng cái bộ phận ấy đi còn hơn. Thôi cô cũng không nên khóc nữa, Ái Mỹ. Tôi không chịu nổi nữa rồi. Nếu cô không nén được thì nên kiếm thuốc uống. Bây giờ thì hãy cầu nguyện đi.

Tư Gấu vẫn toe toét miệng cười.

– Uýt ky?

Hai người tiến tới quây rượu không nói năng gì, cùng móc túi lấy tiền, Cự Mập rót đầy hai cốc và khi Tư Gấu uống cạn cả hai, Cự Mập rót thêm một ly thứ ba. Ai cũng biết là nó cảm động lắm

vì xưa nay chưa bao giờ chủ quán Con Trâu chịu thưởng rượu cho nó. Tư Gấu quay tròn, cười với mọi người rồi lùi ra khỏi quán. Đôi cánh cửa nhẹ nhàng bật lại không một tiếng động khi nó ra tới ngoài đường.

Trong quán, chưa ai nói chuyện lại. Hình như người nào cũng đang bận suy nghĩ tính toán một vấn đề gì trong óc mình. Khách hàng lác đác ra về từng người một và mỗi lần hai cánh cửa lũng bật lại, mang vào phòng thêm ít sương đêm. A Lịch đứng dậy và ra ngoài. Tôi bước theo ông ta.

Đêm càng trở nên ghê rợn với những làn sương mù nồng nặc. Sương như bám lấy các mái nhà rồi vươn lên không trung những cánh tay dài quái quỷ. Tôi

rảo bước và theo kịp A Lịch:

Tôi hỏi:

– Đó là chuyện gì thế?

Tôi chờ một lúc, và cho rằng A Lịch sẽ không trả lời. Nhưng sau đó ông ngừng lại, quay sang tôi:

– Thật là vô phúc! Anh biết chứ! Ở đâu thì cũng phải có những người quyền quý, những gia đình dòng dõi quý phái, suốt đời không vương một vết nhơ và đáng cho ta kính phục. Ở đây, hai chị em bà Ái Mỹ và Mai Liên là những nhà quý phái của chúng tôi. Hai bà là những bà cô, gái già không chồng nhưng là những người gương mẫu. Ông thân sinh hai bà trước là dân biểu... Tôi không bằng lòng về chuyện đó. Đáng lẽ Tư Gấu không nên làm như vậy. Mà nhất là nó cũng nhờ hai

bà nuôi nấng. Đáng lẽ họ không nên trả tiền rượu cho nó. Từ nay nó sẽ rình rập quanh nhà ấy... Nó biết rằng nó có cách kiếm rượu uống dễ dàng.

Tôi hỏi:

– Chắc ông có họ hàng gì với hai bà ấy.

– Không nhưng họ là... tóm lại, họ không phải như những người khác. Họ có một căn trại giáp với căn trại của tôi, và đang cho mấy người Trung Hoa làm xâu để chia lời. Anh biết đấy, thật là khó nói quả. Hai chị em bà Ái Mỹ là những thần tượng. Khi răn dạy con cái, chúng tôi ở đây thường mang các bà ra để làm gương. Các bà là tượng trưng cho điều tốt, điều thiện hay sao đó?

Tôi cãi lại:

– Nhưng tôi nghĩ Tư Gấu đã nói điều gì hại tới thanh danh các bà đâu?

– Tôi cũng không biết gì hơn. Tôi cũng chưa biết nó ám chỉ chuyện gì. Hay là, tôi... Thôi chúng ta nên về ngủ là hơn. Tôi không mang xe theo, thôi đành về bộ vậy.

A Lịch chia tay tôi rồi vội vã đi vào trong sương.

Tôi trở về buồng trọ nhà bà Rạng. Tôi lại nghe những tiếng động cơ Diesel nổ từ đồng lầy vọng lại, tiếng sắt cọ sát vào nhau. Hôm ấy là chiều thứ bảy. Chiếc máy vét bùn sẽ được ngưng hoạt động vào sáng chúa nhật từ bảy giờ đến nửa đêm. Tôi nghe tiếng máy nổ, cũng biết công việc đều tốt đẹp cả. Tôi leo cầu thang chật hẹp để về buồng. Nằm xuống giường, tôi để đèn sáng thêm lát nữa và

đưa mắt lơ đãng ngắm những bông hoa nhột nhột in trên giấy dán tường, tôi miên man nghĩ tới hai giọng đàn bà thốt ra từ miệng Tư Gấu. Đó là những tiếng nói thực sự chứ không còn là những câu nhái lại. Nhớ tới giọng nói tôi hình dung được hai người đàn bà, Mai Liên với giọng nói lạnh lùng và Ái Mỹ với nét mặt đau khổ, cay đắng. Tôi tự hỏi không biết có điều gì gây nên sự đau đớn cho gia đình này? Hay đó chỉ là sự đơn lạnh của người đàn bà luống tuổi thiếu tình yêu? Điều đó chắc không đúng vì trong giọng nói còn nhuộm vẻ lo lắng kinh hãi. Tôi ngủ thiếp đi để nguyên đèn sáng, mãi sau mới tỉnh dậy để tắt.

Tám giờ sáng hôm sau, tôi qua cánh đồng lầy để tới chỗ máy vét bùn. Toán thợ đang chuẩn bị thay một sợi dây cáp mới và sợi dây cũ được cắt đi. Tôi trông

coi thợ làm việc tới mười một giờ mới trở về Lộ Man. Tới nhà, đã thấy A Lịch đỗ xe Ford ở cửa chờ tôi, Ông lên tiếng gọi tôi và nói:

– Tôi vừa tới cơ xưởng tìm anh. Hôm nay tôi mới cho giết hai con gà và muốn nhờ anh ăn giúp một phần mới xuể.

Tôi vui vẻ nhận lời. Người đầu bếp của xưởng tôi nấu ăn khá lắm, nhưng ít lâu nay tôi không có cảm tình với y. Y thường hút thuốc lá Quy Ba trong một cái tàu bằng tre. Tôi không ưa cái điệu nắm chặt hai bàn tay mỗi sáng của y. Tay y sạch sẽ nhưng lấm tẩm bột như tay thợ làm bánh. Tôi trèo lên xe ngồi bên A Lịch, xe bon bon xuống đồi tiến về phía ruộng đất phì nhiêu miền Tây Nam. Ánh mặt trời rạng rỡ chiếu xuống đất đen sạm. Hồi tôi còn nhỏ, một đứa trẻ theo đạo Gia Tô bảo tôi rằng chúa nhựt nào

cũng phải có mặt trời dù rằng chỉ trong một lát vì ngày đó là ngày của Chúa. Tôi luôn luôn nghĩ tới câu nói đó để chiêm nghiệm xem có đúng không. Chúng tôi vừa tới cánh đồng phẳng, xe lăn bánh trên những mảnh sắt vụn.

A Lịch hỏi:

– Anh còn nhớ câu chuyện chị em bà Ái Mỹ không?

– Có chứ!

Ông chỉ tay về phía trước mặt:

– Nhà họ đấy.

Người ta cũng không biết gì hơn về căn nhà này vì một hàng rào trắc bách điệp bao vây xung quanh. Có lẽ bên trong còn có một thửa vườn nhỏ. Chỉ có mái nhà và mấy chiếc cửa sổ cao vượt khỏi

vòm cây. Tôi cũng thoáng thấy tường nhà màu lòng đỏ trứng, trang trí những dây hoa vẽ bằng vôi màu hạt dẻ sẫm, hai màu hòa hợp mà ở tiểu bang California này thường dùng cho các nhà trường và ga xe lửa. Có hai cửa chắn song mở qua hàng rào, kho lúa ở phía sau nhà, bên ngoài vòm cây. Hàng rào cắt xén vuông vắn có vẻ dày dặn, vững chắc. A Lịch nói to, cố át tiếng động cơ xe:

– Hàng rào cây này để ngăn cản gió.

Tôi nói:

– Nhưng không ngăn nổi Tư Gấu.

Một bóng cây chạy qua mặt ông. A Lịch giơ tay chỉ một căn nhà vuông vắn quét vôi trắng toát chơ vơ giữa cánh đồng:

– Những tá điền người Trung Hoa ở

đằng kia. Họ rất chăm chỉ ngoan ngoãn, tôi thích những người như vậy lắm.

Vừa lúc ấy có một cỗ xe ngựa từ trong hàng rào cây nhô ra đường. Con ngựa xám già nua nhưng được chăm sóc sạch sẽ, cỗ xe và yên ngựa bóng loáng. Mỗi bên vĩ che mắt ngựa đều có gắn một chữ H. màu bạc trắng toát, chữ tắt của dòng họ gia đình bà Ái Mỹ. Tôi cảm thấy những dây cương quá ngắn đối với một con ngựa quá già.

A Lịch kêu lên:

– Họ kia kìa! Họ đi lễ nhà thờ.

Họ đã trông thấy chúng tôi. Chúng tôi cúi đầu khi qua mặt hai bà và họ cũng gật đầu chào lại. Tôi quan sát họ rất kỹ và tôi đã vô cùng sửng sốt. Họ có vẻ mặt giống hệt như tôi đã tưởng tượng trong

óc. Tư Gấu quả là còn quý quái hơn tôi đã nghĩ vì chỉ nhờ có giọng nhái lại của nó mà khiến tôi hình dung được cả các nhân vật. Tôi không cần hỏi xem ai là Ái Mỹ và ai là Mai Liên.

Đôi mắt trong và sắc, cảm nhọn và quả cảm, miệng mím chặt, vẻ mặt gãy, khắc khổ chính là Mai Liên. Ái Mỹ cũng có nhiều nét giống chị nhưng có những điểm khác biệt nho nhỏ. Mặt bà tròn trặn hơn, cặp môi đầy đặn, mắt chứa nhiều tình cảm. Ngực bà tròn nở, và tuy vậy nói chung bà rất giống Mai Liên. Nhưng nếu miệng Mai Liên có vẻ rắn rỏi thiên nhiên thì trái lại Ái Mỹ có vẻ cố làm ra như vậy. Mai Liên trạc độ năm mươi hay năm mươi lăm tuổi và Ái Mỹ kém chị độ chừng mười năm. Tôi chỉ có một khoảnh khắc để nhìn họ và sau này không bao giờ còn gặp lại nữa. Thế mà kỳ lạ thay, có

lẽ không một người nào ở trên đời này lại được tôi nhớ rõ hơn là hai người gái già này.

A Lịch nói:

– Bây giờ hẳn anh đã biết tại sao tôi dùng danh từ quý phái để nói tới họ.

Tôi gật đầu đồng ý. Thật là dễ nhận thấy quá. Một xã hội cộng đồng cỡ thể yên lòng về nền đạo đức nếu có hai người đàn bà như thế. Một làng như làng Lộ Man lúc nào cũng mờ mờ sương khói với những cánh đồng lầy nhầy nhựa như một tội lỗi thường xuyên thực ra rất cần sự hiện diện của những người như hai chị em bà Ái Mỹ. Ở lại đây vài năm, người ta có thể trở nên xấu xa tất cả vì ảnh hưởng khung cảnh nơi này, nhưng sở dĩ điều thiện còn giữ được là ở hai chị em Mai Liên quân bình hóa cán cân.

Bữa cơm trưa hôm ấy thật là tuyệt diệu. Cô em gái A Lịch quệt bơ vào gà chiên vàng ngậy và chế hóa các món khác rất khéo léo. Tôi càng thấy kém cảm tình và trở nên hoài nghi tài nấu nướng của người bếp ở xưởng tôi. Chúng tôi ngồi bàn ăn, uống một ly rượu thật ngon.

Tôi nói:

– Rượu ở nhà anh tuyệt thế này mà không hiểu sao anh vẫn phải tới tửu quán Con Trâu. Thứ uýt ky này thì...

A Lịch ngắt lời tôi:

– Tôi biết, tôi biết. Nhưng tửu quán Con Trâu là linh hồn của làng Lộ Man. Nơi đó vừa là tờ nhật báo, vừa là hí viện lại vừa là hội quán của chúng tôi.

Quả A Lịch nói đúng vì ông lái chiếc xe Ford ra đường sắp sửa đưa tôi về thì

cả tôi và ông đều biết rằng chúng tôi sẽ về tửu quán Con Trâu la cà ở đó một hay hai giờ nữa.

Chúng tôi về gần tới khu đông dân cư. Ánh sáng phản chiếu từ thành xe nhảy nhót trên mặt đường. Một chiếc xe khác nhảy chồm chồm trên mặt đường, đi ngược chiều chúng tôi. A Lịch lái xe chặn ngang đường rồi tắt máy.

Ông giải thích:

– Xe bác sĩ Hương đấy!

Chiếc xe vừa tới bắt buộc phải đỗ vì nửa đường còn lại quá hẹp không đủ chỗ vượt qua. A Lịch cất tiếng gọi:

– Bác sĩ! Tôi đang đi mời bác sĩ tới thăm bệnh cho em gái tôi. Cỗ ấy bị sưng trong cổ họng.

Bác sĩ Hương trả lời:

– Được! Rồi tôi sẽ tới sau. Bây giờ lùi xe lại đi, tôi đang có chuyện gấp.

– Bác sĩ đi thăm cho ai đấy?

– À, bà Ái Mỹ hình như khó ở. Bà Mai Liên mới điện thoại cho tôi, mời tôi tới ngay. Lùi xe lại hộ đi, mau lên!

A Lịch rú ga lùi xe, nhường lối đi cho người thầy thuốc. Chúng tôi lại tiếp tục nốt đoạn đường. Tôi vừa có ý nghĩ rằng đêm nay trời đất trong sáng nhưng nhìn về phía trước lại có những đám sương mù cuộn cuộn từ phía đồng lầy trôi về phía đồi, lượn lờ như những con rắn quấn quít lấy làng Lộ Man. Chiếc xe Ford dừng lại trước tửu quán Con Trâu. Chúng tôi xuống xe, vào quán.

Vừa lau cốc Cự Mập vừa đi từ từ về

phía chúng tôi. Hắn thò tay xuống gầm quây lấy sẵn chai rượu.

– Nào! Các anh dùng gì?

– Uýt ky.

Một nụ cười nhẹ nhẹ thoáng trên khuôn mặt thô cần và buồn thảm. Gian phòng đã bắt đầu đông khách. Toán thợ trông máy vét bùn có mặt đủ cả chỉ thiếu người bếp. Có lẽ lúc này y đang ngồi trên bờ lầy hút thuốc lá Quy Ba trong chiếc tàu tre. Y không uống rượu, không có điều gì đáng ngờ y cả. Hai người thợ hầm, một người thợ máy khác đều có mặt tại đây. Những người thợ máy đang bàn bạc về việc đào một con lạch thoát nước. Câu ngạn ngữ cổ của tiểu phụ có lẽ cũng rất hợp với họ lúc này: “Ở rừng thì nói chuyện đàn bà, ở nhà điểm lại nói chuyện kinh doanh”.

Đây là một quán nước hiền từ nhất mà tôi chưa từng thấy có chuyện ẩu đả, rất ít tiếng hò hét, ca hát và không bao giờ có thủ đoạn xấu xa. Với cặp mắt rầu rĩ, buồn nản, Cụ Mập như ngồi cầm trịch khách hàng. Ông Rạng vẫn luôn luôn thắng trên các bàn bạc. Tôi và A Lịch ngồi uống ứt ky. Không còn bàn trống, chúng tôi đành ngồi chống tay lên quầy rượu nói chuyện thể thao, chuyện buôn bán, kể lại những ngày phiêu lưu đã trải qua và mong mọi được thực hiện... tóm lại những chuyện tầm phào trong quán nước. Chốc chốc chúng tôi lại gọi thêm rượu. Có lẽ chúng tôi ngồi đấy tới hai tiếng đồng hồ rồi. A Lịch nói là ông muốn về và tôi cũng có ý định ấy. Toán thợ làm nhà máy vét bùn ra về cùng một lượt vì họ sắp tới giờ phiên làm đêm. Hai cánh cửa lũng lạng lẽ mở ra. Tư Gấu trườn vào trong quán, hai tay buông thõng, tóc rối

bù, đầu lắc lư và vẫn cười ngây dại. Hai bàn chân vuông trông giống như chân mèo.

Nó chặc lưỡi thành một tiếng kêu lớn:

– Ứt ky?

Không ai nhúc nhích. Nó bắt đầu khai diễn trò vui, nằm xếp xuống sàn như lần trước tôi đã chứng kiến. Những câu nói ngọt ngào bằng giọng mũi thốt ra. Tôi nghe như giọng nói của người Trung hoa. Rồi hình như những câu nói ấy được một giọng khác nhắc lại, lần này chậm rãi và không còn giọng mũi như trước. Tư Gấu ngóc cái đầu tóc bù xù hất hàm hỏi:

– Ứt ky?

Nó từ từ đứng dậy không có vẻ mệt

nhọc như mọi khi. Điều này làm tôi thích chí. Tôi muốn biết nó còn những tài ba gì nữa. Tôi móc tiền đặt lên quầy. Tư Gấu chộp lấy ly rượu nốc một hơi. Ngay sau đó, tôi hơi hối tiếc hành động của tôi. Tôi không dám nhìn A Lịch khi Tư Gấu trườn tới giữa phòng và bắt đầu dáng điệu một người đang rình mò bên cửa sổ.

Giọng nói đanh thép của Mai Liên cất lên:

– Thưa bác sĩ, cô ấy nằm kia.

Tôi nhắm mắt lại để khỏi trông thấy Tư Gấu nhưng đúng lúc ấy cũng không còn ai chú ý tới nó nữa. Chỉ còn giọng Mai Liên vẳng lên trong quán. Tôi đã nghe tiếng nói của bác sĩ Hương khi gặp trên đường về quán và bây giờ thì cũng chính tiếng bác sĩ nói qua cổ họng Tư

Gấu:

– Bà bảo sao? Bị ngất đi à?

– Thưa bác sĩ, phải.

Một khắc im lặng, rồi tiếng bác sĩ nói một cách dịu dàng:

– Bà Mai Liên ơi, tại sao bà ấy lại làm như thế.

– Bác sĩ bảo cô ấy làm sao?

Trong câu hỏi lại của người đàn bà có một vẻ như dọa nạt.

– Bà Mai Liên, tôi là thầy thuốc của gia đình bà. Tôi cũng là thầy thuốc của cụ Nghị, thân sinh hai bà. Bà cần phải kể hết cả với tôi. Vết hằn ở trên cổ tôi chưa thấy có trước đây. Khi bà trông thấy thì bà ấy treo cổ đã lâu chưa?

Lần này, thời gian im lặng lâu hơn.
Rồi một giọng đàn bà thì thầm yếu ớt:

– Độ hai hay ba phút. Như thế có sao không hả bác sĩ?

– Không sao, rồi bà ấy sẽ tỉnh lại. Không có gì trầm trọng. Nhưng sao bà ấy lại hành động đại dột thế?

Giọng trả lời lạnh lùng hơn lúc ban đầu. Có thể nói là một giọng đánh thép, băng giá.

– Thưa ông, tôi không biết.

– Phải chăng bà muốn nói rằng tôi không nên biết rõ sự thực hơn nữa?

– Tôi muốn nói như tôi đã nói với ông.

Tiếp theo là tiếng bác sĩ dặn dò cách dùng thuốc, khuyên nên nghỉ ngơi, uống

sữa và một chút rượu uýt ky.

Ông nói:

– Bà nên khéo léo một chút. Cần nhất, bà phải dịu dàng, nhũn nhặn với em bà.

Giọng Mai Liên hơi run run:

– Bác sĩ... đừng nói gì nhé.

Tiếng trả lời êm dịu:

– Tôi là thầy thuốc của bà. Tất nhiên là tôi sẽ không nói với ai. Chiều tôi sẽ gửi thuốc an thần đến cho bà.

– Uýt ky?

Tôi giật mình mở choàng mắt. Tư Gấu đã hiện nguyên hình quay mặt cười với mọi người xung quanh.

Mọi người đều im lặng có vẻ hổ thẹn.

Cụ Mập nhìn chằm chằm xuống đất. Tôi biết tôi là kẻ chịu trách nhiệm về chuyện này bèn quay sang A Lịch kiểm lời xin lỗi:

– Tôi không ngờ nó lại làm thế. Tôi rất tiếc.

Tôi ra khỏi quán, quay về căn phòng tồi tàn nhà bà Rạng. Tôi mở tung cửa sổ, ngắm nghía những giải sương mù lượn lờ trên không gian. Xa xa tiếng động cơ Diesel bắt đầu nổ. Và một lát sau tới tiếng chiếc gầu máy xoáy vào lòng đất.

Sáng hôm sau, một loạt tai nạn dồn dập xảy tới cho chúng tôi, những tai nạn thông thường của nghề này. Một sợi dây cáp vừa kéo lên bị đứt ngay, chiếc gầu máy từ trên cao rớt trúng cầu nổi làm cả toán thợ và cầu bị chìm sâu xuống bùn tới ba thước. Khi chúng tôi dùng một

dây khác để kéo cầu lên, dây này lại đứt nữa và nghiền đứt chân một công nhân. Chúng tôi vội băng bó ngay vết thương và đưa anh về bệnh viện ở Sa Linh. Rồi trong lúc vận xui các tai nạn lật vật khác liên tiếp xảy tới. Một thợ máy vướng dây cáp trầy da, vết thương sưng mủ làm độc. Tên đầu bếp lén bán đồ ma túy cho công nhân. Cơ xưởng bối rối không lúc nào yên. Phải mất hai tuần lễ chúng tôi mới làm lại được cầu nổi muốn đủ thợ và đầu bếp cho công việc tiến triển đều hòa. Người đầu bếp mới thân hình nhỏ nhắn da nâu nhòn, có vẻ thâm hiểm. Mũi hăn dọc dừa, mồm mép béo lẻo rất khéo nịnh hót.

Sự tiếp xúc của tôi với cuộc sống trên làng Lộ Man như vừa rớt xuống vực sâu. Nhưng khi chiếc gầu máy được sửa lại bắt đầu xoáy đất, tiếng động cơ Diesel lại

vang động giòn giã từ đồng lầy vọng lại thì tôi đã thành thoi hơn.

Một hôm tôi đi bách bộ tới thăm trại A Lịch. Khi tới khu nhà bà Ái Mỹ, tôi ghé mắt trông qua những chiếc cửa chấn song ngoài rào nhìn vào phía trong. Trong nhà tối om, và một ánh sáng leo lét nơi cửa sổ như làm căn nhà tối hơn nữa. Chiều hôm ấy, gió thổi nhẹ đẩy trôi dạt dờ những đám sa mù. Đầu không mũ, có lúc tôi đi vào trong sương, có lúc tôi bước vào một khoảng quang đãng. Qua ánh sao, ta thấy những tảng sương mù trắng bạc di chuyển trên cánh đồng như những bóng ma, tôi tưởng như nghe thấy tiếng than vãn thì thầm đằng sau hàng rào trắc bách diệp khu nhà bà Ái Mỹ. Rồi đột nhiên, từ bên trong một bóng người xô ra rào bước về phía đồng như lẩn trốn. Nhìn dáng điệu lệt xệt trên

đường, tôi nhận ra ngay đó là người tá điền Trung Hoa đi dép xăng đan, đang làm cho gia đình chị em bà Ái Mỹ. Người Trung Hoa thường có thói quen kiểm ăn mò mẫm trong đêm khuya.

Tôi gõ cửa thì A Lịch đích thân ra mở. Ông. mừng rỡ được gặp lại tôi. Em gái ông đi vắng. Tôi ngồi xuống bên lò sưởi, A Lịch kiểm một chai rượu mạnh mang tới. Ông hỏi tôi:

– Tôi nghe nói công việc làm ăn của anh dạo này gặp nhiều trắc trở phải không?

Tôi gật đầu, kể lại mấy tai nạn vừa qua.

– Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí. Người ta đã nói rằng cái họa nó không tới một mình mà phải tới đồn ba, năm, bảy hay chín tai họa một lúc.

A Lịch gạt đầu tán thành:

– Tôi cũng có cảm tưởng như vậy.

Tôi hỏi:

– À, còn hai chị em bà Mai Liên giờ ra sao?

Tôi vừa qua nhà, hình như bên trong có người khóc. A Lịch hình như không muốn nhắc tới chuyện gia đình này, mà đồng thời trong thâm tâm lại rất chú ý tới những chuyện đó.

– Cách đây một tuần tôi có tới thăm. Bà Ái Mỹ chưa được khỏe lắm. Tôi không gặp bà ta mà chỉ nói chuyện với bà chị.

Rồi A Lịch nói thẳng, không ngần ngại:

– Hình như có điều gì bí ẩn bao trùm

gia đình này, có một cái gì là lạ...

Tôi nói:

– Đúng là ông họ với nhà đó.

– Không hẳn thế. Tuy nhiên hai gia đình chúng tôi thân nhau. Ông thân sinh bà Mai Liên và ông thân tôi là bạn cố tri. Chúng tôi vẫn gọi bà Mai Liên và bà Ái Mỹ bằng dì. Các bà không thể làm một điều gì xấu xa được. Giả sử nếu có sao, thì chẳng còn nghĩa lý gì nữa.

Tôi hỏi:

– Tình đồng hương?

– Nói là sự an toàn mới đúng. Ở đây trẻ nhỏ có thể kiếm được bánh ngon. Ở đây, các thiếu nữ có thể kiếm được nguồn an ủi. Họ kiêu hãnh lắm, nhưng họ tin tưởng vào những điều mà chúng

tôi hy vọng là chân thực. Họ sống như là... như là... sự trong trắng là chính sách tuyệt hảo và lòng bác ái là phần thưởng thực sự. Chúng tôi cần có các bà.

– Tôi hiểu.

– Nhưng bây giờ bà Mai Liên đang phải phấn đấu chống lại một sự gì ghê gớm lắm và... tôi không tin là bà sẽ thắng nổi.

– Ông muốn nói sao?

– Tôi cũng không biết là tôi muốn nói cái gì. Nhưng có lúc tôi có ý định giết chết Tư Gấu rồi quăng xác nó ra đồng lầy.

Tôi nhận xét:

– Cũng không phải là lỗi tại nó. Nó chỉ là cái máy ghi âm rồi lại phát ra mà

thôi. Chỉ vì người ta đã dùng uýt ky thay cho tiền bạc.

Chúng tôi còn nói một vài chuyện khác nữa rồi tôi mới trở về Lộ Man. Sương mù như bám vào hàng rào trắc bách diệp xung quanh nhà bà Mai Liên. Từng tầng sương xô đẩy nhau bên ngoài hàng rào, một vài tầng khác từ từ trôi vào trong nhà. Tôi vừa đi vừa tùm tùm cười nghĩ tới thái độ kỳ lạ của con người lúc nào cũng tưởng tượng cảnh vật thiên nhiên phải vui hay buồn theo hoàn cảnh, theo ý nghĩ của riêng mình. Khi qua nhà bà Mai Liên trong nhà không đèn tối om.

Công việc của tôi lại tiến triển điều hòa. Máy đào hố hoạt động như cũ. Thợ thuyền cảm thấy vận rủi đã qua. Anh đầu bếp mới mồm mép béo lẻo thuyết phục công nhân quá khéo đến nỗi cỡ lần họ thấy trong mâm cơm có cả một

miếng xi măng rán mỡ. Thế mới biết cái xã giao của người đầu bếp cần thiết cho thợ thuyền hơn là những món ăn do anh nấu ra.

Chiều hôm ấy, đúng hai ngày sau hôm ăn ở nhà A Lịch, tôi thùng thảng dạo bộ trên vỉa hè gỗ kéo theo những vết sương mù trước khi bước vào quán Con Trâu. Cự Mập vừa lau cốc vừa tiến tới phía tôi. Tôi gọi “Uýt ky” để chặn trước không cho hắn nhắc lại câu hỏi quen thuộc. Tôi cầm cốc rượu mang lại chỗ ghế xấu ngồi xuống nhấm nháp. A Lịch chưa có mặt tại đây. Ông Rạng vẫn tiếp tục được bạc. Có lúc ông ăn bốn ván liền và uống liền bốn ly.

Khách hàng mỗi lúc một thêm đông. Tôi nghĩ nếu không có tửu quán Con Trâu không biết chúng tôi dùng thì giờ dư để làm gì.

Khoảng mười giờ mọi người đều biết tin đó. Người ta không thể nhớ một cách chắc chắn rằng bắt đầu tin ấy lan ra như thế nào? Một người nào đó bước vào quán, một vài tiếng thì thăm ở góc phòng, thế rồi tất cả mọi người đều rõ chuyện gì đã xảy ra với những chi tiết đầy đủ. Bà Ái Mỹ đã tự tử. Ai mang tin ấy tới? Tôi cũng không thể nào biết được. Bà đã treo cổ tự tử. Trong quán, người ta cũng không bàn tán xôn xao về vụ này. Tôi thấy những khách uống ở đây đều giữ một thái độ dè dặt. Đây là một trường hợp lạ lùng lắm không giống những chuyện tầm phào hàng ngày ở quán rượu. Họ ngồi thành từng bọn năm ba người và nói chuyện khe khẽ.

Cánh cửa lừng từ từ mở và Tư Gấu trườn vào bên trong, cái đầu đồ sộ lắc lư,

nụ cười ngây dại vẫn giữ trên môi. Hai chân nó lê trên sàn gỗ. Nó nhìn tứ phía rồi lên tiếng ướm thử:

– Uýt ky? Uýt ky cho Tư?

Mọi người đều thực tình nóng lòng muốn biết tin tức đặc biệt ấy. Họ cũng cảm thấy tò mò muốn biết chuyện này là xấu lắm nhưng họ không thể tự chủ nổi. Cự Mập với chai rót một ly uýt ky. Ông Rạng xếp cổ bài lại và đứng lên. Tư Gấu uống một hơi hết ly rượu. Tôi nhắm hai mắt lại.

Bác sĩ có một giọng nói khô cằn:

– Bà Mai Liên, bà Ái Mỹ đâu?

Tiếng đàn bà trả lời, bằng một giọng cương nghị lạnh giá, một giọng tôi chưa từng nghe thấy bao giờ. Giọng nói có vẻ ngoài như bình thản nhưng bên trong

giấu kín một nỗi đau đớn cay đắng đến tột điểm:

– Thưa bác sĩ, cô ấy kia.

– Hừ — im lặng một lát — Bà ấy treo cổ như thế độ bao lâu?

– Thưa bác sĩ, tôi cũng không rõ là bao lâu.

– Tại sao bà ấy lại hành động như vậy bà có biết không, bà Mai Liên?

Lại vẫn giọng bình thản đáp lại: Thưa bác sĩ, tôi không... biết.

Im lặng. Rồi tiếng bác sĩ nói:

– Bà Mai Liên! Bà có biết là bà Ái Mỹ đang có thai không?

Tiếng nói lạnh lùng như vỡ ra, sau một tiếng thở dài.

– Dạ, tôi biết.

Rồi một giọng rất nhỏ nhỏ.

– Nếu chỉ vì thế mà bà đã ngáp ngừng... không, bà Mai Liên tôi không định nói như vậy.

Giọng Mai Liên lại giữ được vẻ tự chủ lúc đầu:

– Bác sĩ có thể cấp cho một chứng nhận mà đừng có ghi...

– Được! Được! Việc đó chắc chắn tôi có thể giúp bà. Tôi thu xếp cả cho vấn đề mai táng nữa. Bà đừng có lo lắng gì cả.

– Cảm ơn bác sĩ.

– Để tôi gọi đây nói báo cho các nơi. Tôi không muốn bà ở lại nhà một mình trong lúc này. Bà sang buồng bên kia nằm nghỉ đi. Tôi sẽ kiếm cho bà một ống

thuốc an thần.

– Uýt ky! Uýt ky cho Tư.

Tôi nhìn thấy cái miệng toe toét và cái đầu rậm tóc đang lắc lư. Cụ Mập rót đầy một cốc rượu nữa. Tư Gấu uống xong trườn về phía cuối phòng, chui vào gầm bàn gục xuống ngủ.

Không ai nói gì cả. Họ lẳng lẳng tới quây trả tiền. Vài phút sau, A Lịch lặng lẽ vào quán. Ông tiến vội tới tôi: Anh biết tin rồi chứ?

– Biết.

– Tôi sợ quá anh ạ! Tôi có nói với anh một lần rồi, tôi sợ quá.

Tôi hỏi:

– Ông cũng biết là bà ta có chữa rồi chứ?

A Lịch rúm người lại. Ông nhìn một lượt khắp phòng, rồi nhìn tôi:

– Tư Gấu nói?

Tôi gật đầu.

A Lịch lấy tay che lên mắt:

– Tôi chưa tin điều đó.

Tôi vừa toan trả lời thì có tiếng sột soạt ở cuối phòng. Tư Gấu chui ra khỏi bàn, đứng lên len lén như con chồn tiến về phía quầy rượu.

– Uýt ky?

Nó cười với Cụ Mập rồi chờ đợi.

Ngay lúc đó, A Lịch đứng lên, nói lớn với tất cả mọi người:

– Này các anh em nên nghe tôi. Thế đã là quá lắm rồi chúng ta đừng đi xa hơn

nữa. Tôi không muốn những chuyện đó.

Nếu A Lịch chờ đợi mọi người phản đối ý kiến của ông thì ông đã thất vọng. Tôi thấy mọi người trong quán đều ra hiệu đồng ý với A Lịch.

– Uýt ky cho Tư?

A Lịch quay về phía nó:

– Mà phải biết xấu hổ chứ. Bà Ái Mỹ đã nuôi mày ăn, bà ấy cho mày quần để che thân chứ không mày xơ xác như con nhộng.

Tư Gấu cười vào mặt ông:

– Uýt ky?

Đã tới lúc nó thấy cần phải trở tài. Tôi nghe một giọng nói từ cổ họng nó thốt ra, tiếng nói ngọt ngào bằng giọng mũi. Đó là tiếng một người Trung Hoa.

A Lịch có vẻ hơi yên tâm.

Rồi tiếp theo là một giọng nói khác, chậm hơn và ngập ngừng, nhắc lại những tiếng nói mà không còn giọng mũi như trước.

A Lịch nhảy vọt lên nhanh như cắt. Ông thoi một quả đấm vào miệng Tư Gấu đang toe toét cười. Ông hét lên:

– Tao đã bảo mày thế là đủ rồi.

Tư Gấu ngồi dậy, lấy lại thăng bằng. Môi nó nứt đôi, rướm máu nhưng vẫn giữ nụ cười. Nó cử động nặng nề, chậm chạp. Hai tay nó vòng ra ôm chặt lấy A Lịch như con bạch tuộc quấn một con cua, A Lịch ngả người về phía sau. Tôi vội vã nhảy tới nắm lấy một tay nó vịn mạnh nhưng nó cũng không buông. Cự Mập cầm một cái vỗ, nhảy qua quây

rượu. Hắn bổ liên tiếp lên đầu Tư Gấu cho tới khi nó buông lỏng tay và ngã gục xuống. Tôi xốc nách A Lịch lôi ông ngồi lên ghế:

– Ông có bị thương không?

A Lịch thở hỗn hển:

– Có lẽ tôi bị trẹo sườn. Nhưng chắc không sao đâu.

– Ông có mang xe theo không. Tôi lái xe đưa ông về.

Khi qua nhà bà Mai Liên cả hai chúng tôi đều không nhìn lên. Tay tôi tỳ trên vô lăng, mắt chăm chú nhìn đường. Tôi dẫn A Lịch vào nhà, dìu tới giường đặt ông nằm xuống và rót cho ông một ly rượu nhẹ. Trên đường về, ông chưa nói câu gì. Bây giờ nằm yên trên giường rồi, ông mới cất tiếng hỏi:

– Ông thấy trong quán có ai chú ý và nhận thấy không. Chắc tôi đâm nó vừa đúng lúc đấy chứ?

– Ông muốn nói gì? Chính tôi cũng không hiểu tại sao ông đánh nó.

– Tôi chắc phải nằm liệt mất vài ngày. Trong những ngày đó nếu anh thấy ai nói năng gì lôi thôi anh ngăn cản hộ tôi nhé. Đừng để họ nói điều ấy ra.

– Tôi vẫn không hiểu ông định ám chỉ chuyện gì?

A Lịch nhìn vào mắt tôi một lúc lâu rồi mới nói:

– Tôi tưởng đối với anh thì cũng chả cần phải giấu giếm nữa. Giọng nói tiếp theo tiếng tên tá điền Trung Hoa là tiếng... bà Ái Mỹ đấy.

CHUỖI KIM CƯƠNG

GUY DE MAUPASSANT

Guy de Maupassant, sinh tại Seine Maritime (1850–1893) là một trong những người tiên phong trong phong trào tiểu thuyết tả chân tại Pháp.

Ông là tác giả các tiểu thuyết *Bel Ami*, *Fort comme la Mort*, *Notre Coeur*, *Une Vie*, *Pierre et Jean* v.v... và một tập truyện ngắn dày trên 1.000 trang.

Nàng là một trong những thiếu nữ đẹp và duyên dáng nhưng có lẽ định mệnh đã lầm lẫn đặt nàng sinh trưởng vào một gia đình tư chức tầm thường. Nàng không có cửa hồi môn, không có một phương tiện gì để hy vọng một thanh niên xuất sắc giàu có hiểu biết nàng, thương yêu và cầu hôn nàng. Nàng đành lập gia đình với một tiểu công chức tại Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Nàng thật giản dị không có thể có gì trang điểm, nhưng sâu nào như một kẻ bị đời hắt hủi. Xưa nay phụ nữ vốn không cần giai cấp hay dòng dõi. Về yêu kiều duyên dáng và nhan sắc làm tăng giá trị cho người đàn bà. Dáng điệu thanh lịch, nước da trắng mịn óng chuốt, ngôn ngữ dịu dàng gợi cảm là những đặc ân thiên phú đưa các cô gái bình dân lên ngang hàng các bà mệnh phụ.

Nàng âm thầm đau khổ không lúc nào nguôi vì tự cho rằng nàng sinh ra là để hưởng thụ một cuộc sống xa hoa, quý phái. Nàng buồn về nhà cửa quá nghèo nàn, tường vách tro tro, bàn ghế cũ kỹ mục nát. Nàng buồn về y phục nàng quá tồi tàn. Giá một người đàn bà khác ở địa vị ấy có lẽ đã yên phận không than thở: nhưng nàng thì trái lại rất đau khổ về những nhu cầu vật chất.

Mỗi khi nàng thấy người đầy tớ gái dọn dẹp trong nhà nàng lại nảy những ý nghĩ chua xót cay đắng và mơ mộng triền miên.

Nàng mơ màng tới những khuê phòng yên tĩnh, nền trải thảm Đông phương sắc sỡ, trên bốn bức tường bạch lạp cháy sáng suốt đêm trong những bầu bằng đồng đen cao vút. Nàng nghĩ tới những gia nhân trang phục gọn ghẽ ngủ

mê mê trên những tấm phô toi bên hơi ấm lò sưởi tỏa ra. Nàng nghĩ tới những bộ sa lông đồ sộ bọc bằng lụa cổ, những chiếc tủ chạm trổ tinh xảo chứa đầy mỹ phẩm vô giá và những căn phòng tiếp khách xinh xắn thơm phức mùi nước hoa. Ở đấy nàng sẽ chuyện trò hàng giờ với những bạn bè thân thiết nhất, nàng sẽ tiếp những người đàn ông có tiếng tăm danh vọng mà biết bao phụ nữ ao ước được làm quen.

Buổi trưa, khi nàng ngồi trước bàn ăn, chiếc bàn tròn phủ khăn hoen ố, đối diện với chồng nàng vẫn nghĩ ngợi đầu đầu. Chồng nàng vừa thấy liền súp đã reo lên: “Ồ món canh hôm nay sao trông ngon thế, anh không thích gì bằng món súp này”. Trong khi đó nàng tưởng tượng đến những yến tiệc linh đình đầy cao lương mỹ vị, những bộ chén tách bằng

bạc chạm trổ, những bức thảm rộng thêu các nhân vật tiền sử hay các chim muông, thú lạ ca hát trong một khu rừng thần tiên điểm ảo. Nàng nghĩ tới những món ăn tuyệt hảo đựng trong các đĩa sứ cổ xưa, nghĩ tới những câu xã giao ý nhị tình tứ mà nàng sẽ thì thầm nói với bạn nàng. Bạn nàng lắng nghe và chỉ khẽ mỉm cười thanh lịch trong khi cả hai nhấm nháp những miếng cá chiên thơm phức hay một đùi gà rừng béo ngậy.

Nàng không nhiều quần áo, không đồ trang sức, nàng không có gì cả nhưng nàng rất thèm muốn những thứ đó và vẫn cho rằng mình sinh ra để được ăn diện như ai. Nàng muốn nàng phải được mọi người ao ước, thèm khát, mê say.

Nàng có một cô bạn rất giàu. Hai người quen biết nhau từ thuở nhỏ nhưng nàng không muốn gặp vì mỗi lần gặp, so

sánh nàng thêm đau đớn. Nàng đã khóc nhiều đêm vì buồn khổ, hối tiếc và tuyệt vọng.

Bỗng một hôm, chồng nàng từ sở về nhà, tay cầm một chiếc phong bì lớn, vẻ mặt hớn hỏ:

– Đây, quà quý của em đây!

Nàng xé vội phong thư. Bên trong một tấm thiệp mời với mấy hàng chữ:

Tổng trưởng Quốc Gia Giáo Dục và bà Tân Phát Tiến hân hạnh kính mời ông, bà Lương Sơn tới dự buổi dạ vũ tổ chức tại trụ sở bộ vào ngày thứ hai 18 tháng giêng. Trân trọng.

Người chồng tưởng vợ sẽ mừng lắm, nhưng nàng đã vứt tấm giấy mời xuống mặt bàn rồi lăm bầm:

– Anh mang cái này về cho em để làm gì?

–Ồ, anh tưởng em sẽ hài lòng lắm chứ. Em không hay giao dịch, anh tưởng đây là một cơ hội rất tốt để cho em tiếp xúc với mọi người. Anh khổ công lắm mới có được tấm giấy này. Ai cũng ước ao được như anh nhưng mấy khi trên bộ gửi giấy mời các công chức hạng thấp như mình. Em tới dự buổi dạ vũ này sẽ gặp toàn những nhân vật cao cấp quý phái.

Nàng nhìn chồng bằng đôi mắt giận dữ rồi chậm rãi nói:

– Anh muốn em ăn vận thế nào để tới đó?

Chàng đã vô tình không nghĩ tới điều ấy, chàng ấp úng trong miệng:

[thiếu trang 112 và 113]

ướm các đồ trang sức trước gương, ngập ngừng như không muốn rời những món kim hoàn quý giá ấy. Tuy vậy nàng vẫn hỏi:

– Chị còn thứ nào khác nữa không?

– Còn nhiều chứ. Chị cứ việc chọn. Tôi cũng không biết là chị ưng ý thứ nào?

Bỗng nàng chợt thấy một chuỗi kim cương trong chiếc hộp lót sa tanh đen. Tim nàng đập hồi hộp với một nỗi ham muốn vô độ. Hai tay nàng run rẩy cầm chuỗi ngọc quý. Nàng quàng lên cổ vuốt ve trước áo, và ngây ngất như người say rượu. Rồi nàng ngập ngừng hỏi bằng một giọng đầy lo lắng:

– Chị có thể cho em mượn sợi dây chuyền này được không? Em chỉ mượn một sợi này thôi.

– Được chứ! Chị cứ tự nhiên.

Nàng nhảy lên ôm chầm lấy người bạn quý, rồi vội vã trở về như người chạy trốn, tay nắm chặt chuỗi bảo vật.

*

Đêm dạ hội đã tới. Bà Lương Sơn thành công hoàn toàn. Nàng luôn luôn tươi cười và điên vì vui sướng. Nàng xinh đẹp, duyên dáng, thanh nhã hơn tất cả mọi thiếu phụ khác trong đêm tiệc. Tất cả quan khách nam giới đều chăm chú ngắm nghía nàng, dò hỏi tên nàng và tìm cách để được giới thiệu với nàng. Tất cả các công chức cao cấp ở bộ đều mong được khiêu vũ với nàng. Cả ông bộ trưởng cũng chú ý tới nàng.

Nàng khiêu vũ một cách say sưa, cuồng nhiệt lòng tràn đầy hoan lạc. Nàng không nghĩ tới gì khác nữa ngoài sự chiến thắng nhờ nhan sắc của nàng, sự thành công rực rỡ trong đêm vui. Nàng như chìm đắm trong một làn mây hạnh phúc tạo nên bởi sự khao khát, sự tán dương, thán phục của những người xung quanh. Trái tim nàng như rung động vì sự thành

công kỳ diệu và viên mãn.

Mãi tới bốn giờ sáng nàng mới rời phòng tiệc. Chồng nàng đã ngủ từ lúc nửa đêm trong một căn phòng vắng lạnh với ba người bạn trai khác cũng có vợ đang vui mừng trong yến tiệc.

Chàng thức giấc vợ vội chiếc áo lạnh vắt lên vai vợ để trở về, chiếc áo đơn sơ của người thiếu phụ trung lưu, tương phản quá rõ rệt với bộ y phục lộng lẫy trong bữa tiệc. Nàng thấy ngay điều đó và muốn lẫn trốn thật nhanh để tránh những cặp mắt của những người đàn bà giàu có ăn vận sang trọng đã cùng dự tiệc với nàng.

Lương Sơn nắm tay vợ:

– Em đi đâu vội thế, ra ngoài lạnh bị cảm đấy. Đứng chờ anh đi kêu xe.

Nhưng nàng không nghe thấy gì cả, vẫn vội vã xuống thang. Khi ra tới ngoài, đường vắng tanh không một chiếc xe. Họ đi trong bóng tối tìm kiếm và kêu những chiếc xe đang lăn bánh ở phía xa. Họ đi về phía sông Sen, thất vọng và run rẩy. Mãi sau họ mới gặp ở bờ sông một chiếc xe ngựa kiểu cổ, loại xe này chỉ xuất hiện tại Ba Lê về đêm; hình như loại xe này cũng xấu hổ về vẻ nghèo nàn của nó trong ánh sáng ban ngày.

Chiếc xe chở hai vợ chồng về đầu đường Tuấn Tiết và họ đều buồn rầu khi bước vào nhà. Với nàng, thế là hết. Còn chàng, chàng lại nghĩ tới ngày mai, tới giờ chàng phải đến bộ làm việc như thường lệ.

Nàng đến trước tấm gương thay áo như để thương tiếc cuộc vui đã qua. Bỗng nàng rú lên: chuỗi kim cương khô-

ng còn trên cổ nữa.

Người chồng đang cởi quần áo, quay lại hỏi:

– Cái gì thế, em?

Nàng trả lời hoảng hốt:

– Mất... mất... mất chuỗi kim cương mượn của chị Phương Ký rồi.

Người chồng lại gần, kinh hãi:

– Trời!... Đâu có thể thế được.

Rồi họ rối rít giũ xiêm tìm kiếm, thọc tay vào túi áo choàng nhưng cũng không thấy gì hết.

Chàng hỏi:

– Trước khi tan khiêu vũ em có chắc là hãy còn không?

– Chắc. Lúc vào thay áo ở bộ, em còn đeo lại cho ngay ngắn mà. Nhưng nếu em đánh rớt ngoài đường thì phải nghe tiếng động chứ. Chắc rơi trên xe.

– Có lẽ. Anh có ghi số xe không?

– Không. Còn em, em có nhớ không?

– Không.

Hai vợ chồng ngơ ngác nhìn nhau. Một lát sau Lương Sơn lấy quần áo mặc. Chàng bảo vợ:

– Để anh đi ngược đoạn đường lúc chúng ta đi bộ xem may ra thấy chẳng.

Rồi chàng bước ra cửa. Ở lại nhà, vận bộ đồ ngủ nàng nằm vật trên ghế nhưng không thể chợp mắt.

Lúc bảy giờ, người chồng trở về tay

không.

Chàng tới trình tại quận cảnh sát. Chàng đăng báo hứa thưởng cho ai tìm thấy và trả lại cho chàng chuỗi kim cương. Còn nàng suốt ngày vẫn thần thờ sống trong tình trạng ngơ ngác trước tai họa đau đớn ấy.

Buổi chiều Lương Sơn trở về với bộ mặt hốc hác và xám ngoét. Không còn tia hy vọng nào cả.

Chàng nói:

– Bây giờ em viết thư cho bà Phương Ký, nói rằng trót đánh đứt một đoạn dây và hiện đang đưa tiệm sửa. Như thế, chúng ta có đủ thời giờ tìm kiếm.

Nàng ngoan ngoãn lấy giấy viết theo lời chồng.

*

Một tuần lễ qua, họ hoàn toàn tuyệt vọng. Như già đi mấy tuổi, Lương Sơn bảo vợ: Đành phải kiếm chuỗi khác đến vậy thôi. Hôm sau, theo địa chỉ ghi trong hộp đựng chuỗi kim cương, họ tìm tới hiệu kim hoàn. Ông chủ lật sổ tìm kiếm một lúc lâu rồi nói:

– Thưa bà, không phải tiệm tôi bán chuỗi kim cương. Tôi chỉ có bán chiếc hộp.

Thế là họ đành lần từ hiệu kim hoàn này đến hiệu kim hoàn khác để tìm một chuỗi kim cương giống như chuỗi đã mất. Họ thần thờ, buồn nản và lo lắng như hai người vừa ốm dậy. Sau hết, họ kiếm được ở một tiệm vàng tại đại lộ Hoàng Gia một chuỗi kim cương giống hệt. chuỗi kim cương của bà Phương

Ký. Chuỗi đề giá bốn mươi ngàn quan nhưng chủ tiệm bằng lòng bán với giá ba mươi sáu ngàn. Họ khẩn khoản yêu cầu chủ tiệm đừng bán chuỗi đó vội và chờ họ trong ba hôm. Người chủ tiệm cũng bằng lòng mua lại chuỗi kim cương đã bán, chỉ lấy lại hai trăm quan tiền nếu vợ chồng Lương Sơn hoàn lại nội trong tháng hai khi tìm thấy chuỗi kim cương cũ.

Ở nhà, Lương Sơn còn mười tám ngàn quan do cha chàng để lại trước khi qua đời. Chàng đi vay số tiền còn thiếu.

Chàng hỏi vay chỗ này năm ngàn quan, chỗ khác năm trăm, chỗ năm chục, chỗ vài đồng. Chàng ký giấy nợ, cầm cổ đồ đạc, gõ cửa hết chủ nợ này tới xét ty khác.

Chàng làm hư cả nửa cuộc đời mình,

lạm dụng chữ ký mà không suy nghĩ. Chàng kiểm điểm đủ ba mươi sáu ngàn quan trao cho chủ tiệm đổi lấy chuỗi kim cương trong lúc trí óc hoang mang về những viễn ảnh lo lắng tương lai, về cuộc sống bần cùng sẽ tới với chàng, về tất cả những thiếu thốn vật chất và ray rút tinh thần. Khi bà Lương Sơn mang chuỗi kim cương tới trả, bà Phương Kỳ có vẻ không bằng lòng:

– Đàng lẽ chị phải trả tôi sớm một chút vì nhớ có lúc tôi cần tới chuỗi ấy.

Bà không mở nắp hộp khiến bà Lương Sơn rất vui mừng. Nếu bà Phương Kỳ nhận thấy nàng đã tráo chuỗi hạt, bà sẽ nghĩ sao? Bà sẽ nói gì? Biết đâu bà chẳng cho rằng nàng đã có dụng ý gian dối hay cầu lợi.

Bà Lương Sơn bắt đầu sống cuộc đời

đau khổ của những người túng quẫn. Song le, nàng cam phận một cách can đảm. Nàng nghĩ rằng nàng có trách nhiệm trang trải món nợ kinh khủng ấy. Và nàng sẽ trả xong. Nàng cho người ở nghỉ việc trả nhà cũ, thuê một căn buồng khác tồi tàn và rẻ tiền hơn.

Nàng quần quật suốt ngày với công việc giặt giũ, bếp núc. Ngày hai buổi rửa chén bát, những móng tay ông chuốt đỏ hồng ngày xưa cáu bẩn mỡ ghét và bám đầy nhọ soong chảo đen xì. Nàng vò những chậu quần áo dơ dáy rồi căng lên một sợi dây thừng để phơi khô. Mỗi sáng, nàng mang thùng rác ra đổ ở đầu đường và xách nước lên gác, mỗi bậc thang lại đứng nghỉ để thở. Trang phục như một thiếu phụ bình dân, nàng xách giỏ tới các hàng hoa quả, hàng rau, hàng thịt mua bán thực phẩm cần dùng. Nàng

cò kè mà cả từng xu, có khi cần nhằn chửi thề để cố bớt một vài cắc bạc.

Mỗi tháng họ phải vay những món nợ mới, trang trải những món nợ cũ, để tranh thủ thời gian. Buổi tối người chồng làm sổ kế toán cho một hãng buôn để kiếm thêm tiền. Nhiều đêm có người thuê chàng chép các bản thảo mỗi trang giá năm xu.

Họ sống cực nhọc như thế trong mười năm. Hết mười năm, họ đã phục hồi được mức sống cũ. Họ trang trải được hết các món tiền vay cùng với những số lãi chồng chất.

Bây giờ, bà Lương Sơn trông già đi. Nàng trở nên một thiếu phụ vạm vỡ, rắn chắc và khắc khổ quen với các công việc nặng nề. Đầu tóc không chải chuốt, váy áo xốc xếch, đôi tay rắn và đầy chai,

giọng nói ồm ồm, nàng xách nước rửa nhà như một thiếu phụ nhà quê. Nhưng một đôi khi, lúc vắng chồng nàng tới ngồi bên cửa sổ tỳ tay lên cằm mơ màng nhớ tới đêm dạ hội thơ mộng ngày nào, cái đêm nàng say sưa khiêu vũ trong ánh hoa đăng, đêm mà nhan sắc nàng vô cùng lộng lẫy khiến bao người say đắm.

Tương lai sẽ ra sao, nếu đêm ấy không đánh mất chuỗi kim cương. Ai mà biết được? Làm sao đoán được chuyện mai sau? Cuộc đời biến đổi vô cùng kỳ lạ? Chỉ một sơ ý còn con có thể khiến cuộc đời tươi đẹp hay tan vỡ.

*

Tới một chiều chúa nhật kia, khi xong công việc trong nhà, bà Lương Sơn thủng thẳng tản bộ trong công viên để hưởng chút khi trời mát dịu, chợt thấy

một thiếu phụ dắt con từ phía trước mặt đi tới. Đó là bà Phương Ký. Bà vẫn trẻ, đẹp và quyến rũ. Bà Lương Sơn hơi run vì cảm xúc. Nàng có nên tới hỏi chuyện không? Nên lắm chứ! Bây giờ nàng đã trả hết nợ rồi, nàng có thể nói thẳng thắn cho bạn tất cả câu chuyện chứ cần gì dấu giếm.

Nàng tới gần thiếu phụ:

– Chào chị Liên.

Người đàn bà trở mắt ngạc nhiên không hiểu sao người thiếu phụ quê mùa ấy dám thân mật gọi bà bằng tên tục. Bà ấp úng:

– Sao... bà... Tôi không quen... có lẽ bà lầm chăng.

– Không, tôi không làm chị ạ. Tôi là Mai Loan đây.

Người bạn gái kêu lên:

– Ô... chị Loan, khổ khổ sao trông chị thay đổi quá thế.

– Vâng, từ ngày không gặp chị, tôi sống lam lũ lắm. Tôi rất nghèo túng... và tôi nghèo khổ cũng chỉ vì chị...

– Vì tôi... Sao lại thế?

– Chị có nhớ chuỗi kim cương chị cho tôi mượn hôm đi dự tiệc ở Bộ Quốc Gia Giáo Dục không?

– Có chứ! Nhưng rồi sao?

– Tôi đánh mất chuỗi kim cương của chị.

– Đâu có. Chị đã trả lại cho tôi rồi cơ mà.

– Phải, tôi đã trả chị nhưng là một chuỗi kim cương khác giống chuỗi của

chị mà thôi. Và từ đó chúng tôi phải sống lam lũ mười năm để trả món nợ ấy. Chị cũng biết là chúng tôi không giàu có. Nhưng ngày nay, nợ nần đã trang trải xong hết tôi hoàn toàn hài lòng.

Bà Phương Ký đứng sững lại:

– Vừa rồi chị bảo chị đã mua một chuỗi kim cương mới để thế vào chuỗi của tôi phải không?

– Vâng. Chị vẫn không nhận ra phải không.

– Hai chuỗi giống nhau như đúc mà.

Nói xong, bà Lương Sơn mỉm cười, một nụ cười thỏa mãn và kiêu hãnh.

Bà Phương Ký xúc động tới cực độ, cúi xuống nắm đôi tay người bạn gái:

– Trời ơi! Khổ thân chị Loan quá!

Chuỗi kim cương của em chỉ là chuỗi kim cương giả. Chỉ đáng nhiều lắm là năm trăm quan!...

BẢN ĐẠI KHẾ ƯỚC CUNG CẤP THỊT BÒ HỘP

MARK TWAIN

Mark Twain, tên thực là Samuel Clemens, sinh tại Florida (1835–1910) thuộc tiểu bang Missouri.

Hai tác phẩm chính của ông là Những Cuộc Phiêu Lưu Của Tom Sawyer (The Adventures of Tom Sawyer) và Những Cuộc Phiêu Lưu Của Huckleberry Finn (The Adventures of Huckleberry Finn).

Chính văn hào Ernest Hemingway, giải Nobel 1954, đã phải nói rằng “Tất

cả văn chương Hoa Kỳ đều phát xuất từ Huckleberry Finn. Trước và sau chưa có tác phẩm nào hay hơn”.

Ngoài hai tiểu thuyết chính kể trên, Mark Twain còn viết rất nhiều truyện ngắn trào phúng được dịch ra nhiều thứ tiếng trong các tập Truyện Chọn Lọc.

Sì đây tôi xin trình bày hết sức vắn tắt trước công chúng một phần câu chuyện rắc rối mà tôi đã liên can, phần rất nhỏ của một câu chuyện đã từng làm sôi nổi dư luận ở cả tân và cựu lục địa. Báo chí thế giới, đã tranh luận nhiều về chuyện đó nhưng không tránh khỏi việc đưa ra những tài liệu lẫn lộn và bình luận phóng đại kỳ lạ.

Tôi tóm tắt đầu đuôi câu chuyện nào lòng ấy như dưới đây và tôi cũng không hề thêm bớt một đoạn nào vì tất cả những sự việc tôi kể đều hoàn toàn đúng với tài liệu chính thức của chính phủ.

Vào ngày mồng 10 tháng 10 năm 1861 hoặc một ngày gần khoảng đó, ông

Mạc Kinh Thi, người ở Rotterdam tỉnh Chemung tiểu bang New Jersey, hiện nay đã quá cố có ký kết với chính phủ trung ương một bản khế ước cung cấp ba mươi thùng thịt bò hộp để giao cho tướng Séc Man.

Mọi việc bắt đầu êm đẹp.

Một ngày kia, Mạc Kinh Thi dắt một con bò lên đường tìm tướng Séc Man. Khi ông tới Hoa Thịnh Đốn, tướng Séc Man vừa rời thủ đô đi Manassas. Mạc Kinh Thi lẽ dĩ mang bò theo tới Manassas nhưng quá muộn. Theo lời chỉ dẫn ông lại tới tỉnh Nashville, rồi từ Nashville tới Chattanooga, rồi từ Chattanooga tới Atlanta nhưng vẫn không theo kịp vết chân tướng Séc Man. Ở đây người ta cho biết tướng Séc Man mới đáp tàu Tứ Đô du lịch Do Thái.

Mạc Kinh Thi vội vã đáp tàu đi Beirut với hy vọng tàu ông sẽ tới đích trước. Lúc dẫn con bò đến Jérusalem, ông ngã ngựa ra vì Séc Man không hề đáp tàu Tú Đô đi Do Thái mà ông hiện đang cầm quân giao chiến với dân Da Đỏ ở miền nam Hoa Kỳ. Mạc Kinh Thi lộn lại Mỹ và ra mặt trận để tìm gặp Séc Man. Lặn lội qua rừng vượt suối suốt sáu mươi tám ngày trời, chỉ còn cách tổng hành dinh tướng Séc Man chừng bốn dặm, ông rơi vào một địa khu của dân Da Đỏ. Ông bị chúng lột da đầu, giết chết và tịch thu con bò. Chúng chỉ để lại một thùng thịt. Quân của Séc Man lấy được thùng thịt còn lại và như vậy người nhà thầu dừng cảm ấy đã thi hành được một phần bản khế ước đã ký kết ngay cả khi đã chết.

Theo bản di chúc viết khi còn sống Mạc Kinh Thi chuyển khế ước lại cho

con trai là Uyên Sơn. Uyên Sơn thảo kịp một bản hóa đơn như sau, rồi cũng chết:

HÓA ĐƠN

Chính phủ Hoa Kỳ phải trả cho nhà thầu quá cố Mạc Kinh Thi ở New Jersey:

– 30 thùng thịt bò cung cấp cho tướng Séc Man giá mỗi thùng 100 đô la
= 3000 đô la

– Phí tổn chuyên chở và linh tinh =
14000 đô la

Tổng cộng = 17000 đô la

Đã trả tiền

Uyên Sơn chết nhưng nhượng lại bản hợp đồng cho Mạc Tín. Mạc Tín đang lo giấy tờ để lấy tiền nhưng công việc chưa xong cũng lại chết luôn. Hẳn nhượng lại cho Á Liên và Á Liên cũng chết trước khi

đạt mục đích. Á Liên nhường lại cho An Sơn.

May mắn hơn các đàn anh, công việc xin trả tiền của An Sơn tiến triển khả quan và hồ sơ đã được chuyển tới đệ cửu kiểm tra viên tại Viện Thẩm Kế. Tới đây, thanh toán viên mẫn cán nhất là Thần Chết, không chờ đạt giấy mời cũng lững thững đến và thanh toán cuộc đời An Sơn.

Trước khi chết An Sơn nhường giấy tờ lại cho Hợp Kinh một người bà con ở tiểu bang Connecticut. Hợp Kinh phá tất cả kỷ lục về tốc độ trong vòng bốn tuần lễ và hai ngày. Chỉ còn hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa hắn sẽ được gặp đệ thập nhị kiểm tra viên thì lại gặp ngay thanh toán viên mẫn cán ở dọc đường. Trong chúc thư hắn nhượng lại bản kế ước cho ông chú ruột là Gia Sinh.

Người ta nói di sản ấy là một hung tin.

Tuy vậy Gia Sinh vẫn vui vẻ nhận và tuyên bố dù có phải chết cũng cam lòng. Quả thực, lời nói của hắn quả thiêng liêng. Rồi lần lượt bảy người nữa thừa hưởng bản gia tài kế ước và cũng lần lượt theo nhau về cõi âm.

Cuối cùng bản kế ước tới tay tôi do một người bác họ xa tên là Huy Bá ở tận tiểu bang Indiana trao lại. Bác tôi vốn đã giận ghét tôi từ lâu. Nhưng đến phút cuối cùng của cuộc đời, đã gọi tôi đến bên giường bệnh hòa dịu với tôi và khóc sụt sùi khi đưa cho tôi bản kế ước bán thịt bò.

Câu chuyện thừa hưởng gia tài kế ước đến lượt tôi kể như tạm chấm dứt. Bây giờ tôi chỉ trình bày một cách vô tư

trước quốc dân những sự việc xảy đến chính bản thân tôi và liên quan đến câu chuyện bán thịt bò.

Mang theo bản giao kèo và giấy tờ cần thiết tôi đến xin yết kiến tổng thống Hoa Kỳ.

Tổng thống vốn vã hỏi:

– Chẳng hay ông muốn gặp tôi có chuyện gì?

Tôi đáp:

– Kính thưa tổng thống, vào ngày 10 tháng 10 năm 1861 hoặc một ngày gần đó, ông Mạc Kinh Thi ở Rotterdam, tỉnh Chemung tiểu bang New Jersey hiện nay đã chết, có ký với chính phủ một bản khế ước cung cấp ba mươi thùng thịt bò cho tướng Sec Man...

Vừa nói đến đây, tổng thống ngắt lời tôi, mời tôi rút lui bằng một giọng rất dịu dàng nhưng cương quyết. Ngày hôm sau tôi đến tìm ông bộ trưởng Ngoại Giao.

Ông hỏi tôi:

– Ông muốn hỏi chuyện gì?

Tôi đáp:

– Thưa ông bộ trưởng vào ngày 10 tháng 10 năm 1861 hoặc một ngày gần đó, ông Mạc Kinh Thi ở Rotterdam, tỉnh Chemung, tiểu bang New Jersey, hiện nay đã chết, có ký với chính phủ một bản khế ước cung cấp ba mươi thùng thịt bò cho tướng Sec Man...

– Đủ rồi, đủ rồi! Thưa ông tôi đã hiểu nhưng tôi tiếc rằng bộ tôi không lo về chuyện thịt bò.

Sau khi chào, ông bộ trưởng mới tôi ra khỏi phòng giấy. Tôi về suy nghĩ thật kỹ càng và quyết định tới phòng ông bộ trưởng Hải Quân. Ông tiếp tôi bằng một câu:

– Mong ông trình bày vắn tắt.

Tôi đáp:

– Thưa ông bộ trưởng, vào ngày mồng 10 tháng năm 1861 hoặc một ngày gần đó, ông Mạc Kính Thi ở Rotterdam, tỉnh Chemung, tiểu bang New Jersey, hiện nay đã chết, có ký với chính phủ một bản kế ước cung cấp ba mươi thùng thịt bò cho tướng Séc Man...

– Được!

Ông bộ trưởng Hải Quân đã nghe hết câu tôi nói nhưng ông không biết gì về một bản kế ước thịt bò nào với bất

cứ viên tướng Séc Man nào cả. Tôi bắt đầu thấy rằng chính phủ là một điều gì kỳ quặc và tôi có cảm tưởng bị làm khó dễ trong việc trả tiền. Ngày hôm sau tôi đến ông bộ trưởng Nội Vụ.

Tôi trình bày:

– Thưa ông bộ trưởng, vào ngày mồng 10 tháng 10 năm 1861 hoặc một ngày gần đó, ông Mạc Kính Thi ở Rotterdam tỉnh Chemung, tiểu bang New Jersey, hiện nay đã chết, có ký với chính phủ một bản kế ước cung cấp ba mươi thùng thịt bò cho tướng Séc Man...

– Thưa ông đủ rồi! Tôi có nghe người ta nói đến ông. Xin mời ông mang bản kế ước thịt bò quý giá của ông ra khỏi đây. Bộ trưởng Nội Vụ không liên quan gì đến việc thanh toán những hàng hóa tiếp tế cho quân đội.

Tôi đi ra khỏi phòng một cách tức giận. Tôi nguyên rằng sẽ còn quấy nhiễu nữa, sẽ kêu gào tại tất cả các bộ thuộc cái chính phủ vô lý này cho đến khi tôi được trả tiền. Tôi sẽ phải chiến đấu đến cùng cho đến lúc được tiền hoặc sẽ chết như các bạn tiền phong của tôi. Tôi tấn công Bộ Canh Nông. Tôi đón đường để gặp ông chủ tịch Hạ Nghị Viện. Tất cả đều trả lời việc cung cấp và thanh toán thịt bò cho quân đội không thuộc phạm vi giải quyết của các ông. Tôi đành đến tìm ông quản lý thư viện quốc gia và nói:

– Thưa ông vào ngày mồng 10 tháng 10 năm 1861 hoặc một ngày gần đó, ông Mạc Kính Thi ở Rotterdam, tỉnh Chemung, tiểu bang New Jersey, hiện nay đã chết, có ký với chính phủ một bản kế ước cung cấp ba mươi thùng thịt bò cho tướng Séc Man...

– Trời ơi! Bây giờ đến lượt tôi phải gặp ông với bản kế ước thịt bò trứ danh của ông rồi. Ở đây chúng tôi không có dính dáng gì tới chuyện cung cấp thịt bò cho quân đội đâu, thưa ông.

– Dạ thưa ông tôi biết thế. Nhưng thưa ông, ai trông coi về việc trả tiền này. Thế nào thịt của tôi cũng phải được trả tiền. Hay là tôi phải gắn si bản kế ước lại và gửi tại đây để ông lưu trữ vào thư khố.

– Nhưng mà thưa ông...

– Thưa ngài, chúng ta không cần thảo luận nhiều, thư viện chính là nơi thanh toán tiền thịt. Tôi nghe người ta nói thế. Và mặc dầu thanh toán hay không, thư viện phải trả tiền thịt bò cho tôi.

Đến đây câu chuyện trở thành một

trận đấu khẩu tay đôi dữ dội, đem lại kết quả là tôi thất bại lủi thủi ra đi. Nhưng trong lúc cãi vã tôi được biết là Bộ Tài Chính mới đúng là nơi thanh toán món tiền thịt bò của tôi. Tôi đến Bộ Tài Chính và ngồi chờ ngoài phòng đợi gần ba tiếng đồng hồ mới được gặp thượng nghị sĩ tổng giám đốc Ngân Khố. Tôi trình bày:

– Kính thưa vị nghị sĩ đáng tôn sùng, công minh chánh trực của tôi. Tôi trân trọng thưa với ngài một câu chuyện. Số là vào ngày mồng 10 tháng 10 năm 1861 hay là một ngày nào gần đó, ông Mạc Kinh Thi ở Rotterdam, tỉnh Chemung, tiểu bang New Jersey, hiện nay đã chết, có ký với chính phủ một bản khế ước cung cấp ba mươi thùng thịt bò cho tướng Séc Man...

– Thưa ông tôi biết rồi. Tôi biết chuyện đó lắm. Mời ông tới gặp ông đệ

nhất kiểm tra viên ngân khố...

Tôi làm theo lời ông. Nhưng viên đệ nhất kiểm tra viên dẫn tôi tới văn phòng ông đệ nhị, ông đệ nhị dẫn tôi tới ông đệ tam và ông đệ tam kiểm tra viên chỉ tôi sang gặp ông đệ nhất giám sát viên thuộc Sở Cung Cấp Thịt Bò Hộp.

Tôi khắp khởi mừng thầm. Công việc có vẻ khá rồi đấy. Ông giám sát viên giờ hết sổ sách, giấy má tìm một lúc nhưng tiếc thay không thấy bản lưu tờ khế ước của tôi. Tôi sang gặp viên đệ nhị giám sát viên Sở Cung Cấp Thịt Bò Hộp. Ông ta lục sổ sách giấy tờ. Không thấy gì hết. Dù vậy, tôi không nản lòng chút nào và trong tuần lễ đó tôi đã tìm tới viên đệ lục giám sát viên Sở Cung Cấp. Tuần lễ sau, tôi hỏi ở văn phòng khiếu nại. Sang tuần lễ thứ ba tôi mò đến phòng thanh toán cho các chủ nợ mất tích, rồi lần lần đến

phòng thanh toán cho các chủ nợ mệnh một. Riêng tại phòng này tôi đã đi về mất tới ba ngày. Sau chót tôi nghĩ chỉ còn một phòng nữa tôi chưa tới là Phòng Phế Vật. Tôi tới thẳng buồng chủ sự nhưng ông ta đi vắng. Viên bí thư của ông ta bảo tôi ngồi chờ một lát.

Trong phòng có mười sáu thiếu nữ xinh đẹp đang hí hoáy biên chép sổ sách. Bảy người nam thư ký cũng ngồi biên chép ở những bàn gần đấy hoặc có khi ngồi cùng bàn với các thiếu nữ. Thỉnh thoảng các cô mỉm cười ngả đầu về phía bạn gai. Các bạn trai cũng cười lại tất cả vui vẻ như trong một tiệc cưới. Trong góc phòng ba người thư ký khác đang đọc báo ngược mắt nhìn tôi rồi lại lẳng lẳng cúi xuống đọc tiếp không hỏi tôi nửa lời. Song le tôi đã quá quen với cách tiếp đón nồng hậu ấy rồi. Từ viên thư ký phù

động cho đến ông công chức cao cấp, từ Sở Cung Cấp Thịt Bò đến phòng thanh toán cho chủ nợ mệnh một đều lạnh nhạt với tôi như vậy. Trong thời gian qua tôi đã tập được nhiều đức tính đến nỗi hôm nay mất mấy giờ đồng hồ đứng chéo một chân chờ lệnh của các ông thư ký tôi vẫn không biết mỏi.

Cuối cùng không chờ lâu hơn được tôi hất hàm hỏi viên thư ký ngồi gần nhất:

– Này ông chủ đầu?

– Sao? Ông hỏi ai? Ông hỏi ống chủ sự ấy à? Ông ta không có đây.

– Chắc là hôm nay ông ấy đi thăm vợ nhỏ?

Người thư ký trẻ ngược mắt nhìn tôi một lát rồi lại cúi xuống tiếp tục xem

báo. Với kinh nghiệm sẵn có, tôi kiên nhẫn đứng chờ. Chỉ còn hai tờ báo nữa thôi. Một lát đọc báo xong, hấn ngược mắt ngáp một hơi dài và hỏi tôi muốn gì?

– Thưa ông, vào ngày mồng 10 tháng 10 năm 1861 hoặc một ngày gần đó, ông Mạc Kinh Thi ở Rotterdam, tỉnh Che-mung, tiểu bang New Jersey, hiện nay đã chết, có ký với chính phủ một bản khế ước cung cấp ba mươi thùng thịt bò cho tướng Séc Man...

– À, ông là người chủ khế ước cung cấp thịt bò. Đưa tôi xem giấy má.

Hấn cầm tập khế ước của tôi, rồi trở vào lục lại tủ hồ sơ cũ. May quá! Hấn đã tìm thấy giấy tờ liên quan đến việc chuyển thịt bò tới mặt trận miền Nam. Chỉ vì thiếu những giấy tờ này mà bao nhiêu tổ tiên tôi đã thất bại ngay dọc con

đường thanh toán trước khi tới đích. Tôi vô cùng cảm động. Tôi cũng vô cùng cảm ơn Thượng Đế đã để tôi sống được tới giờ phút đó. Tôi run run nói với người thư ký:

– Ông cho tôi xin giấy tờ đỏ. Có đủ tài liệu chính phủ sẽ thanh toán cho tôi.

Hấn lắc đầu và bảo tôi còn phải cho hấn biết thêm vài chi tiết nữa để bổ túc hồ sơ.

Hấn hỏi:

– Ông Mạc Kinh Thi đâu mà không tới?

– Ông ta chết rồi.

– Chết ở đâu?

– Thật ra không phải ông ta chết mà phải nói là bị giết mới đúng.

– Bị giết bằng gì?

– Bằng búa tầm sét.

– Ai giết?

– Ai? Cố nhiên là chỉ có dân Da Đỏ có búa tầm sét. Dễ thường ông tưởng ông ta bị một ông tổng giám đốc giết chẳng?

– Không! Nhưng đúng là dân Da Đỏ giết chứ?

– Nhất định đúng!

– Ông cho biết tên kẻ sát nhân.

– Tên nó! Trời, tôi làm sao biết được.

– Chúng tôi cần phải biết tên y. Có ai chứng kiến lúc Mạc Kính Thi bị giết không?

– Tôi không biết.

– Vậy ông không có mặt ở đấy sao?

– Không. Tôi còn trẻ thế này tôi làm sao chứng kiến được vụ giết người xảy ra từ thời ấy.

– Vậy thì tại làm sao ông biết là Mạc Kính Thi đã chết?

– Bởi vì tôi quả quyết rằng ông ta chết lúc ấy và tôi có đủ mọi lý lẽ tin rằng từ khi chết ông ta chưa bao giờ sống lại.

– Chúng tôi cần phải có đủ bằng chứng. Ông có dẫn tên Da Đỏ đến đây không?

– Chắc chắn là không.

– Ông phải dẫn y đến đây. Thế ông có mang cái búa tầm sét đến không?

– Tôi không nghĩ tới chuyện đó.

– Ông cần phải mang cái búa lại. Ông phải xuất trình tại đây lưỡi búa tấm sét và kẻ sát nhân. Khi có đủ tang chứng xác nhận sự chết của ông Mạc Kinh Thi rồi ông sẽ tới trình bày công việc tại hội đồng xét đơn khiếu nại. Lá đơn của ông có ít nhiều hy vọng được chấp thuận và nếu con cái ông thọ lâu chúng sẽ có thể lãnh được tiền để tiêu xài. Nhưng cần nhất cái chết của ông Mạc Kinh Thi phải được xác nhận. Ngoài ra, vì mến ông, tôi cũng cho ông biết thêm là chính phủ sẽ không bao giờ thanh toán những tiền phí tổn chuyên chở và linh tinh của Mạc Kinh Thi đâu. Và có thể chính phủ sẽ trả tiền thùng thịt mà quân đội của tướng Séc Mạn lấy được nếu quốc hội biểu quyết chấp thuận. Còn hai mươi chín thùng thịt rơi vào tay dân Da Đỏ thì không hy vọng gì cả.

– Thế là tôi chỉ có hy vọng bấp bênh là được trả một trăm đô la thôi ư? Đó là kết quả của tất cả những lo lắng những gian khổ mà Mạc Kinh Thi đã chịu đựng cùng với con bò của ông trong các cuộc viễn du Âu, Á, Mỹ. Và còn biết bao nhiêu người vô tội đã chết thảm hại chỉ vì ham số tiền này. Nếu vậy tại sao người kiểm tra viên đầu tiên không nói rõ cho tôi mọi sự ngay từ lúc đầu.

– Hẳn có biết gì về lý do sự thỉnh nguyện của ông đâu?

– Tại sao người kiểm tra viên thứ nhì không nói cho tôi hay. Cả người kiểm tra viên thứ ba nữa. Tại sao tất cả các sở, các phòng ở đây không nói cho tôi biết?

– Làm gì có ai biết mà nói. Ở đây mọi việc đều tiến hành theo đúng thể thức đã định. Ông đã làm đúng thể thức rồi

và ông đã được biết sự thực. Làm theo thể thức thế là phải lắm. Nó tuy đều đều, chậm chạp nhưng vô cùng chắc chắn.

– Chắc chắn! Chỉ có cái chết là chắc chắn và cái chết đã đến với cả dòng họ nhà tôi. Bây giờ chính tôi, tôi cũng có cảm tưởng là chết đến nơi rồi. Hồi ông bạn trẻ ơi, ông yêu cô thư ký trẻ đẹp ngồi kia lắm phải không. Nàng có đôi mắt xanh mơ mộng và miệng cười rất có duyên. Tôi trông ông tôi đoán được cả ý nghĩ của ông rồi. Ông muốn cưới nàng lắm nhưng ông nghèo. Ông lại gần đây, hãy chìa tay ra phía tôi. Đây bản kế ước bán thịt bò đây. Tôi xin biểu ông. Tiền đây, cưới nhau đi. Tôi chúc cho đôi trẻ yêu nhau đến trọn đời.

Trên đây là tất cả những điều tôi biết về bản kế ước cung cấp thịt bò hộp đã làm sôi nổi dư luận từ lâu. Người thư ký

trẻ tuổi thừa hưởng bản kế ước của tôi cũng chết rồi. Tôi cũng không có thêm bản kế ước nào cả. Tôi chỉ biết rằng nếu người ta sống được khá lâu để dò hỏi một công việc gì trong các văn phòng thanh toán người ta sẽ phải vận động, theo đuổi, dò hỏi một cách rất lâu để rồi được biết kết quả công việc của mình ra sao, cái quả kết mà có thể biết ngay từ đầu nếu hồ sơ tại các văn phòng liên quan đến việc thương mại với tư nhân được sắp xếp thứ tự hơn chút nữa.

CON CÁ BẤT TỬ

ÉLISABETH MANN-BORGESE

Elisabeth Mann sinh tại Munich (Đức) là con gái văn hào Thames Mann. Theo học toán và âm nhạc, tới năm 20 tuổi nàng kết hôn với nhà văn Ý Đại Lợi Giuseppe Antonio Borgese (1882–1952). Sau khi chồng chết, bà bắt đầu viết văn với bút hiệu Elisabeth Mann Borgese.

Truyện Con Cá Bất Tử là một truyện trong cuốn sách đầu tay của bà.

Cho tới ngày nay, tôi đã cố gắng làm tất cả những gì sức tôi có thể làm được. Người ta đã sử dụng sai lạc những phát minh của tôi, tuy nhiên, đây cũng chẳng phải là lần đầu tiên xảy ra chuyện đó. Tôi nỗ lực tìm mãi cách dùng khoa học để phụng sự hạnh phúc và tiến bộ của nhân loại. Nhưng xưa nay tiến bộ bao giờ cũng đến quá chậm.

Nếu cứ mặc tạo hóa xoay vần, tôi sẽ không được thấy những kết quả mà tôi có công xây dựng. Tôi đã già quá rồi. Vì vậy, tôi thiết tha mong Đắc giúp tôi một ân huệ cuối cùng: đó là thực hiện

cuộc thí nghiệm Băng Giá. Chúng ta đã từng thí nghiệm thành công với chuột, chó và khỉ. Lần này tôi muốn Đắc thí nghiệm với chính tôi. Trước hết phải đập vãi thấm nước đá lên óc vì bộ phận này chóng hư thối nhất. Máu càng chảy, thì nhiệt độ trong người tôi càng hạ dần dần. Hãy giữ gìn máu tôi thật cẩn thận trong các ống A và B, còn thân thể tôi cứ để yên nghỉ trong phòng lạnh một trăm năm.

Tới một độ băng giá nào đó, nhịp chuyển động ngừng lại thời gian cũng ngừng lại; mà sự chết là gì nếu không phải chỉ là sự điều hành của thời gian và chuyển động. Đắc ơi! Còn có rất nhiều người như anh, những thanh niên đầy nhiệt huyết có đủ khả năng để tiếp tục công việc, để đợi chờ và sẽ thấy một ngày khoa học chiến thắng sự tàn phá của tử thần. Khoa học sẽ tạo thành mưa trên

Sahara, đại dương và sa mạc sẽ trở thành những kho thực phẩm cho toàn thể nhân loại. Tất cả những bệnh tật hiếm nghèo sẽ biến mất trên trái đất và sẽ không còn một người nào trong chúng ta phải đau khổ.

...

Đắc ạ, cứ chờ đợi như vậy rồi một trăm năm sau người ta sẽ đánh thức tôi dậy, người ta sẽ truyền lại máu của tôi vào huyết quản tôi, bắt đầu từ tim trước nhất. Máu bơm vào tới đâu, nhiệt độ lên cao lần lần. Rồi sau đó, tôi lại tiếp tục công việc với các bạn đồng nghiệp và người ta sẽ không sử dụng sai lạc phát minh của tôi. Khi đó, tôi có thể hoàn thành một sứ mệnh cao cả hơn bây giờ”.

Viên lục sự ngừng đọc. Trong khi ông gấp lá thư và chìa về phía ông chánh án,

cử tọa đều im lặng. Trong một khoảnh khắc, hình như mọi người đều nhìn ra khoảng trống, không chú ý đến giáo sư Đắc ở khung gỗ nhân chứng nữa. Ánh mắt Đắc tiết ra một vẻ lạnh lùng, như đang mơ màng một thế giới nào xa xôi. Rồi tới lượt các nhiếp ảnh viên xô tới. Máy ảnh giơ lên bấm tới tấp để thu bằng được hình ảnh giáo sư khi đó còn đứng trong khung gỗ dành cho nhân chứng. Ông cao lớn lực lưỡng, nước da hung hung, ông vận một chiếc quần vải thô trắng và một chiếc sơ mi xanh bay phất phới. Các nhiếp ảnh viên chụp cả ông chánh án khi ấy đang cúi xuống chăm chú ngắm nghía lá thư xem thực hay giả. Họ chụp cả thính giả, một cử tọa đông đảo kỷ lục trong phòng xử án: đám đông hỗn độn trên ghế, chen chúc bên cạnh, đằng trước và đằng sau ghế, có người bám vào thành cửa sổ, xô đẩy nhau ở

tiền đình dù rằng ở đây đã gắn nhiều loa phóng thanh cho công chúng theo dõi phiên xử. Không khí ngột ngạt khó thở. Hơi nóng trong phòng như mâu thuẫn với đôi mắt lạnh giá của Đắc. Tôi lướt các nhiếp ảnh viên hướng máy về phía hai nhân chứng buộc tội là bác sĩ Mặc Ca Thy trong bác sĩ đoàn tại bệnh viện quốc gia (nhân chứng giám định) và giáo sư Hàn Thế Bạch giảng sư tại trường đại học thần học (nhân chứng), một người hơi nhỏ nhắn có tật hay nháy mắt sau cặp kính trắng, đôi môi mỏng quệt thỉnh thoảng lại mỉm cười vừa bối rối vừa chua chát. Ông đi dép và vận một bộ com lê màu hạt dẻ sẫm, quần may túi tận đầu gối và áo thì sờn và mạng ở khuỷu tay. Bà Hàn Thế Bạch ngồi cạnh chồng. Bà cao hơn ông một đầu, thân hình đồ sộ, nhất là đôi vú và cặp mông. Bà mặc một chiếc váy dài sẫm màu và chiếc áo khoác ngoài

dài tay màu trắng đã ngà ngà nhưng gấp nếp cẩn thận, ủi kỹ lưỡng. Những mớ tóc nhờn màu tro buông xõa về phía trước lòa xòa trên trán, phía sau tóc kết bím trên gáy. Mắt bà cũng có vẻ nhờn mờ hôi dầu. Bà luôn luôn đưa chiếc khăn tay viền đăng ten lên lau mặt và lau cả đôi mắt sau cặp kính dày. Bà có vẻ bối rối, hoảng hốt. Trong ông bà Hàn Thế Bạch người ta liên tưởng tới một đôi nhện nước, giống nhện mà con cái bao giờ cũng đồ sộ và con đực luôn luôn bám sát cái thân hình sồ sề của bạn đời.

Ngồi cạnh bà Hàn Thế Bạch là Hiền, cô gái nhỏ người đã ngăn ngùn một cách kỳ quặc lại vận một chiếc áo kiểu Tô Cách Lan quá dài và vụng may nên trông càng lùn thêm. Mặt cô trông thật giống mẹ, nhất là cô cũng đeo kính mắt dày. Cô ngồi cắn móng tay và giở tạp chí Siêu

Nhân ra đọc để giết thì giờ.

Ông biện lý ngược mắt lên, hướng về phía giáo sư Đắc hỏi:

– Giáo sư nhận ra lá thư này chứ?

– Dạ có!

– Và ông cho rằng khi làm theo đúng lời dặn trong thư nghĩa là hút hết máu trong huyết quản giáo sư Hàn Thái Thạch ra rồi để đặt thể xác ông ta vào phòng ướp đá cũng không phải là phạm tội sát nhân. Ông đã làm cho quốc gia và cả thế giới mất một trong những nhà bác học lỗi lạc nhất mà ông vẫn không cho rằng mình phạm một trọng tội đáng khinh bỉ. Nếu tôi không nhầm, phải chăng ông vẫn khẳng khẳng cho là thế?

– Thưa ông biện lý, đúng. Với tư cách một giám định viên, tôi đoán quyết rằng

tôi đã làm công việc đó với sự ưng thuận của ông Hàn Thái Thạch, hay hơn nữa tôi làm theo lời yêu cầu khẩn thiết viết trên giấy trắng mực đen của ông ta. Sau một thời gian đã được ấn định bởi ông ta nếu lại bơm máu trở lại như đã chỉ dẫn, ông ta sẽ hồi sinh. Như vậy, khi tôi hút máu ra chưa hề gây ra sự chết chóc mà trái lại tử thần đã bị xua đuổi hẳn bên ngoài cuộc thí nghiệm. Lập luận cho rằng đã có một án mạng không đứng vững vì không có người chết thì không thể nào có kẻ sát nhân.

– Tôi xin cảm ơn giáo sư.

Ông chánh án bối rối gõ năm đầu ngón tay trên mặt bàn. Không biết đó là những lời nhạo báng pháp luật hay chỉ là ngôn ngữ một kẻ điên khùng. Theo dư luận ngoài hành lang tòa án, dường như thân nhân giáo sư Đắc đang thuyết phục

luật sư của ông cãi trước tòa là giáo sư bị loạn óc để mong gỡ tội. Nhưng thực ra từ xưa đến nay trong cuộc đời và sự nghiệp của giáo sư Đắc chưa ai tìm ra một bằng chứng của sự điên rồ. Nhất là ông ta cũng là một nhà bác học lừng danh hoàn cầu và là cộng tác viên thân cận nhất với giáo sư Hàn Thái Thạch.

Ông chánh án sừng sốt lắm. Có lúc ông chợt nghĩ giá ông đem được bà nhạc ông vào phòng ướp đá có lẽ cũng hay lắm; ông nghĩ tới bước đi lệt xệt, đôi tay thông theọ, những lời la lối om sòm suốt ngày của bà. Ồ, tất cả những hình ảnh đó được bỏ gọn vào một phòng lạnh như ta nhét con gà vào lò, kể cũng thú. Nhưng ông bỗng rùng mình khi nghĩ tới nước đá và tội lỗi. Ông khoanh tay, rồi lại duỗi tay ra, ngẩng cao đầu cho cổ đỡ nghẹn vì quá chật: rồi lại sửa lại kính cho

ngay ngắn. Bây giờ, mọi yếu tố của vụ án đã được trình bày đầy đủ, người ta ngại cuộc tranh luận sẽ miên man không biết đưa tới đâu.

Bác sĩ Äng Den, biện lý sở tại là một người dòng dõi thế phiệt, lịch sự, thông minh, có tài ăn nói đã tóm tắt đầu đuôi trước tòa như sau:

“Thưa quý vị, tôi xin trình bày nội vụ với ba điểm rõ ràng: điểm thứ nhất là phát giác một sự việc. Cách đây ba ngày, giáo sư Hàn Thế Bạch tới nhìn thi thể thân phụ ông. Cùng đi với ông có bác sĩ Mắc Ca Thy, tại bệnh viện quốc gia mà ở tỉnh này chúng ta ai cũng biết và coi như một nhà thông thái. Bác sĩ đã có mặt tại tòa với tư cách nhân chứng giám định để xác nhận cái chết của ông Hàn Thái Thạch. Thi thể được giữ trong một nơi lạnh giá mà không một sinh vật nào có

thể chịu đựng nổi. Tim ông đã ngừng đập từ lâu. Với thời gian tim ngừng đập lâu như thế, không động vật nào có thể hồi sinh được trong các điều kiện này. Tất cả các mạch máu đều ngừng lưu thông. Áp lực động mạch ở số không, vì trong cơ thể không có giọt máu nào. Không có hơi thở. Những sự kiện vừa kể dù hợp lại với nhau hay là riêng rẽ đều chứng tỏ là ông Hàn Thái Thạch đã chết thực sự. Bác sĩ Mặc Ca Thy tuyên bố rằng không còn nghi ngờ gì về cái chết nữa và bất cứ ông dự thẩm nào cũng phải công nhận như vậy... Ông Thạch hiện giờ vẫn nằm yên... trong một thứ tủ kính lạnh giá, y như Bạch Tuyết trong cỗ quan tài bé nhỏ của nàng...”

Bà Hàn Thế Bạch quàng một tay lên vai Hiền, tay kia cầm mùi soa đưa lên miệng cắn rồi lại lấy lau mắt sau cặp

kính. Có tiếng xì xào trong đám đông. Giáo sư Đắc vui vẻ mỉm cười rồi cầm bút hý hoáy ghi chép trên cuốn sổ con.

“Điểm thứ hai: sự kiện mà tôi vừa trình bày đưa tới những việc thực tế sau đây. Cho rằng giáo sư Đắc phải chịu trách nhiệm về cái chết của ông Hàn Thái Thạch thì có thể kết luận ông Đắc là một kẻ sát nhân. Chấp nhận lý luận đó, thì một khía cạnh khác được nêu lên tuy rằng không thuộc thẩm quyền tòa án này nhưng tôi mong quý vị đặc biệt lưu ý. Quý vị hãy đặt mình vào địa vị một sở hữu chủ, một người có của cải di tặng lại con cháu, một người sắp thừa hưởng gia tài mà phán đoán một cách thực tế rằng do vụ án này nếu cái chết của ông Hàn Thái Thạch được xác nhận bởi các giới chức có thẩm quyền, thì di chúc của ông ta phải được công nhận là hợp pháp.

Do đó của cải phải được phân chia đúng như các điều khoản trong di chúc... Con trai ông Hàn Thái Thạch đã sống một đời niên thiếu thật là khổ cực vì cha ông ít săn sóc tới gia đình mà chỉ miệt mài vào những công việc tìm tòi khoa học. Cha ông kiếm được nhiều tiền, ông có quyền nghĩ rằng ông và gia đình có quyền thụ hưởng hợp pháp những bổng lộc vật chất ấy sau ngày thân phụ ông qua đời. Nhưng giáo sư Đắc đã tự giành quyền ấn định ngày quan trọng ấy. Ông cho là ngày đó phải chậm lại một trăm năm nữa (Cất cao giọng). Người con có bao giờ phải chờ một trăm năm mới được hưởng thụ phần gia tài chính đáng của mình hay không?”

Ông chánh án vội vã cúi đầu và xoa hai tay vào nhau. Bây giờ ông có vẻ thoải mái hơn lúc nãy.

“Tôi xin nói tới điểm thứ ba, điểm quan trọng nhất. Có một vài lúc vừa đây, chính giáo sư Đắc đã nói những câu như: ‘tử thần đã bị xua đuổi hẳn... lập luận rằng có một án mạng không đứng vững’ vân vân. Những lời nói đó là những câu nhạo báng luật pháp. Cần phải xử phạt vạ ông về tội nhục mạ thẩm phán nơi công cộng. Quý vị thử tưởng tượng xem ăn nói như thế thì sẽ đưa tới đâu? Xin thưa nó chỉ đưa giáo sư Đắc tới việc phạm một trọng tội xấu xa nhất mà tôi chưa từng nghe thấy nói đến bao giờ. Nhưng tôi không tin rằng người đàn ông trẻ tuổi ấy đã thận trọng cân nhắc những hậu quả lời nói của ông ta. Ông ta hủy diệt mọi ý niệm về trách nhiệm tinh thần khi để một người vật vờ giữa sự sống và cái chết (Quay đầu về phía ông bà Hàn Thể Bạch khi ấy cũng gật gù đồng ý), CÁI CHẾT LÀ BÁO ỨNG CỦA TỘI LỖI. NHỮNG

THƯỢNG ĐỂ LẠI BAN CHO ÂN HUỆ LÀ LINH HỒN VĨNH CỬU QUA TRUNG GIAN CỦA CHÚA TRỜI. Tôi xin hỏi quý vị, linh hồn giáo sư Hàn Thái Thạch sẽ ra sao nếu thể xác ông không sống mà cũng không chết. CON NGƯỜI LÀ SẢN PHẨM CỦA CHÚA TRỜI VÀ VÌ VẬY NGƯỜI TRỞ THÀNH MỘT KỶ VẬT CỦA TRỜI, CHỈ CÓ TRỜI MỚI CÓ THỂ ĐỊNH ĐOẠT ĐƯỢC SỰ SỐNG CHẾT CỦA CON NGƯỜI MÀ THÔI. Giáo sư Đắc hủy diệt sự chết, như vậy sẽ hủy diệt sự hiện hữu của linh hồn bất tử.. Vì linh hồn người chỉ trở nên bất diệt khi thể xác qua ngưỡng cửa tử thân. Căn cứ vào lời nói khả ố của ông rằng “tử thân đã bị xua đuổi”, chính ông đã gạt bỏ nền tảng của tín ngưỡng công giáo, của luân lý công giáo. (Giơ tay chỉ về phía giáo sư Đắc ông nói to hơn nữa). Nếu công nhận giáo sư Đắc không phải

là kẻ sát nhân, chúng ta chỉ còn có việc đóng cửa các nhà thờ lại, các giáo sĩ chỉ việc giải nghệ để đi khát thực. Trật tự xã hội và nền văn minh công giáo đã đến ngày tận diệt. (Nói thật to). Nhưng sao giáo sư Đắc là một kẻ sát nhân; ông đã hành động một cách bình tĩnh (với chữ đó ông ngừng, bối rối rồi lại tiếp tục hoạt bát hơn...) Ông đã hành động với sự suy tính kỹ lưỡng, ông là một tên sát nhân thô bỉ nhất”.

Cử tọa vỗ tay hoan hô ầm ầm. Người ta cảm thấy họ không muốn bị lừa dối trước một cái chết hiển nhiên. Ông chánh án vẫn buông thông hai tay. Trên hàng ghế đầu Mạnh Lộc, luật sư bên bị, có vẻ nóng ruột lắm. Ông cầm mũ đập lên chiếc khăn trải trên đùi. Ông là một người rất thông minh, hiểu biết rộng về các vấn đề mỹ thuật, văn chương, âm

nhạc. Ông biết chơi vĩ cầm và Đặc biệt thổi tiêu. Vì thế hai người thỉnh thoảng vẫn hòa nhạc với nhau vào buổi chiều. Ông say sưa với vụ án này lắm. Ông nghĩ muốn tiếp xúc với giáo sư Đặc và được ông chánh án khoát tay chấp thuận. Mạnh Lộc đứng lên: ông có dáng điệu một thương gia với râu, tóc hung hung, chiếc mũi hơi quằm và đôi mắt niêm nở nhấp nháy sau cặp kính trắng.

– Nếu tôi không lầm, thì bác sĩ Mặc Ca Thy của bệnh viện quốc gia đã chứng nhận rằng thi thể của ông Hàn Thái Thạch được gìn giữ trong một độ lạnh quá mà không một sinh vật nào có thể chịu đựng nổi. Căn cứ vào điều đó và một vài lý luận tương tự, ông cho rằng một án mạng đã xảy ra (hoặc là đang xảy ra). Giáo sư có thể giải thích về điểm này được hay không?

Mạnh Lộc lấy tay vuốt mặt từ trên trán xuống mũi để giấu một nụ cười trong lòng bàn tay. Mặt ông tươi tỉnh rõ ràng.

Giáo sư Đặc trả lời:

– Lời khai của bác sĩ Mặc Ca Thy muốn cho thật đúng cần phải thêm vài đoạn: thi thể của ông Hàn Thái Thạch hiện đang được giữ gìn trong một độ lạnh mà không một sinh vật nào có thể sống nổi trừ phi sinh vật này đã được săn sóc, điều trị một cách thích nghi trước khi trở nên bất động. Thi thể ông Thạch đã được điều trị một cách thích nghi và săn sóc chu đáo. Vậy thì thi thể ấy có thể chịu đựng được một độ lạnh rất thấp, chịu đựng mãi mãi cho đến ngày tận thế, nếu quý vị muốn.

Có tiếng đằng hắng nhẹ nhẹ ở phía

Mạnh Lộc đang đứng. Ông giải thích với ông chánh án:

– Theo như tôi biết, mỗi người đều có quyền tự do lựa chọn nơi nghỉ ngơi với một nhiệt độ mình ưa thích. Nếu người ta thích nằm trong một phòng có khí trời lạnh giá điều đó cũng không vi phạm một đạo luật nào của quốc gia. Hơn nữa, chúng ta cũng chưa có một đạo luật nào ấn định được thời gian nghỉ ngơi lâu hay chóng của mỗi người, không có luật ấn định nhịp đập nhanh, chậm của trái tim hoặc mức độ áp huyết. Khi giáo sư Đắc thực hiện cuộc thí nghiệm Bằng Giá ông không hề dùng những thuốc cấm, và mọi việc tôi thấy đều tiến hành đúng luật pháp hiện hành. Nếu bây giờ muốn kết tội cuộc thí nghiệm này thì cần phải sửa lại hiến pháp đã.

Mạnh Lộc đưa tay xoa cằm, hất mạnh

đầu lên rồi lấy ngón tay gõ gõ lên đùi. Bà Hàn Thế Bạch đánh lên tay bé Hiền không cho cô cắn móng tay. Giáo sư Hàn Thế Bạch có vẻ kinh hãi tới cực độ. Bác sĩ Ăng Den, biện lý sở tại, bật nhồm dậy toan trả lời nhưng ông chánh án đã ra hiệu cho ông ngồi xuống.

– Yêu cầu bác sĩ hãy bình tĩnh, rồi sẽ tới lượt ông. Bây giờ luật sư Mạnh Lộc tiếp tục tranh luận.

– Thưa giáo sư, để sáng tỏ vấn đề tôi xin hỏi phải chăng giáo sư chưa hài lòng về câu định nghĩa sự chết của nguyên cáo.

ĐẮC – Tôi có thể nói rằng người ta đã quá dài dòng tìm những bằng chứng của sự chết, nhưng người ta chưa hề cho một định nghĩa minh bạch thế nào là cái chết.

MẠNH LỘC – Xin tòa cho phép tôi hỏi nhân chứng bên nguyên cáo (quan tòa gật đầu), thưa giáo sư Hàn Thế Bạch, giáo sư có thể vui lòng cho tôi một định nghĩa về cái chết không?

BÁC SĨ ĂNG DEN (vội vã đứng lên) – Tôi phản đối điều đó, thưa ông chánh án... Tôi phản đối.

ÔNG CHÁNH ÁN (yêu cầu Ăng Den im lặng) – Tôi bác bỏ. Giáo sư Hàn Thế Bạch có thể cho một định nghĩa về cái chết được chứ?

HÀN THẾ BẠCH (thong thả đứng lên, tay gãi đầu) – Sự chết là sự chia lìa giữa thể xác và linh hồn... và vì sự không có linh hồn..

BÁC SĨ MẮC CA THY (hùng dũng đứng lên, gật đầu chào về phía ông chánh

án) – ... Sự tan rã của cơ thể... sự ngừng mọi chuyển động căn bản... đến nỗi không thể nào hồi sinh được.

MẠNH LỘC – Nếu vậy thì định nghĩa ấy lại không ăn nhập gì tới trường hợp giáo sư Hàn Thái Thạch. Cơ thể ông không hề tan rã dù là tan rã có linh hồn hay không linh hồn. Sự ngừng mọi chuyển động không có tính cách vĩnh viễn và hiện có hy vọng một sự hồi sinh.

HÀN THẾ BẠCH (chán nản) – Nhưng chính giáo sư Đắc đã công nhận rằng cơ thể cha tôi sẽ bất động trong một trăm năm hoặc một nghìn năm nếu ta muốn. Với tôi thì sự bất động của cha tôi có tính cách vĩnh viễn...

ĐẮC (bình tĩnh) — Một trăm năm hay một nghìn năm đâu có nghĩa lý gì. Giáo sư hẳn thừa biết đối với Thượng

Để thời gian ấy cũng ngắn ngủi như một ngày mà thôi.

HÀN THẾ BẠCH (lạc đề) – ... Nhưng ông không thể bắt tôi đợi một trăm năm nữa mới được thừa hưởng gia...

ĐẮC (cười ngắt lời) – Trời...

ÔNG CHÁNH ÁN (nghiêm nghị) – Chúng ta đã đi quá xa vấn đề. Ông Mạnh Lộc còn hỏi thêm gì nữa không?

MẠNH LỘC – Hiện giờ thì không.

ÔNG CHÁNH ÁN – Chúng ta tiếp tục thảo luận.

ĂNG DEN (đứng lên, vẻ mặt quan trọng) – Xin ông chánh án cho phép tôi nói. Tôi thấy hình như cuộc bàn cãi hoàn toàn lạc đề. Đây không phải là một cuộc thảo luận về triết học. Chúng ta tới đây

để phân tách các sự việc và xét xử theo luật pháp. Ông chánh án hẳn đã thấy công chúng bắt đầu chán nản và bỏ về dần dần... Nếu tôi được phép tóm tắt nội vụ tôi sẽ trình bày như sau: giáo sư Hàn Thái Thạch đã chết, cái chết của ông được những nhà chuyên môn có thẩm quyền xác nhận, một cái chết gây ra bởi các nguyên do không tự nhiên và có chủ định (rồi đây sẽ phải dùng chữ nạn nhân để chỉ ông Hàn Thái Thạch). Giáo sư Đắc là người chủ ý tạo nên những nguyên do gây nên cái chết (rồi đây sẽ phải dùng chữ sát nhân để nói về ông ta). Thi thể của nạn nhân đang được giữ một cách phi pháp tại nơi cư trú của đương sự (vi phạm điều 79 dân luật, chương C. Vệ sinh). Người chết không được khai tử đúng thời hạn... và tới đây tôi xin mở một dấu ngoặc để thêm một chi tiết về nhân sự... kẻ sát nhân, giáo sư Đắc, là

một người ngoại quốc đã lạm dụng lòng hiếu khách của chúng ta... chúng ta đã giúp đỡ ông, đưa ông tới một đời sống sung túc vậy mà ông đã trả ơn bằng cách nhúng tay vào một trọng tội...

Tới đây cuộc tranh luận không còn gì hứng thú nữa. Chúng ta hãy nhập vào đám đông và thông thả rời pháp đình. Giờ ăn đã sắp tới mọi người đều ngột ngạt trong không khí khó thở ở tòa và đều tin rằng cuộc cãi vã mỗi lúc sẽ buồn tẻ hơn. Ông chánh án chắc cũng sắp ngưng phiên xử và Đắc cũng sẽ về nhà, chính nhà ông Hàn Thái Thạch, với vẻ mệt nhọc nhưng lòng vừa vui vừa nản. Thật mất bao nhiêu thì giờ, ông tự nhủ vậy!

Ông mở khóa đẩy cửa bước vào căn nhà im vắng. Trong căn buồng trơ trọi kể bên có một cái mắc áo đơn chiếc.

Mình phải điện thoại cho bà quản gia bảo bà ta đem giặt áo choàng của giáo sư rồi bơm thuốc trừ mối trước khi cất đi mới được. Các quần áo khác cũng phải làm thế. Sáng nào mẹ quản gia cũng tới, quét dọn nhà, mở thùng ngoài cửa lấy thư từ xếp vào bàn trong nhà. Những tạp chí mua sắm cho giáo sư vẫn đều đều gửi tới. Tên ông vẫn còn duy trì trên nhiều danh sách; những giấy mời họp, báo cáo công việc đoàn thể vẫn gửi tới đều đặn; nhiều người còn viết thư cho ông.

Khi chết, không phải người ta chỉ chết một lần. Những liên lạc với thế giới bên ngoài của ông vẫn tồn tại giống như những vang vọng của một tiếng hét cuối cùng dù khi tiếng hét đã tắt hẳn. Đối với những người thân thì trong tâm khảm họ vẫn chỉ coi ông như còn sống. Vì vậy ông sẽ là kẻ chết sau cùng.

Có người xem báo thấy nói tới cuộc thí nghiệm hoài nghi không tin rằng một trăm năm sau khi tỉnh dậy ông Hàn Thái Thạch có thể hiểu được những giấy tờ của ông bây giờ. Họ viết thư chất vấn ông hoặc phản đối khía cạnh vô luân của cuộc thí nghiệm. Đắc soạn các giấy tờ, loại bỏ những thứ không quan trọng, đôi khi trả lời những thư từ thường thường, ông xếp những giấy mà cần thiết vào một hồ sơ mà Hàn Thái Thạch muốn đọc trước nhất khi ông tỉnh dậy. Tập hồ sơ dày cộm gồm có lá thư của Hàn Thái Thạch gửi cho ông sẽ giúp ông ta hiểu hết mọi chuyện khi tỉnh dậy, bản biểu đồ kiểm soát sức lớn của con cá bắt tử, kiểm soát công cuộc nuôi các bộ phận động vật, vài tờ giấy trên còn ghi những công thức hóa học mà ông viết tới phút cuối cùng và tất cả các tài liệu liên hệ tới những việc quan trọng xảy ra trong vòng

một trăm năm tới. Hai cái tủ của ông được lau chùi sạch sẽ gác trên chiếc gát tàn thuốc lá.

Đắc đứng lên, mở tủ rượu pha một cốc ứt ky rồi bước qua phòng kế cận bằng cửa ngách. Ông nghe tiếng chân ông bước êm trên thảm vang nhẹ trong căn phòng êm vắng tro tro. Ông ngồi xuống bên chiếc tủ lạnh điều chỉnh lại nhiệt độ. Rồi ông giơ tay bẻ một miếng đá đọng trên thành tủ bỏ vào cốc rượu. Ông nâng cốc lên miệng và nghe rõ tiếng rượu trôi qua cổ họng kêu ọc ọc khe khẽ giống như tiếng con cá trong bình nổi lên mặt nước đớp bọt. Con cá đã bắt tử, nó vẫn lớn nhưng không già; cơ thể nó giữ sự sống như gốc một loại cây trường sinh. Trong thiên nhiên, một con cá loại này chỉ có thể chết khi gặp một tai nạn bất ngờ, nhưng ở trong phòng thí nghiệm

chắc chắn không có tai nạn bất ngờ nào cả. Một trăm năm sau Hàn Thái Thạch sẽ gặp lại con cá của ông đúng y như trước, chỉ nhỉnh hơn một chút thôi.

Những bình thủy tinh đựng các bộ phận động vật đặt thành hàng im lặng trên tường; hột gà lộn, tim chó, tế bào thần kinh, tế bào thận, các mô bì loài chuột và người đều có cả. Tất cả đều bất tử nếu ta nuôi dưỡng trong thời gian thích hợp cung ứng thức ăn có phẩm chất thích hợp và loại bỏ kịp thời các hóa chất nguy hiểm. Chúng sẽ sống được một trăm năm.

Ông ngồi nghe tiếng rượu chạy trong cổ họng, tiếng con cá đớp bọt trong bình và tiếng chiếc đồng hồ già nua ở góc phòng cắt vụn thời gian ra từng quãng trong khung cảnh của sự bất diệt ấy.

Mỗi buổi chiều, ông đều tới soạn thư từ, nuôi các bộ phận động vật và con cá, lên dây đồng hồ rồi ông uống ực ky và nghỉ một lát cho nó đỡ nhọc, nổi mệt nhọc chống chọi lên cuộc đời ông hằng ngày, hằng tháng, hằng năm. Vụ án kéo dài đã quá sức, hết đưa từ tòa sơ thẩm lên thượng thẩm, rồi tới Tối Cao Pháp Viện. Người ta không đi tới sự đồng ý với nhau về định nghĩa cái chết áp dụng vào trường hợp đặc biệt ấy. Hàn Thế Bạch tiếp tục tranh đấu đòi quyền hưởng thụ gia tài về cho gia đình ông, một gia đình mỗi ngày mỗi bành trướng. Cô bé Hiền lùn tịt ngày xưa nay đã trở nên một thiếu nữ không nhan sắc. Trong các phiên xử nàng không cắn móng tay nữa mà chỉ ngồi nhìn những ngón tay đỏ choét. Nàng đi dép cao gót, tóc uốn quăn và đôi

môi mỏng quệt tô son một cách vụng về; rồi nàng trở thành một gái già, một bà cô cau có luôn luôn tỏ vẻ bức dọc phải dành gần hết cuộc đời leo đẹo theo bố già tới hết tòa này sang tòa khác. Bà Hàn Thế Bạch đã thấy vắng bóng. Những cuộc tranh luận bây giờ. uể oải quá. Danh từ sát nhân mặc nhiên không thấy trong phiên tòa nữa. Dân chúng luôn luôn thấy báo đăng tin các cuộc thí nghiệm thành công nên họ cũng chẳng chú ý mấy tới những trường hợp tương tự.

Tuy thế, các nhà thờ vẫn mở cửa và giáo sĩ không ai phải làm hành khất. Trật tự xã hội có thay đổi nhưng không sụp đổ, và tôn giáo vẫn tồn tại. Bác sĩ Äng Den bây giờ hòa dịu hơn trước và khi vụ án không được theo dõi nữa ông bèn yêu cầu tòa tuyên bố đó là một cái chết giả định để có thể phân phối gia tài của

kẻ bất hạnh. Ông đòi bằng được quyền ấy và Mạnh Lộc cũng làm một đơn phản tố xin cho tòa nhà và phòng thí nghiệm của Hàn Thái Thạch không thuộc trong số tài sản kê trong di chúc trong khi chờ đợi những yếu tố mới. Lá đơn phản tố được tòa chấp nhận đúng lúc Mạnh Lộc chết vì quá già.

Mỗi chiều, Đắc vẫn trở lại nghe bước chân mình vang lên trong căn nhà im lặng; một thứ tiếng lết nặng nề, chập chững kèm theo tiếng gậy cộc cộc trên sàn và tiếng thở khò khè vì Đắc đã mắc bệnh suyễn. Ông bẻ một miếng đá ở tủ lạnh bỏ vào cốc uýt ky rồi cúi xuống nhìn Hàn Thái Thạch; ông ta nằm, xoa những chòm tóc bạc trên gối, một tay thò ra khỏi chiếc áo choàng trắng. Thời bây giờ các bác sĩ không mặc kiểu áo choàng ấy nữa. Nằm im không nhúc nhích trong

một thế giới luôn luôn thay đổi đã làm cho chính mình thay đổi! Đắc thấy giáo sư bây giờ có vẻ trẻ ra. Ông ta không phải là ông già nua đạo mạo đáng kính trọng ngày xưa nữa. Ngày nay Đắc có vẻ già hơn cả ông bạn ngày trước. Thế mà thời gian ấn định mới trôi qua một nửa.

Đắc cảm thấy nhẹ nhõm khi nghĩ rằng mình sẽ không còn sống tới những ngày đầu phần thứ hai của thời gian ấy. Ông không muốn có mặt khi giáo sư Hàn Thái Thạch hồi sinh. Ông cũng không hiểu tại sao lúc trẻ thì tin tưởng mãnh liệt mà bây giờ nhiều lúc ông có những ý nghĩ lẩn thẩn toan tới cảnh sát cuộc nọp mình, thú nhận tội sát nhân.

Có lúc ông nghĩ đáng lý ra ông Hàn Thái Thạch mà ông quen biết và yêu mến phải chết từ lâu, chết đúng vào thế hệ của những người đồng loại với ông.

Bởi vì một người không phải chỉ là một động vật đơn độc, người ấy không thể tách rời khỏi hoàn cảnh đã tạo ra hẳn ngay cả khi chính hẳn đã góp phần tạo nên hoàn cảnh. Đắc cố tưởng tượng tới ngày Hàn Thái Thạch lại trở về với cuộc sống thường, hoặc sự hồi sinh của César hay Platon: có lẽ mỗi trường hợp là một sự giả tạo lạc lõng. Họ là những sản phẩm của một thời đại nào đấy mà thôi, những thời đại khác không thể tạo ra những nhân vật giống họ. Một thời nào mà xã hội cần tới nhân tài: nhân tài sẽ xuất hiện thích ứng với hoàn cảnh đương thời. Nếu nhân tài chết đi, sẽ có các lớp sau thay thế giống như con thằn lằn mọc đuôi khác khi bị chặt cụt đuôi, giống như sự sinh hóa liên tục của xã hội loài ong.

Các thế hệ nối tiếp nhau chỉ là một

hình thức di trú linh hồn. Nhưng nếu con thằn lằn hóa thành chim và loài chim có vú thì không biết cái đuôi biến thành gì? Vậy thì một bộ phận phải hủy diệt, phải chết để cho toàn thể được sinh hóa. Trong trường hợp này, không phải là không thể xâm nhập vào cuộc diễn biến vì bộ phận tùy thuộc vào toàn thể cũng như toàn thể phải tùy thuộc vào bộ phận. Vậy thì, không những có thể mà còn cần thiết và vô cùng phức tạp nữa đến nỗi thoát đầu ta không hình dung nổi.

Đắc lắng nghe những bước chân nặng nề, ì ạch, không đều đặn của mình. Bây giờ còn thêm cả tiếng chân đi giày cao su nhảy nhẹ qua bình cả bất tử của viên bác sĩ phụ tá của ông. Bác sĩ Rơ Nê còn trẻ lắm, là một thanh niên đáng mến, tận tâm. Chàng vận một chiếc quần

vải và một chiếc sơ mi cụt tay kiểu mới không có cổ, tên in ngay trên ngực. Vừa tốt nghiệp, chàng là một bác sĩ lỗi lạc của trường đại học, một người có tinh thần phục vụ tích cực với một tâm hồn vị tha. Chàng không uống ượu ky nhưng đang đứng pha một ly cho Đắc. Chàng nhai kẹo cao su luôn miệng. Đắc giảng giải cho chàng về những giấy tờ chồng chất trên giường ông Hàn Thái Thạch: chàng lắc đầu, hất chòm tóc về phía sau và tỏ ý muốn hủy những giấy tờ vô ích đó. Ngày nay còn có ai chú ý tới những lá thư viết từ sáu mươi năm trước ấy? Nhưng Đắc vẫn khẩn khoản yêu cầu chàng giữ lại cẩn thận và sau đó Rơ Nê tỏ ý thông cảm hơn.

*

Tới một ngày kia, chỉ còn một mình Rơ Nê đến khuấy động sự im lặng trong

căn nhà ông Hàn Thái Thạch, chỉ còn mình chàng nuôi dưỡng những bộ phận động vật, cho cá ăn và điều chỉnh nhiệt độ tủ lạnh. Đã lâu chiếc đồng hồ treo không kêu tích tắc vì Rơ Nê quên không lên dây. Rồi tới ngày Rơ Nê tới đó để nghỉ ngơi sau những ngày, tháng, năm mệt nhọc, tiếng chân ông bước trên sàn mỗi ngày mỗi trở nên nặng nề hơn.

Bác sĩ Rơ Nê tuyên bố:

– Cuộc thí nghiệm thành công một cách đẹp đẽ. Bơm máu trở lại tim không phải là một công việc phức tạp khó khăn nhưng vì gán cho công việc một tính cách quan trọng nên chúng tôi đã dùng phim nổi để quay ngổ hầu ghi lại hình ảnh thật rõ ràng. Ông đã mở mắt tỉnh dậy như sau một giấc ngủ trưa. Song le chúng tôi vẫn chưa hiểu những biến chuyển gì đã xảy ra trong óc ông. Trái với những

kết quả phân tách bằng kính hiển vi và những hình ảnh quang tuyến rọi qua óc, chúng tôi tin rằng đã có một biến chuyển xảy ra vì ông Hàn Thái Thạch hiện nay ở một trạng thái giống như trẻ thơ. Ông gọi tên Đắc tuy sau đó ông đã hiểu ngay câu chuyện. Ông cũng đọc lá thư cuối cùng của ông gửi cho Đắc, và có vẻ rất buồn và xúc động về cái chết của giáo sư Đắc. Ông luôn miệng lẩm bẩm: ‘Thật là uổng, một người trẻ tuổi đầy tương lai’. Chúng tôi nhắc lại với ông rằng giáo sư Đắc đã giữ lời hứa, đã tận tụy với công việc gần tám mươi năm ròng, đã gặt hái nhiều thành công rực rỡ nhưng ông có vẻ không hiểu. Tóc ông rụng hết, trên đầu chỉ còn thừa thớt vài mảng lông tơ mềm như lông mèo; răng ông rất xấu. Ông khẳng khẳng bắt mở rương lấy áo quần cũ ra mặc, những quần áo không hợp thời đáng lẽ nên để vào bảo tàng

viện. Vì thế trông ông kỳ cục như một đứa trẻ hóa trang bằng quần áo phờng tuồng. Ông nói bằng một thứ ngôn ngữ đơn giản, chậm rãi khó bắt chước và chính ông cũng ngỡ ngàng chậm hiểu những câu chúng tôi nói. Ông không thích dùng những thức ăn chúng tôi ăn trong bữa và phải chờ dành mãi ông mới chịu. Ăn xong ông vào phòng giấy để hết tâm trí miệt mài giải các phương trình toán học, phương trình mà ngày nay con cái chúng ta giải dễ dàng trong vài phút. Trong thời gian ấy, chúng tôi sửa soạn cho ông ra mắt công chúng. Người ta đã biết trường hợp của ông, chúng tôi nghĩ nên để ông tự kể lại thời gian trước kia ông đã sống; thuật lại ký ức của ông có lẽ sẽ làm sáng tỏ một vài vấn đề liên quan tới lịch sử khoa học. Nhưng chúng tôi đã thất vọng: ông nài nỉ để trình bày với thánh giả về những nhân vật mà chưa ai

nghe nói tới, tuy rằng ông tỏ vẻ rất kính trọng và mong mỗi những kỳ công ở các nhân vật này; người ta hy vọng được biết thêm những chi tiết về các vĩ nhân và các phát minh quan trọng trước đây khoảng một trăm mười hay một trăm hai mươi năm thì ông lại không biết tí gì về các vấn đề này.

Buổi họp ấn định vào năm giờ. Đúng bốn giờ mười lăm ông rời nhà bước xuống đường Ruýt Xen. Trước mặt, một chiếc xe hàng đậu bên lề bên phải. Một chiếc xe du lịch từ phía sau phóng nhanh vượt qua chiếc xe hàng. Cố nhiên, người tài xế không thể trông thấy những xe cộ ở trên đường Đệ Tứ là con đường cắt ngang đường Ruýt Xen. Vội vã tránh cho khỏi đụng phải xe buýt, xe du lịch đột ngột lái sang phía trái, chồm lên bờ hè

đâm phải ông Hàn Thái Thạch đè ông
bẹp dí vào tường. Ông chết ngay không
kịp kêu một tiếng.

CON GÀ ĐIÊN

LEONCE GUERRERO

Leonce Guerrero sinh năm 1910 tại tỉnh Constitución. Năm 1930 ông cho xuất bản tập truyện đầu tiên với nhan đề Pichaman.

Truyện Con Gà Diên trích trong tập hợp tuyển truyện ngắn Trí Lợi do nhà Revista Atenea xuất bản năm 1948.

Truyện này được Juan Liscano chọn làm một trong số hai mươi truyện ngắn hay nhất của châu Mỹ La tinh hiện đại

Ánh nắng rạng đông rực rỡ trên thôn xóm. Mùi cỏ hắc thấm thía tỏa ra từ những cánh đồng ướt đầm sương đêm. Cảnh vật còn yên tĩnh. Chỉ thỉnh thoảng có tiếng bò cái gọi con hoặc tiếng la của người chăn lừa sửa soạn đi làm. Những căn nhà cũ kỹ xám đen hiện dưới ánh bình minh để lộ những hành lang sâu thẳm mờ tối. Tiếng cửa mở rít ken két từ nhà này tới nhà khác. Những người đàn bà tóc còn rối bù chưa chải lần theo con đường độc nhất trong xóm tới lấy bánh ở tiệm đầu làng. Gà sống báo động nhau bằng những tràng gáy giòn dã. Có tiếng gọi kéo dài:

– Mai... ai... ai.

– Dạ!

– Mà có xuống bắt con gà mái trong lồng kia ra không. Con gà sống phải gió ấy mổ nó chết bây giờ thôi.

– Dạ!

Thiếu nữ vươn vai, giơ hai tay ra sau gáy uốn ngực về phía trước phô diễn đôi vú cao và rắn. Thị mở nắp chiếc lồng tre, thò tay bất ngờ chụp lấy đôi cánh con gà mái khi ấy đang nép mình dưới chân con gà sống oai vệ. Thoạt đầu nó giãy và kêu quác quác chống cự nhưng rồi im ngay. Con gà sống kêu cục cục trong họng ra vẻ tức giận. Thật là không chịu nổi! Có mỗi con gà mái cuối cùng người ta cùng bắt nốt. Những con gà mái trước đã lần lượt theo nhau vào nồi biến thành thịt

luộc, thịt hầm cả rồi.

Chỉ còn một con gà mái già để an ủi nó trong lúc cô độc mà cũng không được sống trọn vẹn mặc dầu đôi lúc say sữa nó có trót đập trụi lông hay mổ đồ ửng mào con nhân tình nó. Con gà trống kiêu dũng, lực lưỡng dòng Rhode Island [Một tiểu bang Hoa Kỳ (Đ.T.H.)] giận lắm. Nó cất cao đầu gần chạm tới nóc lồng gáy lên một hơi lạnh lạnh chói tai như một lời oán trách. Tiếng gáy vang trong không gian lúc bình minh. Gà sống quanh vùng cũng đáp lại bằng những tràng gáy liên hồi, cũng bằng một giọng ai oán hãi hùng.

– Cúc cù cu!

Sự giận dữ của con gà biểu lộ trên đôi mắt đỏ gay. Nó lồng lộn quay trước, quay sau rồi đập đầu quẹt mỏ vào những

nan lồng ngăn cách tự do. A! Giá mà nó xông lồng ra được! Nó xông tới mở nát những bàn tay gian ác đã cướp sống con gà mái thân yêu của nó. Nhưng nó bất lực, nó chỉ có thể quay cuồng lồng lộn trong khoảng đất nhỏ hẹp bên trong những nan lồng mà người ta đã dành cho kiếp sống gà què của nó.

Tiếng gáy xé không gian mang nỗi căm hờn của con gà tù túng tới tận những ngọn đồi xa tắp. Phải chăng dục vọng đã quy tụ trên chiếc mào đỏ máu hay dồn xuống đôi chân thành chai với những chiếc cựa sắc bén. Đôi mắt gà say cuồng một cuộc tình chưa thỏa mãn, đồng tử sáng lên như hai cục than nóng chảy. Chân đạp đất nó quay tròn trong chiếc lồng như lượn vòng gọi tình với một con gà mái tơ tưởng tượng. Cánh nó xả ra, cựa cào đất tung toe, mỏ kêu

cục cục như điệu tán tỉnh con gà mái vô hình. Nó thấy mọi vật đều đỏ rực trước mắt, những hình ảnh ma quái: nào những ngọn núi xa cháy nắng, nào nổi nước sôi sùng sục trên ngọn lửa reo tí tách trong bếp sắp giết đời con gà mái yêu thương của nó. Nó nghĩ tới con gà mái già lông nhẵn trụi, da vàng ánh treo lủng lẳng trên cột chạn không cử động. Nó nhảy phắt lên, rồi nằm phục xuống phủ lên đồng cát như phủ lên một con gà mái lúc hưng tình. Nó nằm vật trên cát, mỏ hé mở, thở hừng hực. Nó toan đứng lên, nhưng lão đảo, loạn choạng như mất trí, với đôi chân vững chắc nó cào đất bắn tứ tung. Mắt điên dại đỏ ngầu. Mỏ sùi bọt hai bên đớp đớp không khí.

Bà chủ lúc ấy còn nằm uể oải trên giường gọi the the:

– Mai! Mai! Con gà trống nó điên rồi

kia. Cắt tiết nó đi thôi kéo chết mất thì uống.

Mấy phút sau, xác con gà trống cũng được treo lủng lẳng trên cột chạn bên cạnh con gà mái bất động và không còn dục vọng.

Ông chủ đã dậy đang ăn điểm tâm trong nhà. Ông nhấm nháp khúc bánh mì phết bơ béo ngậy giữa hai hộp cà phê đặc quánh. Ông nói với vợ bằng một giọng như ngạt mũi:

– Trưa nay, bữa ăn thật linh đình.

Người vợ vẫn nằm trên giường, đáp lời chồng:

– Hai gà một bữa. Tại giết mất con mái thành con trống nở hóa điên đấy, anh Đông ạ!

– Anh cũng thế! Bây giờ ai bắt mất em anh cũng hóa điên ngay.

– Thôi đừng dóc tổ nữa, ông nội!

– Này, nhưng mà ở xóm này thiếu gì gà mái...

– Chào ông bà!

Ông chủ nhìn lên: thằng Ngổ, người làm nhà ông Bát Càn, chủ lò thịt trong làng.

Vừa lúc ấy Mai đi qua, sau khi giết xong đôi gà. Ngổ sững sờ dừng lại, nhìn theo thân hình tròn trĩnh của Mai. Hắn như bị thôi miên bởi những đường cong hấp dẫn của người đầy tớ gái. Tiếng nói chế nhạo khô cằn của Đông lôi Ngổ ra khỏi mộng:

– Thằng người rừng này cứ thấy con

Mai là ngày ra thôi. Vào nhà lấy cà phê uống đi một ly cho nguôi.

Ngổ cười hi hi quay lại nhưng vẫn như tiếc rẻ không nhìn thỏa mãn Mai với cặp mông núm nính đang bận rộn công việc trong nhà bếp.

– Tội nghiệp mày Ngổ a! Mày mê con Mai quá mà nó đâu thêm để ý.

– Đúng. Nhưng rồi Mai sẽ lọt vào tay tôi.

Đang vật lông gà, Mai cười rúc rích nói với Ngổ:

– Chờ đấy rồi lọt vào tay hay là số phận anh lại như số phận con gà này.

– Đây bảo cho biết trước chớ có đùa với lửa. Thôi đi ăn đi cho được việc.

Ngổ vào góc hành lang, ngồi bắt chân

trên một chiếc ghế đẩu, cầm bánh chấm vào ly cà phê nhạt nhẽo, đưa lên miệng nhai một cách ngon lành. Hắn yên lặng ngồi ăn, mắt không rời ngắm nghía Mai tuy thị không mấy may chú ý tới hắn. Bà chủ vẫn đi lại trong nhà. Có tiếng nước xối ồ ồ trong phòng rửa mặt.

Mai cầm một chiếc bình nhỏ đặt trước mặt Ngổ:

– Đường đây này.

Lợi dụng lúc Mai tới gần, Ngổ nắm lấy áo thị và định sờ vào lưng. Mai hét lên:

– Đồ quỷ. Tôi vào mách bà chủ bây giờ. Cứ thấy người ta đâu là chót nhả. Lúc còn nhỏ sao người ta không trói tay lại để bây giờ quen làm hỗn... Trông cho tôi cái này đi.

Ngổ không nghe thấy gì cả. Trước mắt, hắn chỉ thấy một thân mình đàn bà mũm mĩm. Hắn chặc lưỡi, mắt vẫn chăm chăm nhìn Mai một cách khả ố. Như linh cảm thấy sự bất trắc, Mai chạy thụt vào trong bếp. Đông nhìn theo cười ngặt nghẽo: ông đã quan sát cử chỉ Ngổ từ đầu đến cuối. Ngổ thất vọng tiu nghỉu như một hình nộm gặp bão, hai tay thờ thẩn buông thông ngang đùi.

Đông khôì hài:

– Này, ra mà xem thằng Ngổ nó có giống con gà trống không kìa... Này Ngổ! Sửa soạn cắt tiết cừu cho tao đi. Tao gọi mày đến làm việc ấy chứ không phải gọi đến chơi. Uống nốt cà phê rồi bắt đầu làm đi nhé. Nghe thấy không?

Ngổ lầu bầu trả lời trong họng, mồm vẫn vừa nhai ngồm ngoàm vừa uống cà

phê. Dùng hai hàm răng trắng rắn chắc, hắn xé một miếng bánh cuối cùng rồi đứng dậy đi về phía bếp lấy đồ dùng.

Ngồi trong nhà, Mai đã chặn trước công việc của Ngổ. Ném hòn đá mài và con dao ra ngoài, thị nói to:

– Này cầm lấy!

Ngổ ngồi xuống mài dao trên hòn đá theo một điệu vũ Trí Lợi, mắt vẫn không rời thiếu nữ.

– Mai, đi kiếm cái thùng đựng tiết. Con cừu non bị trói chặt ở bờ giậu rên ư ử như để gọi lòng thương của loài người. Ngổ tiến về phía nó, lật ngửa con vật lên lấy thùng trói chặt bốn chân. Nó giãy dụa một cách tuyệt vọng. Rồi cuối cùng đành nằm im chờ đợi với đôi mắt đầm đìa nước mắt.

– Mang hòm lại đây mau lên.

Mai gắt:

– Chờ một tí, xong rồi đây.

Ngổ đặt con cừu lên hòm, đầu lủng lẳng ra phía ngoài, chiếc cổ xù lông ưỡn lên trời. Con dao và hòn đá mài chạm nhau lách cách trong tay Ngổ. Mai luôn một chiếc thùng xuống phía dưới. Con dao sắc dẽ lông cừu mượt thành một thứ đường ngôi trắng rồi tàn bạo đâm thọc vào thớ thịt. Một vài giọt máu ứa ra khỏi vết thương nhuộm đỏ đám lông trắng. Rồi lưỡi dao đi sâu rạch lên cổ con cừu một lỗ hổng rộng kinh khủng, máu trào đỏ lôm từng đợt. Hơi thở phì ra lỗ hổng nơi cổ họng. Ngổ ngừng tay, cầm dao nâng chiếc cổ họng con cừu gần đứt đôi. Hắn liếc Mai khi ấy đang ngồi xồm phía dưới, hai tay giữ chiếc thùng hứng dòng

máu không để chảy ra ngoài một giọt.

Ngổ lại nhìn vết thương trên cổ con cừu, rồi lại nhìn Mai. Vết thương và Mai. Hình như Ngổ thấy Mai và vết thương có điểm nào giống nhau? Cái miệng người con gái phải chẳng chính là vết thương của con vật hay vết thương chính là cái miệng mấp máy đầy nhục dục? Ngổ thấy như có một làn sương mỏng che mờ cặp mắt hắn. Lòng hắn rung động tới cực độ: hắn chỉ thấy cái miệng, máu đỏ và đôi chân khom khom của người thiếu nữ. Thị đứng kia, như khuất phục trước hắn. Hắn có thể giết thị được. Ngổ đưa mạnh nhát dao rạch theo đường sụn con vật. Thỉnh thoảng hắn thở dốc lên. Xương sống nó kêu răng rắc, đầu chỉ còn lủng lẳng dính vào thân bằng lớp da sau gáy.

Sau khi uống một hớp huyết cừu tươi, Mai đứng dậy bưng thùng tiết đi về

phía bếp. Ngổ không biết thị đã đi. Hấn cũng không nghe tiếng chân thị nữa. Hấn vẫn chăm chú nhìn con cừu nhỏ bé bốn chân bị trói chặt đang thở hực hực chờ chết với đôi mắt hiền lành. Hấn làm việc không ngừng, say sưa như con thú ăn mồi. Hấn cởi dây trói, bốn chân con vật được thả lỏng duỗi thẳng cứng nhắc trong lúc thân mềm nhũn.

Ngổ mỉm cười thỏa mãn. Phải là một tay lão luyện mới giết được con cừu một cách ngon lành như thế. Có lẽ chính hấn cũng cảm thấy sung sướng trong sự dẫy dụa, quằn quại. Ngổ nhìn xác cừu tưởng như chính đó là Mai nằm mệt nhoài sau một cuộc tình tàn bạo. Ngổ lắc đầu như vừa tỉnh con mê. Hấn nhìn xung quanh nhưng không thấy bóng người nào cả. Hấn lại cúi xuống tiếp tục lột da con cừu.

Những người đàn bà đã ra cả sau nhà lấy nước và củi. Ngổ cầm một chân sau con cừu, gờ dao rạch một vết thủng gần mông. Hấn cầm hòn đá mài nhét vào vết thủng di di nhiều lần cho rộng thêm lỗ hổng. Rồi quỳ xuống, Ngổ kê miệng vào lỗ thủng thổi mạnh nhiều lần như thổi sáo. Khí trời thổi vào giữa làn da và thịt con vật phồng lên dần dần. Bốn chân cừu trở nên cứng nhắc phơi những chiếc móng đen đội xác cừu đứng dựng lên. Trông hình dáng con vật lúc ấy thật nực cười, giống như một cuộn len khổng lồ đặt trên bốn chân bằng gỗ. Khi thấy con cừu khá phồng rồi, Ngổ lấy dây buộc vết thương ở cổ nó lại, rồi đứng ngắm nghía.

Nhìn con cừu phồng lớn sau lớp lông trắng mượt nhẵn nhụi, Ngổ lại tưởng tượng như đó là thân hình Mai sau lớp quần áo trắng. Hấn muốn lột bỏ bộ quần

áo ấy. Đôi mắt Ngổ dướm ướn, sáng long lanh. Dùng mũi dao, Ngổ rạch một vết thẳng từ cổ xuống tới đuôi con vật. Lướt da mỏng rách đôi để lộ những thớ thịt trắng hồng. Vết rạch ngoằn ngoèo xuống tới chân. Ngổ có vẻ vội vã lắm. Một tay cầm miếng da, một tay nắm thân hắc bóc lớp da con vật. Rồi thọc lưỡi dao vào bụng cừu hắc rạch mạnh, lôi ra một nắm ruột liệng xuống rãnh.

Hơi nóng và gây do mùi thịt sống tiết ra kích thích trí não Ngổ. Một sự hưng tợn xâm chiếm tâm hồn Ngổ. Hắc lật ngửa xác cừu, cái xác trắng phau kêu gọi nằm tênh hênh như mời chào Ngổ. Hắc ngừng tay, kẹp xác con vật giữa hai chân. Hắc chống tay lên sườn ngắm nghía. Đúng, đúng là xác Mai rồi. Bây giờ hắc là thị ở trong tay hắc sau bao ngày mơ ước. Mai đấy! Mai đã thần phục Ngổ rồi.

Ngổ muốn tỏ cho thị biết sự chiến thắng và sức mạnh của hắc. Ngổ cúi xuống ôm lấy cái xác cừu nhỏ bé, vẩy máu trên làn da trắng nõn, treo xác lên một cái đinh lớn. Hắc dùng tay bẻ gãy nốt những sợi gân cuối cùng trên khuỷu chân con vật. Cái đầu cừu lắc lư, máu lại ứa ra. Lớp da còn dính hờ vào thịt lủng lẳng như chiếc khăn choàng bằng lông.

Ngổ lấy nước rửa sạch những vết máu bên cạnh vết thương trên cổ cừu, vết thương do chiếc hôn tàn bạo của con dao nhọn gây nên. Hắc bóc hắc lớp da rời khỏi thịt và quăng mạnh ra phía xa. Lúc này, xác con vật hoàn toàn trần truồng, nhẵn nhụi. Thịt cừu trắng nõn bên ngoài, đỏ hồng bên trong. Mai ôm một bó củi tới, cất tiếng hỏi:

– Thế nào Ngổ! Xong cả rồi chứ?

Hắn quay đầu lại nhìn người con gái rồi nhìn con cừu, nhìn khối thịt ngon lành treo lắc lư, nhìn thân hình Mai tròn trĩnh. Dần dần, Ngổ thấy mắt nhìn kém rõ, hình ảnh trở nên buồn thảm, khô héo. Mai quay đi cười khanh khách, tiếng cười vô tình như có một vẻ gì khiêu khích...

*

Thọc hai tay vào túi quần, Ngổ lững thững đi trên con đường đôi bên rặng xương rồng dài. Mũ đội lật ra phía sau, Ngổ phanh áo đón gió để lộ bộ ngực lông lá, nở nang của một thân hình cường tráng. Hắn bước thình thịch trên cát nóng, đôi chân không đẹp và cẩu ghét nện mạnh như chân ngựa. Rặng cactus chặn môi dưới, Ngổ hình như đang bứt rứt điều gì. Nhưng một người như Ngổ thì có chuyện gì đáng day dứt nếu không phải những thôi thúc của bản năng? Thực ra

hắn đang có những xung đột mãnh liệt của lòng dục chưa thỏa mãn. Con gái vùng này không cô nào yêu hắn.

Tại sao vậy? Tại sao hắn quá vụng về? Hắn không biết tán tỉnh khéo léo. Hắn xấu trai, thật xấu với mái tóc bờ phờ xõa xuống vầng trán hẹp, ngắn ngủn. Mũi Ngổ tẹt dính như bị người ta dí xuống, răng to khắp khểnh chiếc thò ra chiếc thụt vào. Chân tay mặt mũi Ngổ khô héo, cằn cỗi. Người ta có cảm tưởng hắn là một con thú hung dữ và hơi hám lạc lõng trong khu vực của người. Mẹ Ngổ khi xưa thụ thai Ngổ lúc nào cũng không hay. Suốt ngày, mụ say sữa bí tử. Mụ bị chó cắn chết khi toan vào một thửa vườn ăn trộm trái cây. Ngổ sinh ra đời và lớn lên trong hoàn cảnh tối tăm hắt hủi như vậy.

Những hạt cát trên lối đi run rẩy lấp lánh ánh sáng mặt trời. Ngổ chột thấy trong ảo tưởng hình bóng Mai lớn dần, lớn dần phía xa xa. Mai! Mai! Thị thật là khỏe mạnh, vạm vỡ. Thị bao dung như dòng sông Môn Giang [Maule, một con sông thuộc Trí Lợi (Đ.T.H)] rộng lớn. Thị hung hăng khao khát như một con ngựa cái. Ngổ nhắm mắt, tay mơn mơn trên đùi mình. Hắn nhớ tới đôi chân vững, rắn chắc của Mai. Hắn mơ màng như nhìn thấy đôi vú cao và nhọn. Hắn như đánh hơi thấy hương vị quyến rũ thấm thía và man dại của da thịt Mai. Trời ơi, nếu lúc này hắn mà gặp được Mai. Ở ngay đây, chỉ có hai đứa chúng mình! Mai sẽ không thể nào thoát khỏi tay hắn. Ờ, mà tại sao lại không có thể được? Thị sắp sửa lừa bò đi qua.

Gió trùng dương khoáng đang đượm

mùi muối bể thổi vù vù trên rặng xương rồng dài. Sự im lặng trên cánh đồng như trải ra rồi lắng xuống. Thỉnh thoảng, mùi phân súc vật theo gió xông tới mũi Ngổ. Không một bóng người xung quanh hắn. Họa hoằn mới nghe thấy nặng hoặc muối bay vo ve. Có tiếng kêu và có tiếng chó sủa từ những căn nhà xa xôi vọng lại. Tinh thần căng thẳng, thể xác mệt nhọc, Ngổ vật mình nằm sấp xuống cát. Không khí trong lành miền biển và mùi lá cây làm dịu lòng Ngổ. Hắn nhắm mắt thiu thiu sắp ngủ bỗng nghe tiếng gọi:

– Ngô.. ố.. ố!

Ngổ như sực tỉnh:

– Chính con bé rồi, Mai!

– Ngô... ố! Con bò đâu mất rồi?

Chính con bé rồi! Lần này thị không thể nào thoát khỏi tay hắn được. Ngổ ngồi dậy, chuẩn bị như một con mèo rình rình chuột.

Nhưng cái gì thế kia? Không phải Mai. Đó chỉ là một con cừ non. Tiếng nó kêu khiến hắn tưởng tiếng Mai cười. Ồ, con vật khốn kiếp. Hôm nọ con cừ đã biến thành Mai. Nó sẽ phải đền tội.

Tiếng gọi gần hơn:

– Ngô... ồ.. ồ!

– Đúng Mai rồi! Không có thể lầm được nữa.

Nép mình sau đồng lá, Ngổ nghe ngóng bước đi của Mai. Tiếng cành khô gãy rảng rắc dưới chân người mỗi lúc một gần. Mai chợt thấy Ngổ vội quay phát sang lối khác. Mai nhanh nhẹn và

khôn khéo nhưng Ngổ cũng nhanh như cắt, nhất là ở những nơi vắng người hắn càng trở nên nguy hiểm. Hắn hung hăng không lùi trước trở ngại nào. Hắn băng theo một con đường tắt hiểm trở chót vót lưng đồi.

Mai thấy Ngổ tiến tới thị như một con thú dữ với cái miệng há hốc, thị thất kinh kêu rú lên. Ngổ nhảy chồm dậy vồ lấy Mai như khi vồ một con chuột nhắt. Thiếu nữ ngã ngửa xuống cát nóng và con thú xông đè lên mình thị. Với sức khỏe vạm vỡ của một thôn nữ, thị chống cự mãnh liệt trước thị dục của Ngổ lúc ấy không còn là một con người. Với tất cả thủ tính Ngổ cào cào trên thân hình thị, xé quần áo thị. Trong giây lát, chiếc coóc sê, rồi chiếc váy mỏng rách tả tơi ra từng mảnh. Bàn tay thất vọng của gã đàn ông cào lên mặt Mai. Máu chảy đầm

đũa không làm cho hắn ngừng tay, trái lại càng như kích thích hắn. Nhưng hắn vẫn chưa chế ngự được Mai. Hắn vớ một hòn đá đập lên đầu người con gái. Thị giãy đành đạch miệng rên ư ử.

Tên sát nhân cười, cái cười ngậy dại. Hắn ngừng tay như nghỉ ngơi rồi đứng dậy cởi áo vắt lên trạc cây. Hắn rút dao găm sau lưng, con dao tùy thân rất cần thiết cho hắn để chặt lau sậy, cắt hoa quả, hoặc chiến đấu với thủ dữ và kẻ thù.

Thân hình nâu sẫm của người con gái nằm khêu gợi một cách dâm dăng dưới chân hắn không khiến hắn chú ý. Lúc này hắn chỉ để ý tới nghề nghiệp chuyên môn của hắn cần phải lột da con cừu này để đem về lò sát sinh của ông Bát Căn. Sáng nay ông có nói rất cần thịt cừu non.

Hắn bắt tay vào việc. Hắn trói con vật bằng dây lưng, kéo lên mô đất cao lật cổ họng cầm dao rạch vào mạch máu. Máu trào ra lênh láng. Tay phải đưa lên quệt mồ hôi, tay trái Ngổ đỡ chiếc đầu ngoẹo một bên. Khi thấy máu đã chảy hết hắn cởi dây trói. Hắn cắt ngang da đùi xác chết rồi thối vào trong da thịt như một tên thối kèn lão luyện. Hơi thở như thối một luồng sinh khí, cái xác người phồng lên một cách rùng rợn. Mũi dao lại rạch suốt từ cằm tới bụng. Làn da mịn chỉ có một chút “len” ở trên đầu rách đôi theo vết dao với tiếng rít ghê rợn. Mỡ trắng phau phì ra ngoài làn da rách, phủ kín các thớ thịt và đường gân. Ngổ chặt mạnh hai nhát vào khớp xương, hai bàn tay và hai bàn chân rời khỏi thân. Hắn nhặt vội liệng vào bụi gai gần đấy. Rồi hắn cúi xuống lấy tay ôm cái xác hồng hồng bất động một cách âu yếm như ôm

một đứa trẻ say sưa ngủ. Hắn lấy áo lau sạch sẽ cái xác chết cho đến lúc không còn vết máu nào rồi treo lên cành cây. Ngồi xuống nghỉ, thở hồng hộc. Tỳ tay lên háng, hắn ngắm nghía công trình của hắn và mỉm cười khoan khoái. Trời, thật là một con cừu trứ danh. Nặng và đẹp biết chừng nào? Mà hắn đã làm một công việc thực nhọc nhằn vì nó cũng đáng lắm! Đáng coi là một kỳ công khác với những công việc thường ngày! Cái xác lớn và đồ sộ này cũng được việc lắm đấy. Vác cái xác này lên vai hắn phải thú vị lắm? Hắn cảm thấy khoan khoái tới rùng mình. Một cảm giác kỳ lạ chạy trên da thịt hắn, rờn rợn thích thú.

Nhưng hắn phải gấp rút mang cái xác này về lò thịt ngay đi thôi. Phải làm thật nhanh vì chính thể xác hắn cũng đang thêm khát Mai, người con gái vô tình đã

trốn tránh hắn từ bao lâu nay. Bây giờ thì hắn đã chiếm đoạt được Mai rồi. Và như thế Mai hắn là đã hiểu Mai phải lọt vào tay ai?

MA GIỮA ĐẠI DƯƠNG

CONAN DOYLE

Sir Arthur Conan Doyle sinh tại Edimbourg, Anh quốc (1859–1930) là người tạo ra Sherlock Holmes, nhân vật chính của các tiểu thuyết trinh thám của ông. Ông cũng là tác giả nhiều truyện dị thường đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Vạn Sinh là phó giám đốc công ty Liên Sinh Thái chuyên trách việc xuất cảng cà phê tại Tích Lan. Ông dòng dõi người Hòa Lan, nhưng tâm hồn và cách xử sự hoàn toàn như người Anh Cát Lợi. Tôi là đại diện tại Luân Đôn của hãng ông từ nhiều năm. Hằng năm vào dịp ba tháng hè ông trở về Anh nghỉ ngơi bao giờ cũng tìm tôi để hỏi han về cách cư xử ở tỉnh thành và thôn quê Anh Cát Lợi. Ông rời phòng giấy tôi với bảy phong thư trong tay; chỉ ít ngày sau tôi nhận được tin từ một vài vùng xa của các bạn tôi gửi tới cho biết họ rất quyến

luyến ông. Sau đó tôi lại nhận được tin ông đính hôn với cô Ái Mỹ Ly và ít ngày nữa họ sẽ làm lễ cưới.

Nhưng những ngày hè ngắn ngủi lắm, chả mấy chốc đã tới lúc ông phải trở về Tích Lan. Thế là đôi vợ chồng mới hưởng tuần trăng mật ngay trên chiếc tàu buôn một ngàn tấn của công ty để về Colombo [Thủ đô Tích Lan (Đ.T.H.)].

Thời ấy, cà phê được mùa tại Tích Lan. Những cánh đồng bao la đã từng đem lại những nguồn lợi vĩ đại. Trông những nương chè hay cà phê bát ngát ở Tích Lan người ta vẫn thường cho đó là những mảnh đất tượng trưng cho lòng can đảm bền bỉ của người Hồng Mao. Các điền chủ chưa hề biết tới những thiên tai, những tháng mưa dầm dề hủy hoại tất cả hoa màu trên những thửa ruộng cò bay thẳng cánh.

Năm 1872, không có một triệu chứng xấu nào cho mùa màng cả. Các điền chủ sống trong hy vọng tràn trề. Vạn Sinh cho tôi biết ở Tích Lan công việc rất bề bộn và tôi sẽ đáp tàu Sao Mai cùng vợ chồng ông đi Tích Lan vào thứ hai tới.

Ngày chủ nhật tôi gặp ông lần nữa. Ông tới tìm tôi vào lúc chín giờ tối vẻ mặt lo lắng và buồn rầu. Tôi bắt tay thấy tay ông khô và nóng hổi. Ông nói với tôi bằng một giọng mệt nhọc:

– Anh có chanh quả, làm ơn cho tôi một ly. Tôi khát nước cháy cả cổ, mà mỗi lần uống là khát thêm.

Tôi bấm chuông gọi đầy tớ bảo lấy bình nước và ly rồi bảo ông:

– Ông đang lên cơn sốt. Tôi trông mặt ông thất sắc lắm.

– Tôi không sốt, chỉ hơi khó chịu thôi. Tôi ăn không thấy ngon và đầy bụng. Khí hậu ở Luân Đôn quá xấu, tôi không thể sống ngọt ngào trong bầu không khí chật hẹp với hơn bốn triệu người hô hấp như ở đây.

Ông vừa nói vừa vung hai bàn tay gân guốc ra phía trước với vẻ hậm hực như người nghẹt thở.

– Khi tàu ra khơi không khí ngoài biển sẽ làm ông dễ chịu hơn.

– Đúng! Tôi rất đồng ý với anh về điều đó. Tôi cần thay đổi khí trời chứ không cần bác sĩ. Nếu ngày mai mà chưa xuống tàu chắc là tôi sẽ bệnh nặng.

Ông cầm ly nước chanh uống một hơi, rồi lấy hai tay xoa lên bụng. Ông nhìn tôi bằng đôi mắt mờ ảo.

– Anh! Tôi cần tới sự giúp đỡ của anh vì hiện giờ tôi đang ở vào một hoàn cảnh thật tế nhị. Đầu đuôi thế này: tôi mới nhận dây thép báo tin mẹ vợ tôi ốm nặng và nhà tôi phải trở về ngay thăm mẹ. Tôi không thể về cùng với nhà tôi được vì chắc anh đã thừa hiểu công việc làm ăn đang dở nên tôi không thể đi trong lúc này. Vừa rồi tôi nhận được tấm dây thép nữa báo tin nhà tôi không thể tới vào ngày mai nhưng thứ tư sẽ đón tàu ở Falmouth [Một thành phố ở miền Nam nước Anh gần bể Manche (Đ.T.H.)] vì tàu tôi thể nào cũng ghé thành phố này. Nhưng tôi thấy thật là khó khăn khi bắt người ta phải tin vào một điều huyền bí và nếu người ta không tin thì lại nguyên rủa chê trách. Thôi! Mặc cho người ta nguyên rủa, phải không anh? Anh hiểu ý tôi nói chứ?

Ông cúi về phía trước và hít hít mấy

cái mạnh như người đang thốn thức.

Tôi sức nhớ tới những câu chuyện được nghe người ta kể lại về phong tục của dân chúng trên đảo và thói quen uống rượu nặng không pha nước của họ. Có lẽ rượu đã làm cho đôi tay Vạn Sinh run rẩy và thốt ra những lời tối nghĩa chẳng? Tôi bỗng thấy lòng se lại khi nghĩ rằng người thanh niên quý phái này đang sa vào con đường tội lỗi.

Tôi nghiêm nghị bảo Vạn Sinh:

– Ông phải đi nghỉ ngay đi!

Vạn Sinh nhìn tôi với vẻ mặt ngạc nhiên và giơ tay lên dụi mắt như để cố thức thêm chút nữa. Bằng một giọng nhẹ nhàng ông nói:

– Tôi phải đi anh ạ! Hồi nãy, tôi thấy khó chịu trong người nhưng bây giờ thì

đã khá rồi... Ô, tôi vừa nói cái gì nhỉ? À, tôi nói chuyện nhà tôi. Phải rồi, nhà tôi sẽ ghé bến Falmouth. Tôi cũng muốn đi tàu bể tới đón nhà tôi ở đó. Tôi được hô hấp một chút khí trời trong sạch là sẽ khỏe khoắn trong người ngay. Vậy, chỗ tình bạn tôi nhờ anh giúp tôi một chút việc riêng, anh đáp xe lửa đi Falmouth trước tôi vì tôi sợ rằng tôi đi đường biển không tới kịp. Tới nơi anh trông nom nhà tôi giùm. Anh cứ đến thẳng khách sạn Hoàng Cung tôi sẽ đánh dây thép cho nhà tôi biết trước. Nhà tôi cũng có một cò em gái đưa tới khách sạn.

Tôi đáp:

– Rất vui lòng giúp ông công việc đó. Thực ra, tôi cũng thích đi một chuyến xe lửa cho lạ. Vì khi về Tích Lan sẽ tha hồ đi biển rồi. Còn trường hợp ông, tôi thấy việc thay đổi không khí thật là cần thiết.

Bây giờ ông đi nghỉ thì hơn.

– Vâng. Tôi sẽ ra bến ngay bây giờ và ngủ đêm trên tàu.

Mắt Vạn Sinh thoáng có một vẻ như ngây dại.

– Mấy đêm nay tôi chỉ chập chờn không ngủ ngon giấc. Đầu óc tôi lúc nào cũng nghĩ tới những nguyên lý thần thần... ờ... thần linh học... nghĩa là...

Ông nói như gào lên:

– Nghĩa là tôi hoài nghi các lý thuyết thần linh. Có lúc tôi tự hỏi tại sao đấng Tối Cao cấu tạo ra loài người? Tại sao chúng ta sống ở trên đời với muôn ngàn khổ cực? Chắc tối nay, tôi sẽ dễ chịu hơn.

Ông tỳ tay vào thành ghế, gượng gạo đứng lên. Tôi nghiêm khắc nói:

– Ông Vạn Sinh, ông nên nghe tôi. Tôi thấy ông đi không vững. Ông không thể xuống tàu được. Đêm nay ông ngủ lại đây với tôi. Chắc ông đã uống nhiều rượu?

Vạn Sinh trở mắt hỏi lại cụt lủn:

– Rượu?

– Mọi ngày dù ông có uống rượu cũng vẫn không thấy ông ngơ ngác như hôm nay.

– Anh Kim! Tôi lấy danh dự thể với anh rằng từ hai ngày nay tôi không hề đụng tới một cốc rượu nào. Anh cho rằng tôi say rượu thì anh lầm rồi. Mà chính tôi cũng không hiểu sao hôm nay tôi lại khó chịu như vậy.

Ông cầm tay tôi đặt lên trán. Tôi kêu lên:

– Trời ơi!

Da ông mỏng như da trẻ con. Dưới da, một lớp những cục sần sùi lổn nhổn như cuội nhỏ.

Ông cười và nói:

– Anh chớ lo ngại. Tôi mắc chứng đau mật từ lâu rồi nên nó thế.

– Đau mật sao lại có nốt mẩn trên trán?

– Không, đó là tại khí hậu ngột thở ở Luân Đôn này đây. Ngày mai, nhất định tôi khỏe lại như cũ. Dưới tàu cũng có một bác sĩ giỏi lắm. Thôi chào anh tôi đi nhé!

Tôi kêu Vạn Sinh ngồi xuống ghế:

– Ông không nên coi thường chuyện này. Ông hãy ngồi yên đây, để tôi kiểm bác sĩ đã.

Tôi đứng dậy lấy mũ và tới tìm vị bác sĩ ở đầu phố. Nhưng trở về nhà vắng tanh: Vạn Sinh đã bỏ đi rồi. Người nhà tôi kể lại khi tôi vừa ra khỏi cửa, Vạn Sinh cũng kêu xe ngựa đi ngay. Ông bảo người xà ích chở ông ra bến tàu.

Tôi hỏi:

– Mà thấy ông ta có vẻ mệt nhọc không?

Hắn cười:

– Mệt! Không, ông ta vừa lên xe vừa hát âm ỹ.

Nghe thằng nhỏ kể lại tôi thắc mắc không yên. Nhưng tôi đoán chắc Vạn Sinh xuống tàu Sao Mai thì cũng có đủ thuốc men và bác sĩ săn sóc cho ông. Vả lại dù muốn tôi cũng không biết làm thế nào hơn được nữa. Tuy tự bào chữa như

vậy, nhưng khi nghĩ tới Vạn Sinh với đôi tay nóng cháy, những câu nói lảm nhảm khó hiểu, cặp mắt nặng trĩu, vầng trán sần sùi như người hủi, tôi không khỏi bị ám ảnh về cuộc viếng thăm lạ lùng của ông ta.

*

Mười một giờ sáng hôm sau, tôi ra bến thì tàu Sao Mai đã nhổ neo từ lâu. Tôi sẽ không được tin tức gì của Vạn Sinh trước khi tới Falmouth. Khi trở về bàn giấy, tôi nhận được điện tín bảo bà Vạn Sinh đã tới Falmouth. Như vậy chiều mai tôi và bà sẽ gặp nhau ở khách sạn Hoàng Cung để chờ ngày tàu ghé bến. Mười ngày trôi qua, chúng tôi không nhận được tin tức gì về tàu Sao Mai cả.

Tôi sẽ không bao giờ có thể dễ dàng

quên được mười ngày đó. Khi tàu Sao Mai rời sông Tamise để ra khơi, một con giông tố nổi lên dữ dội kéo dài suốt một tuần lễ, không một giờ nào ngừng mưa gió. Từ trước tới nay chưa có một trận bão nào dai dẳng và cuồng loạn như thế ở miền Nam nước Anh. Đứng trên khách sạn nhìn qua cửa sổ, biển hiện ra trước mặt với sương mù mờ mịt. Gió thổi rào rào trên các ngọn sóng. Mây, gió, nước như xô đuổi nhau về phương Tây. Ngày lại ngày tôi vẫn mong chờ trong khung cảnh buồn thảm ấy bên người vợ bạn u buồn lặng lẽ với đôi mắt hoảng hốt. Suốt ngày, nàng ngồi bên cửa kính mắt đắm đắm nhìn về phía trùng dương thăm thăm mờ mịt sương mù mong đợi một con tàu bất ngờ tiến tới. Nàng không than vãn câu nào, nhưng vẻ mặt nàng là cả một thiên hận sử.

Tới ngày thứ năm nóng ruột không chịu nổi tôi tìm một người thủy thủ già hỏi thăm tin tức. Tôi muốn nói riêng với hắn nhưng Ái Mỹ Ly như đoán biết, vội vã đến bên ngược mắt nhìn chúng tôi như cầu khẩn. Nghe tôi kể dứt lời, người thủy thủ già trở mặt kinh ngạc:

– Khởi hành từ Luân Đôn bảy ngày rồi? Như vậy đã chịu bão trong năm ngày. Có thứ gì chịu đựng nổi trên biển Manche trong những ngày cuồng phong này. Như vậy chỉ có thể có ba giả thuyết. Một là thấy thời tiết xấu tàu đã phải ghé vào một bến nào ở bờ biển nước Pháp.

– Không có lý, vì Vạn Sinh biết là chúng tôi đang chờ ở đây và đã gửi dây thép báo trước.

– Vậy thì chắc tàu phải tiến thẳng về phía Nam để tránh cơn bão đang tập

trung tại đây. Nếu giả thuyết này đúng, chắc hiện nay tàu không xa đảo Madère⁴ là mấy. Giả thuyết này có nhiều điểm tin được. Bà có thể yên trí như vậy.

– Thế còn giả thuyết thứ ba thì sao?

– Tôi nói là có ba giả thuyết ư? Không, chỉ có hai thôi. Tôi có nói tới giả thuyết thứ ba lúc nào đâu. Chắc chắn tàu Sao Mai bây giờ đang ở giữa Đại Tây Dương. Bà sẽ có tin tức của ông khi cơn bão dịu dần. Bà đừng quá lo ngại. Bà hãy kiên tâm chờ đợi, mai thế nào trời cũng tạnh ráo hơn.

Người thủy thủ gia đoán quả không sai: ngày hôm sau trời sáng sủa quang đãng chỉ còn một vài đám mây nhỏ vẫn ở phương Tây. Tuy thế, chúng tôi cũng chưa được tin gì về tàu Sao Mai cả. Ba

⁴ Một đảo ở Đại Tây Dương về phía Tây Maroc (Đ.T.H.)

ngày lo lắng trôi qua, ngày thứ tư chúng tôi reo lên vì vui mừng khi nhận được lá thư của viên thuyền trưởng tàu Sao Mai do một thủy thủ mang tay tới khách sạn. Đọc mấy dòng đầu, tôi toan giấu lá thư nhưng Ái Mỹ Ly đã nhanh tay giằng lấy. Nàng nói với giọng thản nhiên: Tôi đã đọc mấy câu đầu rồi. Cứ để tôi xem hết cũng không sao.

Lá thư như sau:

Thưa ông. Ông Vạn Sinh bị mắc bệnh đậu mùa giữa lúc tàu bắt buộc phải xa bờ để tránh bão. Chúng tôi không biết làm sao mà ông thì mê man mất trí. Căn cứ trên bản đồ có lẽ vị trí tàu Sao Mai hiện nay cách đảo Madère độ tám trăm hai mươi cây số, Chúng tôi cố gắng cho tàu ghé vào đảo để đưa ông Vạn Sinh lên điều trị tại một bệnh viện ở đảo này trong khi tàu thả neo ở ngoài vịnh chờ bà Vạn Sinh

và ông tới kịp. Chúng tôi nghe nói mấy ngày nữa có một tàu buồm khởi hành từ Fallout đi Madère. Thư này sẽ được gửi tới ông khi tàu trở về và mong ông trả cho thuyền trưởng một số tiền thù lao tương xứng. Kính chào ông.

Thuyền trưởng Sao Mai

HINH

Đọc xong thư, Ái Mỹ Ly không nói lời nào. Trông nàng lúc ấy kiêu diễm như một nữ sinh mới ra trường nhưng vẻ mặt rần rở cương nghị. Nàng mím môi, rồi với chiếc nón chụp lên đầu.

Tôi hỏi:

– Bà đi bây giờ?

– Vâng.

– Bà có cần tôi giúp đỡ gì không?

– Không! Tôi tới bác sĩ.

– Bà đau?

– Không! Tôi đến nhờ bác sĩ chỉ dẫn cách chữa bệnh đậu mùa.

Chiều hôm ấy nàng bận rộn luôn tay. Sáng hôm sau chúng tôi đáp tàu Tường Vi để đi Madère. Gió thổi thuận chiều đưa tàu lướt trên sóng biển. Trong năm ngày đầu, tàu đi với một tốc độ lý tưởng và chẳng còn bao lâu nữa chúng tôi tới đảo Madère. Nhưng tối ngày thứ sáu, bỗng nhiên trời nổi gió buộc tàu chúng tôi bất động giữa một vùng biển nước quánh như dầu hôi.

Khoảng mười giờ đêm ấy, chúng tôi cùng ra boong tỳ tay lên lan can ngắm cảnh. Ánh trăng hắt phía sau in bóng đen sẫm của chiếc tàu và đôi đầu chúng

tôi xuống mặt nước lấp lánh. Những đợt sóng tắm ánh trăng vàng run rẩy dài xa tấp tận chân trời đờn lạnh. Chúng tôi cùng cúi đầu nói chuyện nho nhỏ. Giữa lúc đang bàn tán về tiết trời và cầu mong biển lặng, bỗng nghe một tiếng động mạnh dưới nước như tiếng quấy của loài cá hương. Và đúng lúc ấy dưới ánh trăng vằng vặc Vạn Sinh nhô lên khỏi mặt nước đầu quay về phía chúng tôi đang đứng.

Chưa bao giờ tôi trong thấy vật gì rõ ràng như thế. Trăng tròn vành vạnh, trời không một gợn mây. Vạn Sinh chỉ cách chúng tôi chừng mười sải tay. Mặt ông hơi to hơn khi gặp tôi ở Luân Đôn, da có nhiều đốm sọc nhỏ màu xám đen. Đôi mắt và miệng ông mở to như bất ngờ gặp một chuyện kinh hãi. Hai vai ông có vật gì trắng như vải băng. Một tay áp trên tai, còn tay kia đặt ngang trước ngực. Tôi

thấy ông từ dưới nhô lên. Mặt nước im lặng vẽ thành những vòng tròn lan rộng tới tận thành tàu. Rồi ông lại chìm xuống với một tiếng động giòn như tiếng củi khô nổ trong lò sưởi vào một đêm đông băng giá. Lúc tôi nhìn lại không còn thấy dấu vết gì nữa ngoài một vòng nước xoáy tròn ngay ở chỗ ông hiện lên. Tôi không nhớ rõ là đã kiễng cao chân đứng im ở thành tàu bao nhiêu lâu, để một tay bám chặt vào lan can cho khỏi ngã, một tay đỡ người thiếu phụ yếu ớt khi đó đã nhắm mắt và bất tỉnh. Vốn là người gan dạ, nhưng khi ấy tôi cảm thấy xúc động đến tận đáy lòng. Tôi đập chân xuống sàn tàu hai ba lần để biết chắc là còn tự chủ được mình và những sự việc xảy ra không phải là trong giấc mơ.

Ái Mỹ Ly rung mình, mở mắt. Nàng gương đứng ngay người lên, tỳ tay trên

lan can quay mặt ra phía biển lấp lánh ánh trăng, Nàng có vẻ mặt hốc hác như người mất ngủ và trông già đi đến mười tuổi. Nàng nói phều phào:

- Ông có trông thấy không?
- Có. Tôi có trông thấy một vật gì.
- Anh ấy đấy! Anh Sinh. Anh ấy chết rồi.

Tôi lẩm bẩm trong miệng một câu nói hoài nghi.

Nàng lại thì thầm:

- Chắc chắn là anh ấy vừa mới chết ở bệnh viện trên đảo Madère. Tôi linh cảm thấy đúng như vậy. Lúc nào anh ấy cũng nghĩ đến tôi, cùng trông ngóng tôi. Anh ơi! Anh Vạn Sinh yêu quý ơi! Không bao giờ em còn được thấy mặt anh nữa!

Nàng thốn thức nấc lên. Tôi dẫn nàng vào phòng máy và để nàng khóc cho hả nỗi buồn. Gió bắt đầu thổi nhẹ trong đêm và chiều hôm sau tàu chúng tôi đã tới thả neo tại vịnh Madère. Tàu Sao Mai đậu cách chúng tôi vài trăm thước; một chiếc cờ cấm và một chiếc cờ tang treo cao trên ngọn cột buồm chính.

Ái Mỹ Ly chỉ tay và nói:

- Kìa ông trông xem!

Đôi mắt nàng ráo hoảnh. Nàng biết có khóc cũng không cứu sống được chồng.

Tối đêm chúng tôi mới được phép lên tàu Sao Mai. Thuyền trưởng Hinh chờ chúng tôi trên boong. Vẻ bối rối và buồn rầu hiện rõ trên khuôn mặt người thủy thủ rám nắng. Ông còn đang lúng

túng lựa lời khéo léo để báo tin hung dữ thì Mỹ Ly đã chặn trước:

– Tôi biết nhà tôi đã mất rồi. Nhà tôi mất hồi mười giờ đêm qua tại nhà thương trên đảo. Có đúng thế hay không?

Thuyền trưởng nhìn nàng với đôi mắt kinh ngạc:

– Thưa bà, không phải. Ông nhà qua đời cách đây tám ngày giữa lúc tàu lênh đênh giữa biển. Vì thời tiết xấu, không biết ngày nào có thể ghé bờ nên chúng tôi đã bắt buộc phải thủy táng.

Trên đây là tất cả những chi tiết chính về cái chết và sự xuất hiện của Vạn Sinh ở khoảng ba mươi làm kinh độ Tây. Trường hợp xuất hiện kỳ dị của Vạn Sinh giữa biển như thế thường rất ít khi xảy ra nên đã trở thành đầu đề cho nhiều

cuộc bàn cãi và thành đề tài cho biết bao tác phẩm. Giới thông thái cũng chú ý và cho rằng Vạn Sinh xuất hiện giữa đại dương chỉ là một trường hợp ma quái do thần giao cách cảm gây nên. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng có những chuyện thần giao cách cảm lạ lùng thật nhưng về trường hợp của Vạn Sinh thì khác hẳn.

Tôi đoán quyết cái xác xuất hiện giữa biển dưới ánh trăng Đại Tây Dương đêm ấy chính là ông Vạn Sinh bằng xương bằng thịt. Ở đời có nhiều sự tình cờ kỳ dị lắm. Vì thế tôi vẫn tin rằng một sự tình cờ lạ lùng đã run rủi chiếc tàu buồm của chúng tôi dừng lại đúng ngay chỗ thủy táng Vạn Sinh một tuần lễ trước. Không những thế, bác sĩ còn cho tôi biết rằng cục chì buộc vào người Vạn Sinh lúc thủy táng rất lỏng lẻo và thường thường sau bảy ngày ngâm dưới nước xác người sẽ

chương và có thể nổi lên mặt nước. Bác sĩ cũng cho rằng lúc đầu sức nặng cục chỉ lòi xác chìm xuống đáy biển, nhưng khi cục chì rơi ra, cái xác nổi phềnh lên mặt nước một cách bất ngờ như chúng tôi đã trông thấy. Còn nếu có ai hỏi tại sao cái xác nhô lên rồi lại biến đi một cách ma quái và nhanh chóng tôi cần nhắc người ấy suy gẫm về tiếng động giòn như tiếng củi khô và vũng nước xoáy tròn khi cái xác biến đi. Vùng biển ấy có tiếng là nhiều cá mập và giống cá này thường kiếm ăn vật vờ gần mặt nước.

CA GIA NÔ VA YÊU QUÝ

VITTORIO GUERRIERO

Vittorio Guerriero sinh năm 1898 tại Naples. Cuốn tiểu thuyết trào lộng Một Trăm Cân Ái Tình (Cent Kilos d'Amour) của ông được hoan nghênh nhiệt liệt tại Ý và Pháp. Ông dựa vào các tài liệu về cuộc đời thật của lãng tử Giovanni Giacomo Casanova (1725–1798) để viết thành truyện khôi hài Ca Gia Nô Va Yêu Quý.

CA GIA NÔ VA sinh tại Vơ Ni, giống như đa số thị dân thành phố này và những chiếc du thuyền. Chàng chào đời vào tháng ba năm 1725, đúng ngày và đúng giờ lúc ông thủ tướng Piero Gradenigo bị sổ mũi lần thứ chín mươi bảy. Vì thế nên có sứ gia nào đang bối rối sẵn sóc bà vợ sốt bốn chục độ trong nhà thương đi nữa cũng vẫn tính được ngày sinh nhật của Ca Gia Nô Va rất dễ dàng.

Khi vừa được hơn sáu tuổi, các thiếu nữ tóc bạch kim đã bắt đầu mê chàng đắm đuối. Chàng không thể theo học tại các trường mẫu giáo trong nước vì tất

cả các nữ giáo viên, nữ hiệu trưởng, nữ giám thị và đến cả các cô gác cửa đều say đắm chú học trò xinh trai. Chính thân phụ chàng phải dạy chàng viết, đọc và làm bốn phép tính. Những đường gươm đầu tiên chàng sử dụng là nhờ các bài dạy hàm thụ của một kiếm sư từ xa gửi tới. Mười bốn tuổi Ca Gia Nô Va đã trở nên một thiếu niên phong nhã, và bắt đầu cuộc sống giang hồ lãng tử. Người ta nói chàng có số đào hoa từ lúc sơ sinh giống như người Ấn Độ có nước da ngăm ngăm ngay từ lúc lọt lòng.

Tương tự như Narcisse trong truyện truyền kỳ, chàng chỉ có thể đứng trước gương trong hai phút. Tới phút thứ ba, không kìm được lòng yêu bông bột với người trong gương, chàng bắt đầu thả những lời ve vãn văn hoa khiến chính chàng cũng đỏ mặt vì xấu hổ. Có ngày,

chàng đại dột đứng trước gương lâu quá đến nỗi mình say đắm mình, chàng ngỏ lời cầu hôn với bóng. May mắn thay, thân phụ chàng vốn là người nghiêm khắc nên đã cương quyết từ chối lời cầu xin ấy lấy cớ rằng một cuộc cầu hôn như vậy không sớm thì muộn sẽ gây nhiều phiền nộ cho nhân dân nước Cộng Hòa Vơ Ni.

Nhiều thiếu nữ con nhà gia thế chỉ mới đọc tới tên chàng đã mang thai bằng thần giao cách cảm. Nhận thấy dân số trong nước tăng gia từng ngày một cách mau lẹ, năm 1742 Thập Bộ Nội Các, cơ quan hành pháp tối cao của quốc gia ban cho Ca Gia Nô Va huân chương đệ nhất hạng và phong cho chàng tước hiệu Đại Sản Xuất Gia ngoại hạng của Cộng Hòa Vơ Ni và các quốc gia liên minh.

Năm sau, năm 1743, cũng Thập Bộ Nội Các quyết định triệt để lợi dụng đức

tính đặc biệt của chàng để giao phó một công việc khó khăn của thành phố. Số là đã hai chục năm nay các sơ vị thành niên thuộc dòng Ursuline chiếm ngụ một tòa nhà thuộc quyền sở hữu của chính phủ Cộng Hòa Vơ Ni. Chính phủ dự định lấy lại tòa nhà đó để thiết lập một trung tâm giáo dục những người cà lăm.

Thập Bộ Nội Các đã liên tiếp gửi tới 11.375,5 công văn yêu cầu các sơ dòng Ursuline tìm kiếm một căn nhà khác để hoàn lại căn nhà đang chiếm ngụ cho sở hữu chủ.

Nhưng các sơ cứ coi như là không hề nghe biết gì cả. Mãi sau này, khi biết tất cả các sơ vị thành niên Ursuline đều cố tình giả ngây giả điếc như vậy, chính phủ Cộng Hòa Vơ Ni mới có ý định nhờ Ca Gia Nô Va giúp đỡ. Cũng là một công dân tốt, anh chàng đào hoa này vui lòng

nhận lời ngay. Chàng đã có một chương trình sẵn sàng. May mắn thay hôm ấy, chàng chỉ mắc hẹn với 215 hoặc 216 thiếu nữ thôi. Vì vậy, chàng còn dư một chút thì giờ giúp đỡ chính phủ.

Chàng thuê một du thuyền ngược dòng tiến về phía Murano. Hoàng hôn Vơ Ni đổ như mưa những tia nắng vàng xuống đảo. Sóng bể Adriatique vỗ lên mòm đá hà, làn nước bạc trắng xóa trùm qua lá xanh như những cánh tay ôm ấp của ý trung nhân (tới đây, tôi chợt thấy văn tôi bắt đầu trở nên lãng mạn một cách đơn sơ). Dưới vòm trời vòng cung, điểm nhẹ những bức tranh mây, mặt trời lóng lánh như một đồng tử đang ngái ngủ để rớt nhẹ những tia nắng chiều yếu ớt. Giống như trong tiểu thuyết trường giang đăng từng kỳ trên nhật báo, đúng lúc chuông sáu giờ ở thánh đường xa xa

vọng lại, du thuyền của Ca Gia Nô Va từ từ tới đảo. Sợ rằng trên đường đi, những thiếu nữ xinh tươi ngấm ngấm say mê chàng từ lâu sẽ nhận ra mình, Ca Gia Nô Va đã khôn ngoan trá hình với một chòm râu giả xồm soàm.

Mãi tới lúc thuyền ghé bến, bước lên đảo rồi, chàng mới tháo bỏ chòm râu để nhìn trước sau tìm lối tới tu viện. Chàng cũng không lấy gì làm thông thạo đường đi trên đảo. Trước mặt chàng có hai con đường, một về phía trái một phía phải (thường thường ở ngã ba bao giờ cũng có những con đường đi về hai phía như vậy). Ca Gia Nô Va đi theo con đường bên phải. Cũng như các trường hợp tương tự khác, con đường kia mới là con đường tốt. Con đường mình chọn bao giờ cũng xấu. Thật là một điều giản dị. Thế mà cứ bị lầm lẫn hoài.

Cũng lại may thay, đi một quãng Ca Gia Nô Va gặp một người cảnh sát chỉ cho chàng một lối mòn nếu đi tắt mất vài phút thì tới tu viện. Thế mà, lang thang cũng gần nửa giờ, chàng mới đến cửa căn nhà của các sơ. Trong tu viện, bốn mươi bảy sơ mới dự xong giờ giáo lý buổi chiều, đang kéo nhau ra vườn dạo mát. Họ ngồi tản mát từng toán nhỏ.

Đã đến giờ hành động. Ca gia Nô Va tiến tới gần song cửa. Chàng lựa một chỗ rất nhiều ánh sáng quay vào phía trong tu viện, cố tình để lộ bộ mặt bánh trai của mình cho các sơ ngó thấy. Rồi chàng đánh tiếng bằng một giọng du dương quyến rũ nhất trên trần gian (chao ôi!):

– Cúc cu!

Tức thì cả bốn mươi bảy sơ vị thành niên dòng Ursuline quay phắt 47 cái đầu

về phía có giọng nói huyền bí kia ngược chín mươi ba cặp mắt lên tìm kiếm (một trong số các sơ bị chột mắt, buồn thay!)

Ca Gia Nô Va vội vã kêu lên:

– Ai bắt được tôi, tôi sẽ vui lòng tặng một chòm tóc làm kỷ vật.

Bốn mươi sáu bộ óc của các sơ như sức tỉnh rồi hiểu ngay (một trong số các sơ bị bệnh thần kinh và mất trí ngay từ khi còn nhỏ, lại buồn thay!)

Một tiếng hú đồng nhất vang lên do bốn mươi sáu tiếng hú nhất tề góp thành (buồn thay một sơ mới bị cấm khẩu từ tuần trước) làm rung động những tia nắng hoàng hôn vàng vọt.

– Ô! Ca Gia Nô Va!

Tiếng hú vang thành tiếng thở dài.

Chàng thanh niên đẹp trai đã chạy xa. Bốn mươi bảy sơ hấp tấp chạy theo chàng với cả chín mươi tư chiếc chân thon nhỏ (may quá, không có sơ nào bị trật xương đến nỗi phải bó bột). Mười phút sau say sưa với tình yêu, khao khát những chiếc hôn nồng cháy, quyết tâm dành cho được mớ tóc làm kỷ vật, bốn mươi bảy sơ chèo bốn mươi bảy chiếc du thuyền đua nhau rẽ làn nước biển êm như nhung đuổi theo chiếc du thuyền của chàng lãng tử tài hoa son trẻ lừng danh quốc tế. Đúng vào giờ ấy, cảnh sát chính phủ Cộng Hòa tới tu viện vội vã đóng hết các cửa chính, cửa phụ của tòa nhà này, khóa thật kỹ càng rồi mang chìa khóa về trao tới tận tay hai mươi bàn tay của mười vị trong Thập Bộ Nội Các. Sự việc xảy ra đã chứng tỏ một mớ tóc có ma lực hơn cả 11.375, 5 bức văn thư. Vì thế, chính phủ long trọng ân thưởng cho Ca

Gia Nô Va đệ nhất quốc gia huân chương về hành động yêu nước của chàng. Sau lễ gắn huân chương, thủ tướng Vợ Ni bảo chàng:

– Anh có công lớn với tổ quốc. Anh ao ước gì nữa cứ đề nghị chắc chắn chính phủ sẽ chấp thuận ngay.

Anh chàng có số đào hoa ngập ngừng một lát rồi đáp:

– Thưa thủ tướng nếu đúng như ngài vừa nói là tôi có quyền đòi hỏi ở quốc gia một đặc ân nữa để bù vào công lao của tôi với tổ quốc, trân trọng xin ngài cho lệnh giam tôi vào nhà giam một thời gian ít nhất là ba năm.

Ngạc nhiên hết sức, thủ tướng cất tiếng du dương như một nhân vật trong kịch bản của văn hào Anh Cát Lợi Shakespeare

– Chao ôi, mong sao đầu tôi biến thành một cuốn bách khoa tự điển để hiểu những lời kỳ cục mà nhà người vừa nói:... Ờ mà tại sao, anh lại muốn ở tù?

Ca Gia Nô Va yêu cầu được trình bày riêng với thủ tướng. Lời thỉnh cầu được chấp thuận và khi các bộ trưởng cùng cảnh sát đã sang buồng bên cạnh, chàng mới nói nhỏ:

– Thưa thủ tướng, tôi rất cần ở tù trong ba năm để trong thời gian này nghiên ngẫm một chương trình vượt ngục kỳ ảo. Nếu không có cuộc vượt ngục này, thì tất cả những tiếng tăm của tôi chỉ là giả tạo, tập hồi ký của tôi sẽ thiếu một chương hồi hộp và hấp dẫn nhất. Và cũng nhờ có cuộc vượt ngục đó mà trong khoảng một trăm năm mươi năm tới, những hướng dẫn viên ở lâu đài Ducal chỉ việc kể lại những chi tiết cuộc

đào tẩu là kiếm được vô số tiền thưởng của các du khách Anh, Mỹ. Sau hết hãng phim danh tiếng Paramount sẽ lấy làm đau xót nếu không có những màn cụp lặc ăn khách nhất trong cuốn phim kể lại đời tôi. Thừa thủ tướng, vì những lẽ đó, nên tôi thấy buộc lòng phải nài nỉ được thỏa mãn lời thỉnh nguyện kỳ dị kia.

Ngày hôm sau, Ca Gia Nô Va được tổng giam vào khám lớn. Những giai thoại, những nỗi khổ đau, những chi tiết kỳ quặc về cuộc sống của chàng trong ngục thất ai ai cũng đều biết cả khỏi cần kể lại ở đây. Tuy thế chúng tôi cũng thấy cần nhấn mạnh (với sự cung kính) tới một câu chuyện tuy không vang danh như các chuyện khác.

Quả thực, ngay cả những hội viên Hội Nghiên Cứu Cuộc Đời Ca Gia Nô Va cũng không biết rằng năm ngày trước

khi vượt ngục chàng có nhiều lúc vô cùng chán nản.

Chính chàng cũng quên nhiều chi tiết liên quan đến vụ vượt ngục này. Điều đó cũng dễ hiểu vì các tù nhân của chính thể Cộng Hòa thời ấy thường phải chịu rất nhiều đau đớn cả tinh thần lẫn thể xác. Ca Gia Nô Va đã tuyệt vọng: chàng thấy danh tiếng lãnh tử của chàng suy giảm. May mắn thay, một ngày trước khi định vượt ngục người cai tù cho chàng mượn cuốn Hồi Ký Của Ca Gia Nô Va, ấn bản mới nhất có sửa lại và thêm nhiều đoạn. Đọc xong cuốn sách, chàng thấy hết bối rối ngay.

Chàng cứ việc hành động theo đúng từng chương từng đoạn trong sách để hoàn thành cuộc vượt ngục kỳ diệu không có một chút lầm lẫn.

Thực ra, đầu đuôi câu chuyện vượt ngục của Ca Gia Nô Va là thế, tuy sau này có nhiều sử gia giàu tưởng tượng và thận trọng đã thêu dệt nhiều chuyện kỳ cục.

Nhiều đoạn đời sôi nổi của chàng phổ thông quá đến nỗi ở hang cùng ngõ hẻm cũng có người biết nên kể lại trong chuyện này cũng chẳng ích lợi gì. Chúng tôi chỉ chọn lọc vài mẫu chuyện ít được quảng bá trong quần chúng.

Chẳng hạn như, trái hẳn với những lời đồn đại, ít ai biết rằng Ca Gia Nô Va tuy bề ngoài có vẻ lạnh lùng mà thật ra là một người đa sầu đa cảm vào bậc nhất trên thế gian.

Và một đôi khi chàng có thái độ rất kỳ cục đối với những người đàn bà say đắm vẻ hào hoa phong nhã của chàng.

Bà Pompadour mê chàng như điên đảo, có lần năn nỉ xin chàng một kỷ niệm những giờ tình tự cùng chàng trong vườn Versailles. Ca Gia Nô Va nhã nhặn trao cho người bạn gái chí thân của vua Louis đệ thập ngũ ấy một chiếc khăn tay của chàng và nói:

– Mình hãy giữ kỹ chiếc khăn này để kỷ niệm tình đôi ta... Nhưng tôi cũng cần nói để mình biết là tôi mới hỉ mũi vào khăn đó chưa quá mười ba lần.

Chàng vẫn biết bà Pompadour hay tin nhảm rất sợ con số mười ba như bất cứ người đàn bà dị đoan nào.

Nhưng nếu kể hành vi lỗ mãng và tàn nhẫn hơn cả trong đời tình ái của chàng thì phải nhắc tới chuyện hoàng hậu Nga Catherine. Bà hoàng hậu nhận sa cá lặn, và dâm dăng lòng danh phương Bắc ấy

cũng say đắm Ca Gia Nô Va quên ăn quên ngủ.

Tối hôm đó, có một buổi dạ vũ trong hoàng cung, Catherine hỏi Ca Gia Nô Va:

– Tối nay, anh tới chứ?

Chàng trả lời, lãnh đạm:

– Tôi sẽ tới, nhưng tôi sẽ lánh mặt không để cho bà thấy mặt tôi.

Nói rồi chàng từ giã bà hoàng xuân sắc với một nụ cười xảo trá trên môi. Tối đó, dạ vũ tung bừng tới quá nửa đêm. Quan khách say sưa trong nhã nhạc. Hoàng tử Foffoff uống hết cốc vodka này tới cốc khác, lão đảo trên sàn si, đầu lâng lâng như bay trên mây gió không còn nhớ nổi tên mình có bao nhiêu chữ f.

Hoàng hậu Catherine, đang nhảy một bản luân vũ chậm với viên trung úy mang số trước tịch 21.389 bít bông đôi mắt bà bắt gặp một đôi mắt đang nhìn trâng tráo: đó là Ca Gia Nô Va, chàng lãng tử thành Vơ Ni.

Chưa chát thay, hôm sau ngay khi gặp lại, Ca Gia Nô Va đã mỉm cười giải thích:

– Hỡi bà hoàng đẹp nhất vương quốc Nga và các xứ lân bang! Tôi không nhìn bà đâu!... Tối hôm qua tôi không hề thấy bà. Tôi tuy có khiêu vũ thật nhưng hai mắt nhắm nghiền. Nếu bà trông thấy mặt tôi, đó không phải mặt thật của tôi mà chỉ là đôi mắt giả... Tôi khôn lắm bà ơi. Bà có dám đánh cuộc với tôi, tôi lấy mặt giả ra cho bà xem. Bà tưởng tượng rằng tôi đã nhìn bà. Không, không, không bao giờ tôi nhìn bà đâu.

Thận trọng tránh một sự trả thù tàn ác của bà hoàng vạn năng ấy ngày hôm sau cỗ xe bốn ngựa vôi vẫ đưa chàng lên đường vượt biên giới sang lãnh thổ Ba Lan.

Nhưng, tạo hóa không để cho ai trẻ mãi. Khi chiếc tắc xi mét đếm cuộc đời lãng tử của chàng đã chỉ tới năm mươi năm với hình bóng bao nhiêu giai nhân trong quá khứ, Ca Gia Nô Va vui thích nghĩ đã tới thời kỳ được nghỉ ngơi.

Nhưng đó là một điều không thể thực hiện được. Ngay cả lúc đã từng ấy tuổi đầu, đàn bà vẫn say đắm Ga Gia Nô Va, say đắm hơn cả lúc ông còn niên thiếu. Đối với ông già lãng tử, thời kỳ đó là thời kỳ đầy dấn vật tinh thần không bút nào tả xiết.

Có những buổi tối quá mệt nhọc,

ông già muốn vào phòng ngủ nghỉ ngơi để ôn lại những ngày vui trong quá khứ mà không thể được. Dù biết rằng Ca Gia Nô Va bây giờ chỉ là một ông lão nhàn nhó, run rẩy đáng ghê tởm, đàn bà vẫn lẫn xả vào với ông, sẵn sàng trao xương gửi thịt cho ông. Các bà say sưa danh vọng, thêm khát tên tuổi mình cũng được nổi danh cùng với Ca Gia Nô Va, cũng được ghi vào trong hồi ký, nên các bà không ngần ngại phản bội cả những ý trung nhân mạnh khỏe đẹp trai, không ngần ngại lừa dối cả những ông chồng chính thức hiền từ và trung thành để tìm tới ôm ấp ông già lãng tử lợm khộm, uế oải.

Năm sáu mươi tuổi, ông lão Ca Gia Nô Va vẫn còn khiến các bà say mê không cần suy xét. Và cũng không muốn mai một danh tiếng của mình, Ca Gia

Nô Va vẫn phải tỏ ra tài hoa son trẻ, vẫn miễn cưỡng ban phát cử chỉ yêu đương cho những người ái mộ.

Nhưng rồi tới một buổi chiều kia – khi ấy Ca Gia Nô Va đã bảy mươi — tại Thụy Sĩ một thiếu phụ có lẽ thật thà hơn nhiều người khác nên đã dám nói lên sự thực:

– CỤ Ca Gia Nô Va ời, trông cụ ghê tởm và đáng kinh hãi lắm.

Thực là một tia sáng bất ngờ rọi lên cái già nua của ông lão xưa nay chỉ biết có thành công. Rất xúc động trước những lời thành thực tới kỳ dị ấy, Ca Gia Nô Va vội và quỳ xuống chân người thiếu phụ Thụy Sĩ lí nhí một câu trong miệng với giọng nói run rẩy:

– Thừa bà, tôi yêu bà ... Bà là người

đầu tiên và duy nhất đã dám nói với tôi một câu trái hẳn với những người khác!

Lẽ tất nhiên thiếu phụ chỉ cười, cười với đủ ba mươi hai chiếc răng trắng phau như ba mươi hai miếng phấn trắng của quốc gia này và thẳng thắn từ chối mỗi tình chân thành nhất mà ông già xấu số hiển dâng nàng.

Người lãng tử lừng danh sống những năm cuối cùng cuộc đời mình với công việc quản thủ thư viện trong một lâu đài sâu thẳm cổ lỗ ở thành phố Bohème. Trong những ngày tàn ấy, Ca Gia Nô Va giết thì giờ bằng cách ôn lại những đoạn đời đầy hoan lạc trong dĩ vãng. Nhưng giết thời gian mãi, thời gian cũng đâm ra phần nộ và tới năm 1798, thời gian phản ứng lại vùng lên giết chết Ca Gia Nô Va.

MẸ VÀ CON

JURAN HISAO

Tháng bảy năm 1944, quân đội Hoa Kỳ chiếm đảo Saipan, mở đường cuộc phản công vào đất Nhật. Nước Nhật thất trận, dân chúng Nhật vô cùng hoang mang. Truyện ngắn Mẹ Và Con của Juran Hisao cho ta thấy một phần nào tình trạng bi đát của dân Phù Tang trong những ngày chiến đấu tuyệt vọng cuối năm 1945.

Truyện Mẹ Và Con đã gửi tham dự cuộc thi truyện ngắn quốc tế do hai báo New York Herald Tribune và báo Universal Features tổ chức năm 1954–1955.

Truyện Mẹ Và Con được hội đồng giám khảo quốc tế tặng giải thưởng hạng nhất trong số hơn 50 truyện ngắn của 18 quốc gia được lựa chọn vào vòng chung kết.

Cảnh sát cuộc Ách Thu cho mời viên giáo học dạy các lớp dưới tại một trường tiểu học gần trại lính Hoa Kỳ tới quận về một câu chuyện liên quan tới học trò ông ta.

Viên cảnh sát trưởng vào phòng đợi. Theo sau ông là một thiếu phụ vẻ mặt sắc sảo và nhanh nhẹn khiến viên giáo học chú ý. Viên cảnh sát trưởng nói:

– Tôi rất lấy làm buồn đã phải quấy nhiễu ông..

Ông ngồi xuống đối diện với viên giáo học và bắt đầu giới thiệu:

– Cô đây là nữ trợ tá xã hội phụ trách giáo hóa thiếu niên trong tỉnh. Quận chúng tôi mới thành lập chưa kịp tổ chức ban phụ trách trẻ vị thành niên nên phải nhờ cô trông nom hộ. Tôi cũng cần nói để ông rõ chuyện mà chúng tôi phải mời ông tới không có gì quan trọng cả, xin ông cứ yên tâm.

Cô nữ trợ tá lên tiếng:

– Thực ra thì câu chuyện không có gì, đúng như ông quận vừa nói. Cậu học sinh của ông không phạm vào một trọng tội vì cậu chỉ đốt lửa trong một cái lò cốt cũ. Nhưng trong lò cốt này còn chứa nhiều vật dụng của người Hoa Kỳ. Chúng tôi không tin cậu là một kẻ chuyên đi đốt nhà. Chắc cậu chơi giả vai kẻ cướp hoặc một trò chơi tương tự nhưng hỏi cậu nhất định không nói. Phần chúng tôi,

cần phải có một lời xin lỗi hoặc một lời giải thích để ghi vào hồ sơ.

Viên cảnh sát trưởng tiếp lời:

– Quận không muốn giữ cậu ta ở đây lâu nữa nhưng cũng không thể thả cậu nếu hồ sơ chưa đầy đủ. Vì thế chúng tôi phải phiền ông tới đây. Ông là thầy học cậu ta, chắc ông rõ tính tình và gia đình cậu. Ông có thể cho chúng tôi biết thêm vài chi tiết để chúng tôi ghi vào báo cáo và thả cậu được.

Viên giáo học lễ độ cúi đầu:

– Tôi thành thực cảm tạ ông đã phiền lòng vì học trò tôi.

– Thôi chúng ta vào chuyện ngay cho chóng.

Cô nữ phụ tá lật tập hồ sơ:

– Lã Phan, mười sáu tuổi hai tháng, sinh tại Sai Păng⁵ học sinh lớp nhì B trường tiểu học Thánh Giu Se, được hưởng học bổng A Đam. Cha là chuyên viên khí tượng trước tòng sự tại Phòng Hành Chánh Nhật Bản, chết năm 1940. Mẹ làm việc cho công ty Nam Phát có lẽ cũng đã chết khi quân đội Mỹ đổ bộ lên Sai Păng. Về phần Lã Phan chúng tôi không hiểu sao lớn thế mà cậu mới học tới lớp nhì? Lẽ ra phải học cao hơn.

Viên giáo học trả lời:

– Khi chiến tranh kết liễu, Lã Phan và nhiều trẻ mồ côi khác được gửi sang Hạ Uy Di và theo học tại một trường Mỹ tương đương với trường tiểu học bên ta. Nó học ở đó sáu năm. Sau trở về Nhật được ghi tên vào học trường Thánh Giu

⁵ Saipan, một hòn đảo thuộc quần đảo Mariannes, ở phía Nam nước Nhật (Đ.T.H.)

Se đáng lẽ thì học lớp đệ ngũ nhưng tiếng Nhật lại kém quá.

– Còn học bổng A Đam là thế nào?

– Thực ra không hẳn là học bổng. A Đam là một sĩ quan tình báo Hoa Kỳ chịu trách nhiệm về các cô nhi tại Sai Păng. Ông đã tự ý lựa năm đứa dài thọ phí tổn ăn học trường Thánh Giu Se

– Khi bố chết Lã Phan mới lên bốn nên không biết gì về cha. Nhưng về mẹ cậu, ông có thể cho chúng tôi biết bà thuộc hạng người nào không?

– Có thể nói bà là một thiếu phụ trí thức. Bà xuất thân ở đại học đường Đông Kinh. Ở Sai Păng bà chỉ huy ban phụ nữ trong công ty Nam Phát. Nhưng về sau bà điều khiển quán Hải Lô, một trung tâm giải trí dành cho sĩ quan. Bà

đẹp, đẹp lắm nên nhiều người đàn bà khác không ưa bà.

Cô nữ trợ tá hỏi:

– Thế Lã Phan có sống cùng với mẹ trong khu giải trí không?

– Không. Tôi đã nói vì bà đẹp quá, những thú vui tiêu khiển chẳng thiếu gì nên còn đâu thì giờ săn sóc tới con. Bà giao Lã Phan cho một giáo sĩ người Tân Ca Lê Đô Ni trông nom. Giáo sĩ sống trên đảo này từ khi đảo còn dưới quyền cai trị của Đức.

– Vậy thì đứa trẻ không bị ảnh hưởng gì về cuộc sống sa đọa của mẹ?

– Không. Nó không biết gì cả tuy rằng đã khá lớn. Ví dụ như không bao giờ nó bén mảng tới một rạp chiếu bóng. Nó học khá nhưng sống khắc khổ quá

đến nỗi chính tôi cũng có lúc phải lo lắng.

Cô nữ trợ tá lật hồ sơ xem xét rồi nói:

– Có thể lắm? Nhưng ông có biết hôm mồng ba tháng năm vừa rồi cậu mặc giả gái đến bán hoa ở đường Thanh Gia không? Một cô bạn tôi bắt gặp và đã mắng cậu. Ông có biết rằng có lần cậu đã rủ mấy quân nhân Hoa Kỳ mới có phép ở trại đi Đông Kinh và mới đây người ta phải khiêng cậu, say rượu nằm chết lịm ở gần ga I Ra trên con đường đi Sa Ga Mi không? Và cũng may người ta kịp cứu thoát khỏi bị chuyển xe lửa buổi sớm ngiên chết.

Trong phòng trở nên yên lặng, chỉ có tiếng gió rít ở bên ngoài cánh đồng cỏ úa lửa vào. Sau cùng, cô nữ trợ tá lên tiếng như an ủi viên giáo học:

– Ông biết đứa trẻ đã từ lâu và tôi tin chắc rằng ông chỉ thấy cậu sống trong những ngày tươi đẹp, như vậy còn có điều gì đáng trách nữa. Có thể rằng tính tình cậu mới đây đã thay đổi. Cải trang làm con gái, uống rượu say túy lúy, nghịch ngợm như những kẻ vô lại, chơi đùa đốt lửa ở nơi cấm địa, những hành động đó có khác nhau, nhưng cũng đều do một động lực thúc đẩy. Có thể đó là một hiện tượng sa ngã chẳng? Dù sao cũng phải có nguyên nhân căn bản. Con người ta không thể thay đổi tính tình nhanh chóng như vậy được. Chắc có một kỷ niệm đau thương nào đã thúc đẩy cậu hành động như thế. Ông có thể làm sáng tỏ thêm vấn đề này không?

Viên giáo học lắc đầu một cách chán nản:

– Tôi không rõ điều này có bổ ích gì

cho việc điều tra của cô không nhưng tôi xin nói để cô biết có một việc đã ảnh hưởng sâu xa tới Lã Phan. Mẹ nó đã định giết nó. A Đam và tôi tìm thấy nó ngạt thở nằm lịm ở một góc cây lớn trên đồi Chi Na. Sợi dây thừng buộc vòng ở cổ nó ba vòng thít chặt quá, phải khó khăn lắm chúng tôi mới gỡ được. Dây được xoa xà bông cho trơn, nên thít càng chặt! Mặc dầu chúng tôi vì biết lý do gì nên đã có việc này, nhưng xếp đặt một cách chu đáo và có suy nghĩ để mưu sát chính con mình làm chúng tôi vừa tức giận vừa không hiểu. Chúng tôi phải khó nhọc lắm mới làm cho đứa trẻ hồi sinh. Chúng tôi không tin rằng thằng bé có thể qua khỏi được, sau khi áp dụng phương pháp hô hấp nhân tạo, cuối cùng chúng tôi phải đưa lên xe díp mang vào quân y viện nhờ điều trị. Vào thời kỳ này, cô đã biết có trên ba mươi ngàn thường dân Nhật tự

sát vì họ cho rằng khi đổ bộ người Mỹ thế nào cũng giết chết họ. Biết bao gia đình tự sát bằng lựu đạn. Nhiều gia đình khác, tay nắm tay từ trên mỏm đá cao nhảy xuống biển. Những xác chết này sau mò lên đều thấy ôm chặt lấy nhau. Lần này là lần thứ nhất tôi thấy một đứa trẻ hấp hối một cách lẻ loi.

Viên quận trưởng ngắt sự yên lặng mà cô nữ trợ tá như quá kinh tởm câu chuyện không dám nói nữa:

– Chuyện thật kinh khủng và cố nhiên là ảnh hưởng sâu xa đến tâm tính đứa trẻ.

Viên giáo học ngồi không yên trên ghế:

– Bây giờ tôi có thể gặp nó được không? Tôi muốn hỏi Lã Phan một vài

câu. Tôi sục nghĩ ra có thể giúp cô phần nào trong công việc này.

– Cố nhiên là được.

Cô nữ trợ tá vừa nói, vừa chỉ cánh cửa về phía trái:

– Xin mời ông đi lối này.

Lã Phan ngồi trên sàn một gian phòng nhỏ tối om dành riêng cho những trẻ vị thành niên bị quản thúc. Ngắm trời qua khung cửa hẹp, như ở trong một chuồng chim lớn nhìn ra, Lã Phan vẫn vợ nghĩ đến những ngày cuối cùng ở Sai Păng

Cảnh tranh tối tranh sáng, sàn nhà ẩm ướt, màu trời xám xịt, sự yên lặng nặng nề, thân thể mệt nhọc, tất cả đều gợi cái cảnh trí ở động đá Sai Păng.

Đá lởm chởm ở trên nóc động bị rêu

phủ kín, và trên lớp rêu lại mọc những cây hoa nhỏ, đây đó phân chim rải rác in những vết trắng trên đá. Cửa đi vào động ở phía Tây, nên suốt ngày động tối om và ẩm ướt: chỉ buổi chiều, ánh mặt trời lặn chiếu sáng vách động và mặt các người ẩn náu ở trong. Một thiếu nữ, chỉ còn da bọc xương, nhặt những hạt gạo rơi trên đá sỏi chùi sạch rồi bỏ vào miệng ăn từng hạt. Đằng sau nàng, một người lính bơ phờ mặt đỏ ngầu như điên nhét đầy cỏ vào mồm và nước dãi màu xanh chảy dài xuống cằm. Nhưng cảnh trí này chỉ thoáng hiện ra, rồi đêm tới lại xóa nhòa, để một ngày khác lại nối tiếp ngày nay.

Lã Phan nghĩ: “Thôi đã đến giờ đi xách nước”.

Nó nóng lòng chờ đợi giây phút này. Từ ngày ở trong động nó sung sướng hết

sức vì được chung sống với mẹ và hầu hạ mẹ. Nó chờ đợi mẹ nó sai, cặp mắt đắm đắm nhìn khuôn mặt tươi đẹp của mẹ.

– Lã Phan đi xách nước đi con!

Nghe tiếng mẹ nói, Lã Phan cảm động khôn tả. Nó có thể làm bất cứ việc gì cho mẹ.

Suối nước ngọt ở bãi biển, cách động năm mươi thước, và như vậy phải đi một con đường dốc dù chỉ cầm một cái chai ở tay cũng đã thấy choáng váng. Hơn nữa lính ở phía dưới thấy bất cứ cái gì động dậy ở phía trên là nã súng bắn ngay. Nhưng Lã Phan không sợ gì, và nó cũng chưa nhận ra có sự nguy hiểm này. Nó sung sướng hết sức vì được làm vui lòng mẹ nó.

Nó nghĩ: “Hồi ấy mình lên mấy?”, rồi

sát đầu vào bức tường phòng giam, nó cất giọng ngâm:

– Hỡi khách bộ hành, hãy nói cho cả thành phố La Sê Đẻ Môn⁶ biết là tuân lệnh nhà vua, chúng ta tuần tiết ở đây.

Vì sao, mẹ nó đã bảo nó học bài thơ này, nhai đi nhai lại nhiều lần từng câu từng chữ để cho thâm nhập vào đầu óc đứa trẻ.

La Sê Đẻ Môn là tên một thành phố cổ Hy Lạp. Cách đây hai ngàn năm, một nhóm lính Hy Lạp đã chặn đứng cả một đạo quân Ba Tư, tại một địa điểm gọi là Tét Mô Pin và nhóm lính anh dũng đó đã tử trận. Người ta kể lại tại bãi chiến trường này một bia đá đã được dựng ghi những dòng chữ kể trên mà Lã Phan đã học thuộc lòng theo mẹ.

⁶ Lacédémone, thành phố Hy Lạp cổ nay đã hoang tàn (Đ.T.H).

Trong những ngày cuối ở Sai Păng mẹ nó đã cố biến những ngày này thành những mộng đẹp về lịch sử.

“Rồi phút cuối cùng của chúng tôi đến”, Lã Phan nói nhỏ, mừng tượng đến cái chết của mình. Biết bao cha mẹ và con cái, anh em, nắm tay nhau, từ mỏm đá cao nhảy xuống, hoặc một sợi dây thừng chẳng buộc lấy nhau, từ bãi cát tiến sâu xuống biển dào dạt sóng. Hằng ngày, những đoàn người biển đi như thế trước mắt Lã Phan. Lã Phan nghĩ rằng rồi nó cũng tự vẫn, cầm tay mẹ hai người sẽ chìm theo sóng nước và như vậy không cảm thấy buồn khổ gì cả.

Mặt trời xế bóng, phản chiếu lên nền trời một ánh hồng thắm trong buổi chiều êm ả, khi mẹ nó cầm một sợi dây thừng bảo nó theo ra ngoài động. Mẹ nó nói:

– Con sẽ không muốn ta làm việc này trước mặt mọi người ở đây, vậy con hãy theo ta.

Mãi cho đến lúc này, Lã Phan vẫn nghĩ nó không thể chết một mình được, nhưng khi biết mẹ nó định thắt cổ nó, nó đành cam chịu và theo mẹ lên mỏm đá cao, mặt tươi vui để làm vừa lòng mẹ.

Người nữ trợ tá vào phòng giam và dẫn Lã Phan ra ngoài phòng lúc ấy có mấy người mặc thường phục ngồi ở đấy nữa. Ở góc phòng trên chiếc bục giải chiếu, có viên giáo học mà Lã Phan và bè bạn đã biết và đã tinh nghịch đặt cho một biệt danh là Thánh Giăng. Thánh Giăng đây là một người sinh trưởng ở đảo Xung Thẳng và trước làm quản lý cho công ty trồng mía ở Sai Păng. Khi Lã Phan đến trước mặt ông, ông liền mắng phủ đầu bằng những lời đạo đức. Lã

Phan lắng nghe, đầu cúi, mắt liếc trông khẩu súng lục đeo ở dây lưng một viên cảnh sát đang mê mải lúi húi viết trên chiếc bàn kê dọc tường.

Lã Phan nghĩ: “Cũng cùng một loại sung”.

Trước kia trong động một viên sĩ quan trẻ tuổi vẫn cho phép Lã Phan cầm nghịch khẩu súng lục nặng của y.

Thánh Giăng nói:

– Mày ăn mặc giả gái và đến bán hoa ở đường Thanh Gia phải không?

Lã Phan tự hỏi ai đã nói điều này cho Thánh Giăng, vì việc này nó chỉ làm có một lần. Có phải cô nữ trợ tá không? Hay con Bích Liên ở lớp nhất A cho nó mượn áo đã kể chuyện này?

Thánh Giăng nói tiếp:

– Mày không muốn để người khác nuôi, nên đã nghĩ cách tự kiếm tiền, có phải không? Ta trọng ý tự lập của mày, nhưng tại sao lại phải giả gái và đi bán hoa?

Lã Phan nghĩ: “Điều này thì ông ấy lầm”. Lã Phan có cải trang làm con gái, nhưng không bán hoa. Như vậy, Thánh Giăng chẳng hiểu biết chuyện gì đâu?

Lã Phan nghe người ta nói ở Hô Nô Lu Lu rằng mẹ nó mở một quán rượu ở đường Thanh Gia. Vì vậy ngay buổi tối đầu đến Đông Kinh nó vội vã đi tìm quán rượu và đã tìm thấy. Nhưng có lệnh cấm trẻ vị thành niên vào quán rượu, riêng chỉ các cô bán hoa và nhạc sĩ mới được vào thôi, điều này ai ai cũng rõ. Vì vậy, một tối chủ nhật kia, Lã Phan đã mặc

chiếc váy mượn được và vào quán rượu của mẹ. Tối hôm đó, từ tám đến mười giờ, nó đã nằm lăn vào quán rượu. Khách không có mấy và mẹ nó buổi đó có vẻ bực dọc.

Mẹ nó tức giận bảo:

– Mày có thiếu quần ngắn đâu? Mày vào đây mấy lần rồi? Khách hàng của tao có cần hoa của mày đâu?

Có lần, con hầu bàn sách cổ áo đẩy nó ra ngoài, Nhưng rồi nó lại đến.

Thánh Giăng lại quở mắng thẳng bẻ:

– Chiều thứ bảy nào mày cũng đưa đón những khách ở Cao Ly đến. Như vậy để kiếm tiền, nhưng tao lấy làm xấu hổ khi nghĩ rằng mày đem sự hiểu biết về Anh ngữ ra để làm những việc tầm thường như vậy.

Lã Phan lại nghĩ: “Đến việc này thì ông Thánh lại cũng chẳng hiểu gì nữa. Có phải vì mình mà kiếm tiền đâu. Quán rượu của mẹ mình vắng khách quá, nên mình đón khách để giúp cho quán của mẹ mình đông khách mà thôi”.

Nó định giúp mẹ không cho mẹ biết nhưng vô tình nó đã làm một điều lầm lỗi nặng. Tối hôm ấy là chiều thứ bảy đầu tháng mười, nó đến một quán rượu ở gần trại Thiên Tâm nơi gặp gỡ của bọn tài xế tắc xi để mượn một xe hơi, thì giữa lúc ấy một anh tài xế gọi nó và bảo:

– Bà chủ quán rượu mà mày vẫn thường nói chuyện có phải là mẹ mày không? Mày là một đứa con có hiếu. Nhưng mày có hiếu mẹ mày làm gì với những người đàn ông mày dẫn đến quán không?

Lã Phan đứng yên lặng. Gã tài xế nói tiếp:

– Nếu mày không hiểu, tao sẽ chỉ cho mày biết.

Gã gọi một bạn đồng nghiệp và chỉ Lã Phan.

Đêm đó mãi khuya lắm Lã Phan mới về phòng ngủ ở trường Thánh Giu Se và lăn ra giường, quần quai đau khổ. Mẹ nó nay không còn là mẹ nó nữa. Đó chỉ là một người đàn bà. Lã Phan không còn muốn sống trong cái thế giới xấu xa tàn nhẫn này nữa. Nó muốn chết ngay đêm ấy. Nó lấy ở trong ô kéo bàn học những ảnh cũ và thư từ của mẹ ra. Nó xé tan ra từng mảnh vút vào sọt rác trong bếp. Nó nhìn ngó xung quanh, tưởng như quên một công việc gì. Nhưng nó không quên gì cả. Nó nghĩ: “Cần quái gì. Đối

với mình, tương lai chẳng còn có nghĩa”. Nhưng nó lại nghĩ dù sao cũng nên ngủ một ít trước khi chuyển tàu hỏa sớm mai chạy qua, rồi nghĩ tới cuộc đời quá ngắn ngủi, thời gian sống ở trên đời chẳng còn mấy chốc, nó sụt sịt khóc.

Thánh Giảng tiếp tục buộc tội:

– Mỗi ngày mày một đốn mạt thêm và hình như mày say rượu túy lúy, đi thất thểu trên đường xe lửa và suýt nữa là bị nghiền chết, ta không ngờ mày lại sa đọa đến rượu chè như vậy.

Lã Phan nghĩ: “Đúng mà lại sai. Mình có nghiện rượu đâu, nhưng có lẽ hôm ấy quá say. Lúc đó còn mờ sáng. Đèn điện thấp sáng trưng dọc sân ga và cả ở phía hàng rào chắn xe, chứng tỏ một đoàn tàu chốc lát sẽ qua đây. Mình cởi bỏ áo ngắn ném ra bãi cỏ và nằm duỗi

dài trên đường sắt chờ đợi đoàn tàu chạy qua. Nhưng không thấy tàu động chạm đến mình mà lại nghe thấy gã bẻ ghi xiềng mình đến bảo viên xếp ga: “Nếu nó mặc áo, chắc chắn đã bị đoàn tàu lôi đi và nghiền nát, nhưng nó chỉ mặc có sơ mi trần và vì vậy đã thoát”.

Lã Phan vẫn quyết tâm tự sát. Rồi một buổi tối mùa thu kia nó lấy trộm một ít dầu hôi trong bếp, vượt qua cánh đồng ở đằng sau phòng ngủ, chui vào cái lỗ cốt bê tông đổ nát và tưới dầu vào mình. Nó đánh que diêm mới châm lửa vào tay áo được. Nhưng đó chỉ là một ngọn lửa yếu ớt. Dầu hôi bây giờ xấu quá không bén lửa như dầu ngày xưa, gió thổi tắt ngay.

Nó tiếp tục đánh diêm một cách thất vọng và châm lửa khắp mình, nhưng lửa cháy yếu và bén chậm chỉ bốc khói nhiều và cuối cùng khi người ta đến thấy nó

ngất đi, ngạt thở vì khói.

– Tại sao mày châm lửa vào kho chiến cụ của quân đội? Quận cảnh sát ở đây bảo chỉ tha mày được, nếu mày chịu khai thực. Nếu không mày sẽ bị trừng trị.

Lã Phan không biết là có chiến cụ ở trong lô cốt.

Đến quần áo nó cũng có đốt cháy được đâu.

Bỗng nó la lớn:

– Giết tôi đi, giết tôi đi!

Thánh Giảng nạt:

– Im ngay.

Rồi ông đứng dậy rời khỏi phòng, tin rằng Lã Phan đã phát điên.

Một viên cảnh binh trẻ tuổi vào phòng, cởi dây lưng quảng súng lục để trong bao xuống chiếu. Hắn ngã xuống nằm và nhắm mắt lại. Lã Phan nhìn khẩu súng.

Còn viên cảnh binh kia vẫn cầm cúi viết, lưng quay về phía nó.

Lã Phan nghĩ: “Đã đến lúc rồi”. Thận trọng, nó rón rén bò tới gần chiếc dây lưng và bao súng của người cảnh sát đang ngủ. Nó khẽ rút súng ra khỏi bao, mân mê chốt an toàn rồi kéo về phía sau. Đột nhiên, nó vùng đứng dậy, bóp cò. Những mảnh tường vôi phía trước bay lả tả. Người cảnh sát trẻ khi ấy đang lơ mơ ngủ, vội hét lên lăn về phía cuối phòng, chúi xuống gần bàn giấy. Người cảnh sát kia nhảy ra sau bàn nhanh nhẹn rút súng. Hắn bắn về phía đứa trẻ khi ấy tay hãy còn cầm khẩu súng bốc khói.

Lã Phan ngã xuống, như bị một thanh sắt nặng đập ngang ngực. Nó tựa vào bức tường phía sau và nấc lên. Nước mắt đầm đìa, nó ngã gục mặt xuống đất.

BÁN NHÀ

ALPHONSE DAUDET

Alphonse Daudet sinh tại Nîmes (1840–1897) là tác giả nhiều tiểu thuyết và kịch bản trong số có *Fromont jeune et Risler Aîné*, *Le Petit Chose*, *Sapho*. Nhưng có lẽ ông nổi tiếng nhất với các tập truyện ngắn *Lettres de mon Moulin* và *Contes du Lundi*. Ông là một trong số những nhà văn Pháp đã từ chối không gia nhập Hàn Lâm Viện.

Chiếc cổng bằng gỗ xấu cũ quá rồi, nứt nẻ, long lở đất cát ngoài đường và trong vườn bám đen kịt. Trên góc, một chiếc biển con treo từ lâu, cầm lặng dưới nắng hè lay lắt dầu dãi mãi ở đấy đến tận đầu mùa thu. “Nhà này bán” mấy chữ vẫn tắt trên tấm biển và vẻ trầm lặng xung quanh làm cho khách qua đường có cảm tưởng đó là một ngôi nhà hoang vắng.

Thế nhưng có lẽ vẫn có người ở đó. Một làn khói xanh nhạt bốc lên khỏi mái bếp hơi cao chứng tỏ cả cuộc sống ẩn dật, thâm kín và buồn rầu bên trong như ngọn khói nghèo nàn ấy. Qua những

khe cửa lắc lư trong gió, nhìn vào khung cảnh bỏ hoang ta thấy những luống đất giầy thẳng thắn, những vòm cây cắt xén tròn trặn, vài chiếc thùng tưới dụng cạnh bể nước, những dụng cụ làm vườn dựa gọn gàng vào các nhà nhỏ. Đó chỉ là một căn nhà lồi què dựng trên mảnh đất thoải. Bên phải một chiếc cột lớn để cho căn nhà khỏi xiêu. Bên trái một khu vườn rộng, khu vườn trồng các giống cây nhiệt đới. Những chụp cây bằng thủy tinh chồng chất trên lối đi, vài chậu cảnh không hoa lẫn lóc bên cạnh. Vài chiếc khác vút lơ đãng trên cát nóng và trắng bên những cây cẩm chướng tàn hoa. Trừ một khoảng nhỏ, rợp bóng mấy cây tiêu huyền, mảnh vườn hoàn toàn dãi nắng. Những cây ăn quả thừa lá, cành vươn ra nhờ tán, mọc thành hàng. Đây đó những khóm dâu tây xanh tốt, những cây đỗ hòa lan leo um tùm trên giàn cao.

Giữa cái trật tự trầm lặng ấy, một ông già đội mũ nan suốt ngày đi lại trên luống đất. Những lúc mát trời ông lão cầm cuốc tưới cây, tỉa cành, xén lá. Ông già không giao thiệp với một ai trong vùng. Trừ người phát bánh phải giao hàng cho tất cả mọi nhà trong phố mà ông già tiếp một cách miễn cưỡng, còn không có một người nào đến thăm hỏi ông. Đôi khi một khách bộ hành lang thang đến khoảng dốc phì nhiêu này, thoáng thấy những vườn nho xanh tươi, dừng lại ngắm trời. Trông chiếc biển bán nhà treo lơ đãng, khách trèo lên gõ cửa. Im lặng. Không một tiếng trả lời. Mãi sau mới có tiếng guốc nặng nề từ phía vườn chạy ra. Rồi ông già hé cửa, thò nửa đầu nhìn và hỏi một cách gắt gỏng:

– Ông muốn hỏi ai?

– Thừa cụ, nhà này muốn bán.

Ông già cố gắng trả lời:

– Phải nhà này muốn bán thực đấy nhưng người ta đòi đắt lắm, không chắc...

Trong khi nói, hai tay ông chặn ngay cánh cửa như rình đóng lại. Đôi mắt ông đầy vẻ giận dữ, muốn đuổi khách đi xa. Ông già đứng đấy nhưng mắt vẫn ngơ ngác đảo về mảnh vườn như sợ ai lấy mất.

Khách bộ hành phải lạ lùng tự hỏi có điều gì ràng buộc mà ông lão say mê mảnh đất ấy đến thế. Và tại sao ông tha thiết muốn giữ lại căn nhà mà lại điên cuồng treo cái biển bán nhà kia.

Mãi sau tôi mới hiểu. Một hôm tình cờ đi qua tôi thoáng nghe thấy những tiếng ồn ào trong nhà, tiếng mấy người đối đáp nhau.

– Phải bán đi thầy ạ! Thầy phải bán đi chứ. Thầy đã nói với chúng con như thế.

Ông già đáp giọng run rẩy:

– Khổ lắm các con ơi! Thì tao cũng muốn bán chứ không đâu. Tao đã treo biển rồi đấy thôi.

Tôi hiểu đó là tiếng những người lái buôn ở Ba Lê, những người con trai, con dâu ông đã ép ông phải từ bỏ căn nhà thân yêu ấy. Nhưng để làm gì? Điều đó tôi chưa biết. Cái điều mà tôi biết chắc là câu chuyện dạm bán đó đã kéo dài lâu quá, vì cứ mỗi chúa nhật những người con lại về quê một lần để dầy vò ông già khốn khổ, bắt buộc ông phải làm theo lời đã hứa. Những buổi chúa nhật tĩnh mịch, ruộng còn im như nghỉ ngơi, tôi đã đứng ngoài nhìn và nghe thấy tất cả

điều đó. Lũ con ông già chuyện trò, bàn tán cãi vã với nhau, luôn luôn nói đến tiền một cách gay gắt: Chiều đến tất cả lại ra đi. Ông già tiễn một quãng đường ngắn, rồi vội vã quay về. Ông đóng xăm hai cánh cửa, sung sướng rằng sẽ hoãn cái việc đau đớn kia thêm được một tuần. Suốt cả tuần lễ căn nhà lại chìm trong yên lặng. Từ mảnh vườn cháy nắng chỉ nghe thấy tiếng xới đất hoặc tiếng chân nặng nề dẫm lạo xạo trên cát.

Nhưng hết tuần này lại còn tuần khác, ông già càng ngày càng bị dày vò thúc giục. Lũ con ông dùng đủ mọi cách. Họ dắt cả những đứa trẻ nhỏ về để quấy rầy, lung lạc ông:

– Đấy ông xem các cháu này, ông cứ bán nhà đi rồi ông ra tỉnh ở với chúng con. Cả gia đình ông, con, cháu đoàn tụ có vui vẻ biết bao không?

Họ tung tăng đi lại trong vườn cây, trong gian nhà nhỏ vừa đi vừa bàn bạc, tranh luận tính toán giá cả âm ỹ. Một lần tôi thấy tiếng một người con gái kêu lên:

– Cái nhà khổ này thì đáng mấy ngàn. Thôi dỡ xuống làm củi.

Những lúc ấy ông già chỉ lẳng lặng nghe con nói không đáp một câu. Con cái ông nói đến ông như nói đến một người đã chết, nói đến căn nhà của ông như nói đến một cái lều hoang. Mắt đầm đìa lệ, ông cứ lẳng lặng khom lưng đi như mọi ngày. Ông tìm tòi những cảnh thừa để tả bớt, ông gỡ từng trái để tìm sâu.

Thấy thái độ ấy người ta có cảm tưởng rằng đời ông đã kết chặt với mảnh đất này rồi và không có một sức mạnh nào có thể làm ông lìa khỏi nơi đây. Ông

tìm mọi cách để trì hoãn việc bán nhà lại được đến đâu hay đến đó. Mùa hạ đến những cây anh đào, những cây hắc hồi, những cây phúc bồn tử nở hoa, kết quả nặng trĩu cành. Mùi quả chín thoảng trong không khí làm mát rượi lòng ông già đau khổ. Ông tự nhủ:

– Thong thả, để trảy hết quả rồi bán nhà sau.

Rồi quả trảy hết, anh đào không còn nữa, rồi đến mùa táo, rồi mùa nho. Hết mùa nho ông già lại dầm mình dưới tuyết hái những quả sơn tra tử nâu hồng. Mùa đông đến, vườn tược vắng không, đồng quê xám xịt chìm trong sương tuyết. Khách qua lại thưa dần. Người mua hàng không còn, ngày chủ nhật lũ con ông già cũng không từ cái tỉnh xa xôi kia về nữa.

Dân quê nghỉ hẵn ba tháng đông để

sửa soạn sang xuân lại bắt đầu gieo hạt. Trong khi ấy chiếc biển bán nhà vẫn treo lủng lẳng một cách vô ích trên cánh cửa lay lắt dãi dầu trong mưa gió.

Chờ đợi mãi lũ con đã nóng lòng. Chúng bắt đầu tin rằng ông già đã tìm cách xua đuổi khách mua. Chúng bàn với nhau rồi cùng nhau quyết định. Chúng cắt một người con dâu ông già, có vẻ là một bà lái ở trên tỉnh, về ở hẳn quê với ông cụ.

Trang điểm ngay từ sáng sớm, người con dâu cố làm ra vẻ tươi cười, khúm núm đứng ngoài cửa chờ đợi khách. Nàng mở cửa thật rộng và mỗi khi thấy một người đi qua lại nói cười âm lên như có ý bảo:

– Này, vào mà xem. Cứ vào tự nhiên, nhà này đang bán đấy.

Ông già biết không còn cách nào trì hoãn được nữa. Thỉnh thoảng ông lại vớ chiếc cào chăm chỉ xới những luống đất làm như không biết có con dâu đứng đấy. Ông làm lung để quên sự thực, đau đớn như một người sắp chết đuối cố níu lấy mảnh ván để tìm một niềm tin. Nhưng cũng không yên. Đứa con ông chốc chốc lại chạy theo ông giần vặt:

– Trời ơi, thầy còn làm làm gì vô ích. Hơi đâu cứ gia công làm để cho người khác hưởng.

Ông già không trả lời con, mãi miết vào công việc với một sự ngoan cố kỳ lạ. Ông thấy hình như hễ ông chệnh mảng với mảnh vườn tức là tự ông đã có ý rời bỏ nó. Bởi thế nên lúc nào con đường trong vườn cũng sạch sẽ không có một sợi rác bần, những cây hồng không có một con sâu.

Trong khi ấy khách mua nhà cũng không thấy đến vì bấy giờ đang vào lúc chiến tranh. Người con dâu đã cố mở to cánh cửa, cố dịu dàng đưa mắt chào mời người qua lại mà cũng không ăn thua gì cả. Chỉ thỉnh thoảng có một đoàn người bông bế nhau tản cư ồn ào đi qua, ném bụi vào căn nhà nhỏ. Càng nghĩ đến công việc chờ đợi mình ngoài tỉnh, người đàn bà càng trở nên cau có.

Mỗi lần đi qua, tôi lại nghe thấy người đàn bà gắt gỏng, đập bàn đập ghế và mắng mỏ ông già. Ông vẫn im lặng như cũ; mặt ông cúi gằm, liếc nhìn những cây đỗ tươi tốt đang trổ hoa, rồi lại nhìn lên cánh cửa đọc lại tấm biển “Nhà này bán”.

Cuối năm ấy tôi có dịp về quê lại đi qua căn nhà cũ. Tôi nhìn lên cánh cửa không còn thấy tấm biển bán nhà treo

đó nữa. Trên tường chỉ thấy lơ thơ vài tờ quảng cáo rách nát và nhòe nhoẹt. Thế là hết: cái nhà ấy đã sang tay chủ khác rồi. Một chiếc cổng mới sơn xanh dịu, xinh xắn với chiếc mái cong thay vào cổng cũ. Tôi qua chiếc cổng mới ấy vào một ngày gắt nắng. Tôi ghé mắt nhìn vào mảnh vườn cũ. Bây giờ không còn là cái vườn cây ăn quả ngày xưa mà đã thay đổi hẳn. Vài thảm cỏ xanh tươi, những cây hoa muôn sắc. Máy dò lan khô mộc treo hỗn độn, lủng lẳng dưới dàn hoa trước nhà. Dưới dàn hai vợ chồng người chủ mới bệ vệ, đang trò chuyện với nhau. Người đàn ông to béo mắt đỏ lừ mình đắm mồi nằm ngả trên chiếc ghế kiêu cổ. Người đàn bà cũng béo tốt phì nộn đang cầm chiếc thùng tưới lắc lắc rồi kêu lên:

– Giời ơi! Tôi đến khổ với những cây móng nước này thôi.

Một căn gác mới được xây thêm trên chiếc nhà cũ. Rào dậu đang sửa sang lại. Từ trong nhà vẳng ra dương cầm gay gắt chơi những bản nhạc quen thuộc, những điệu dân ca và vài vũ khúc cũ kỹ.

Trong một ngày hè oi ả, nghe những điệu đàn ấy, nhìn người chủ nhà phì nộn, cái vui tràn trề và tấm thương ấy tôi thấy lòng se sắt lại. Tôi lan man nghĩ đến ông già trầm lặng khắc khổ, sung sướng dạo mát trong mảnh vườn này những ngày xưa. Rồi tôi vội nghĩ ngay đến ông ta có lẽ giờ này đang ở Ba Lê, vẫn nhẩn nhục, cặm cụi như trước. Ông vẫn đội chiếc mũ nan cũ kỹ, lúc nào cũng đắm đìa nước mắt, giờ này đang lủi thủi, lạc lõng và sâu nảo ở một góc cửa hàng trong lúc người con dâu ông hân hoan ngồi đếm lại số tiền bán nhà trên mặt chiếc quầy hàng mới đóng.

CHÚA QUỶ VÀ ÔNG ĐA NIÊN

STEPHEN VINCENT BENÉT

Stephen Vincent Benét sinh tại Bethlehem (1898–1943) thuộc tiểu bang Pennsylvania.

Năm 1928, ông nổi tiếng với tập thơ trường thiên *Thổ Xác Của John Brown* nói về cuộc chiến tranh Nam, Bắc Hoa Kỳ. Truyện *Chúa Quỷ Và Ông Đa Niên* (1937) của ông là áng văn xuôi được nhiều người chú ý nhất.

✱

Để hiểu rõ khung cảnh câu chuyện cũng nên biết qua về cuộc đời thật của Daniel Webster nhân vật chính trong truyện. Daniel Webster sinh tại Salisbury (New Hampshire) năm 1782 và chết tại Marshfield (Massachusetts) năm 1852. Xuất thân là luật sư, Daniel Webster lần lượt được bầu vào hạ và thượng nghị viện. Là chính khách tha thiết với nền thống nhất Hoa Kỳ, ông cũng nhiệt liệt chống chế độ nô lệ khi làm thượng nghị sĩ. Tới năm 1850 ông lại chủ trương một thuyết trái lại khiến uy tín ông bị sút giảm dù rằng được mời ra làm bộ trưởng.

Năm 1852, Daniel Webster ứng cử tổng thống nhưng thất cử trước đối thủ là tướng Scott.

Đây là một câu chuyện được truyền tụng ở vùng biên giới các tiểu bang Massachusetts, Vermont và Tân Hampshire.

Ông Đa Niên chết đã lâu và ngày nay đã mờ yên mả đẹp. Nhưng mỗi khi một cơn giông tố nổi lên trong vùng Marshfield, dân chúng lại thì thầm cho đó là lời găm thét của ông ở trên không gian cao anh. Người ta cũng còn truyền tụng rằng hễ ai tới mộ ông ta kêu lên “Ông Đa Niên! Ông Đa Niên!” tức thì đất cát và cây cối đều rung chuyển. Rồi lát sau, một giọng nói âm thầm từ sâu thăm hỏi vọng lên:

– Này anh bạn! Mỹ quốc hiện nay ra sao?

Khi ấy bạn phải trả lời rằng Mỹ quốc vẫn vững mạnh như xưa, vẫn bền chặt, đoàn tụ không phân chia như một trái núi. Nếu bạn trả lời khác đi ông có thể vùng dậy bước ra khỏi mộ. Đó là câu chuyện tôi được nghe kể từ khi còn nhỏ.

Nhưng dù sao, thì ai cũng phải công nhận ông Đa Niên đã nổi danh một thời, đã là một vĩ nhân mặc dầu ông chưa được bầu làm tổng thống. Hàng vạn người tin tưởng vào ông như tin ở Thượng Đế vạn năng và thêu dệt truyền tụng bao nhiêu kỳ cùng huyền diệu về cuộc đời ông. Họ kể rằng khi ông Đa Niên tức giận, tinh tú trên trời cũng mờ đi và có lần ông đứng bên bờ sông hét lên một tiếng, nước sông bỗng chảy ngay vào lòng đất. Khi ông mang một chiếc cần câu vào rừng định

kiếm cá, tức thì hàng đàn cá hương vượt nhảy tới trước mặt ông vì chúng biết sớm muộn cũng không thoát khỏi. Khi ông hùng biện cho chân lý, giọng ông sang sảng như sấm dậy mà réo rắt như tiếng lục huyền cầm. Khu đồn điền của ông ở Marshfield cũng là hình ảnh trung thành của ông. Gà quê nuôi trong trại đều là giống gà nòi. Trâu, bò lực lưỡng có đôi sừng cong nhọn hoắt có thể đâm thủng một bức tường thiết giáp. Tuy thế Đa Niên vẫn giữ tính tình nhũn nhặn lịch sự của một trại chủ bậc trung. Ông sống như một nông dân nghèo, sáng nào cũng dậy từ lúc sao mai chưa mọc để lo công việc đồng áng.

Hình ảnh Đa Niên lúc thiếu thời là một thanh niên khảng khái, trán cao, mồm rộng với đôi mắt long lanh, đen bóng như huyền. Và có một giai thoại về

ông mà sử sách không ghi chép là câu chuyện hùng biện thắng chúa quỷ trong một vụ kiện hy hữu.

Câu chuyện ấy người ta kể cho tôi như sau:

Thời ấy, ở tỉnh Thập Giao tiểu bang Tân Hampshire có một nông dân chất phác nhưng rất xấu số tên là Gia Tôn. Xấu số đến nỗi hễ anh cấy lúa thì chỉ gặt được cỏ, hễ trồng ngô chỉ mọc toàn ngô dại. Anh có một mảnh đất nhỏ khá màu mỡ, nhưng thời vận không giúp đỡ anh. Vợ anh rất nhu mì, con cái kháu khỉnh nhưng hễ thêm mỗi đứa trẻ chào đời gia đình anh lại thêm sa sút. Nếu có một trận mưa đá nhỏ như hạt cuội trên cánh đồng, thửa ruộng nhà anh sẽ hứng chịu những cục đá to như hòn gạch. Nếu con ngựa nhà anh trầy da ở chân sau anh đem tiền đổi các một con ngựa mới, chỉ vài

hôm con này sẽ què cả hai chân trước. Trên đời này nếu có những người sinh ra để chịu sự hẩm hiu, thì Gia Tôn phải là người hẩm hiu bậc nhất.

Sáng hôm ấy, anh đang cấy ngon trớn thửa đất bé nhỏ của mình, bỗng lưỡi cày đụng phải một tảng đá gãy làm đôi. Anh bực tức ngồi sửa lưỡi cày và nhớ đĩnh ninh rằng hôm trước trong ruộng không tảng đá nào. Trong khi ấy con ngựa đứng sau lưng anh rên khè khè báo hiệu một chứng bệnh bột phát và nhắc anh nhớ tới bản kê giả tiền cửa cổ của ông thú y sĩ trên phố. Ở nhà, hai con anh đang lên sởi, vợ anh cúm bốn hôm nay, và chính anh cũng đang nhức buốt vì cái đĩnh râu gần môi dưới. Chiếc lưỡi cày gãy nữa là đòn cuối cùng.

Gia Tôn ngồi xồm xuống bờ ruộng nhìn ra tứ phía bằng đôi mắt tuyệt vọng.

Anh thở dài, lẩm bẩm:

– Trời ơi, đời tôi thật là đáng chán. Những lúc này giá bán cả linh hồn cho quỷ lấy hai đồng tôi cũng bán.

Nói hết câu anh thấy ý nghĩ của mình hơi tức cười, nhưng với bản tính khảng khái của người xứ Tân Hampshire, anh không muốn cải chính những điều đã nói dù là nói lỡ lời.

Chiều đến, anh thư thái trở về nhà. Lòng anh nhẹ nhõm không còn thắc mắc sợ lời nói vạ vào mình. Anh tin rằng anh là người trung trực, trời không nỡ hại anh. Nhưng nỗi vui của anh không quá một ngày. Chiều hôm sau vừa ăn uống xong, có một người lạ mặt tới tìm anh. Người ấy đi một chiếc xe ngựa hai bánh, vận toàn đồ đen, có một giọng nói ngọt như mật mía.

Gia Tôn nói với vợ rằng người lạ mặt là thừa phát lại tới thảo luận về một chuyện thừa kế, nhưng thực ra không phải thế. Anh đã biết rõ hắn là ai? Anh rất ghét cái lối nhìn nham hiểm của người lạ mặt. Mỗi khi hắn cười nhe hai hàm răng trắng và nhọn hoắt trông càng thêm khả ố.

Con chó của Gia Tôn thấy người lạ mặt vội vã cúp đuôi lẩn sang chỗ khác càng làm cho anh bức bối. Nhưng vốn khảng khái, Gia Tôn không tráo trở, chối những điều đã nói và anh ưng thuận ra nhà sau thảo luận các điều kiện bán hồn cho quỷ. Giá cả xong xuôi, Gia Tôn cầm chiếc bút bằng bạc chích máu trên đầu ngón tay, ký vào bản giao kèo. Vết thương liền dấu mau chóng, nhưng để lại một cái sẹo trắng nhỏ.

Sau ngày đó mọi chuyện trôi qua

êm đẹp. Gia đình Gia Tôn làm ăn bắt đầu phát đạt. Trâu, ngựa lớn béo như thổi. Ruộng lúa của anh chín vàng làm xóm giềng thèm muốn. Nếu có một cơn giông tố nổi lên làm cho cây đổ, nhà xiêu cả xóm điều đứng, thì nhà anh vẫn trở vững bền như giữa mùa xuân. Trong một thời gian ngắn, Gia Tôn trở nên cự phú trong vùng. Anh ra ứng cử nghị viên thành phố và trúng cử. Có người khuyên anh nên ứng cử vào thượng nghị viện. Không ai chối cãi, ngày nay cả gia đình Gia Tôn sung sướng, no đủ như một đàn chuột trong chính gạo. Toàn gia hạnh phúc, nhưng trừ Gia Tôn.

Mấy năm đầu anh cũng sung sướng vì sự thay đổi thời vận mau chóng quá làm anh quên những nỗi lo âu tương lai. Chiếc sẹo nhỏ trên đầu ngón tay đôi khi cũng gợi cho anh nỗi lo buồn thoáng

qua. Và mỗi năm, đúng giờ giấc như một chiếc đồng hồ tốt nhất, người lạ mặt áo đen lại đánh chiếc xe hai ngựa đi qua nhà anh. Hắn chỉ đi qua mà không ngừng. Nhưng tới năm thứ sáu, chiếc xe ngựa hai bánh ngừng lại, và người lạ mặt bước xuống tìm Gia Tôn. Hắn ở lại suốt buổi chiều. Đến tối, hắn bảo Gia Tôn:

– Thế nào, ông Gia Tôn. Với gia cảnh hiện nay, hắn là ông thỏa mãn lắm rồi nhỉ?

Gia Tôn thủng thảng đáp:

– Kể thì cũng thỏa mãn một cách tương đối.

Người lạ mặt bình tĩnh mỉm cười nói:

– Thôi ông cũng chả cần phải giảm giá các công lao của mình làm gì. Giữa

chúng ta ai cũng đều biết sự thực câu chuyện ra sao và mọi kết quả đều tốt đẹp như lời giao ước. Và sang năm lúc hết hạn giao kèo hãn ông cũng không còn ân hận gì nữa.

Gia Tôn nhìn trời, nhìn đất như tìm kiếm một sự cứu cứu:

– Về việc giao kèo, nhiều lúc tôi tự hỏi không biết có hợp pháp hay không?

Người lạ mặt cỏ vẻ mặt bình tĩnh hỏi lại:

– Sao? Ông muốn nói về phương diện pháp lý?

– Vâng, tôi vẫn thắc mắc điều đó. Vì tôi là một công dân tốt, ông cũng là một người sống trên đất Mỹ, có lẽ vấn đề của chúng ta chỉ hợp lý khi được phân giải trước một tòa án.

Người lạ mặt nghiêng rằng:

– Có nhiều thứ tòa án. Nhưng không sao, vì chúng ta cam kết có giấy tờ hãn hoi. Ông có muốn xem lại bút tự của ông một tí chẳng?

Hãn nhắc lên một bọc vải đen đầy giấy tờ, mở ra vừa tìm kiếm vừa lăm bắm:

– Huy Tâm, Phan Thụy, Hoàng Xinh... à đây rồi, Gia Tôn. Này, nghe tôi đọc nhé: Tôi, ký tên dưới đây là Gia Tôn xin cam kết trong một thời hạn bảy năm... trời, giấy tờ đàng hoàng lắm mà!

Nhưng Gia Tôn không nghe hãn nói. Anh chăm chú nhìn một con vật nhỏ vừa chui ra khỏi bọc vải đen bay chập chờn trên mặt đất. Con vật giống như con ong vò vẽ, nhưng không phải là ong. Và trong khi Gia Tôn quan sát con vật,

bỗng một tiếng nói từ con vật vọng ra bằng một giọng thánh thót, nhỏ nhẹ và lí nhí nhưng giống hệt tiếng người:

– Gia Tôn, bác Gia Tôn ơi! Ông bạn quý của tôi ơi! Bác hãy thương xót giúp tôi, cứu vớt tôi ra khỏi chốn địa ngục này.

Gia Tôn vừa định giơ tay ra, người lạ mặt đã nhanh nhẹn cầm một chiếc khăn tay chụp lấy con vật nhỏ như khi bắt bướm, rồi buộc chặt con vật trong lòng khăn... Hắn càu nhàu:

– Con vật này làm phiền quá. À tôi nói tới đâu rồi nhỉ...

Gia Tôn run rẩy nói:

– Tiếng nói ấy là tiếng của ông Hoàng Xinh mà. Anh đã giam ông ta trong khăn tay của anh.

Người lạ mặt bối rối cười gượng:

– Đúng rồi, ông ta thiếu nợ tôi. Trong cái bọc đen kia còn nhiều mẩu kỳ lạ nữa. Nhưng tôi không muốn để ông ta trong ấy sợ chật chội quá.

Gia Tôn nói như thét lên:

– Anh nói sao? Như vậy tức là Hoàng Xinh chết rồi ư? Vô lý! Thứ ba vừa rồi tôi còn gặp ông ta ở đầu xóm, khỏe như trâu.

Người lạ mặt chép miệng, nói bằng một giọng đạo đức:

– Thôi, tuổi ông ta lớn rồi. Cũng đáng đời lắm rồi. À! Ông có nghe tiếng chuông không?

Gia Tôn lắng nghe, mặt tái mét. Mồ hôi anh vã ra vì anh biết đó là tiếng

chuông báo hiệu ông Hoàng Xinh đã qua đời.

Người lạ mặt thở dài:

– Nhiều nợ cũ quá, biết bao giờ mới kết toán sổ sách được đây?... Nhưng không sao, công việc là công việc.

Hắn vẫn giữ chặt chiếc khăn tay. Gia Tôn lòng se lại khi thấy con vật nhỏ vùng vẫy quẩn quại bên trong chiếc khăn bọc kín. Bằng một giọng khàn khàn, anh hỏi nhỏ:

– Này, con nào cũng chỉ nhỏ như thế sao?

Người lạ mặt cười đáp:

– Không, có nhiều loại lắm chứ. Mà tôi hiểu ý ông muốn nói gì rồi.

Hắn ngấm kỹ Gia Tôn, nói tiếp:

– Trường hợp ông lại khác. Ông sẽ có một chỗ ở xứng đáng và tốt. Nhưng dù sao thì tôi cũng chỉ có thể tin ông khi nhốt được ông vào trong hộp của tôi. Cố nhiên có những trường hợp đặc biệt phải có những hộp thật lớn. Chẳng hạn như ông Đa Niên, nếu bắt được hồn ông ta, tôi sẽ làm một hộp đặc biệt, vì con vật tượng trưng ông ta sẽ lớn đến nỗi ông trông thấy phải thất kinh. Bắt được Đa Niên tức là trúng lô độc đắc. Tôi hy vọng có ngày sẽ chộp được Đa Niên. Còn trường hợp ông thì tôi đã nói với ông rằng...

Gia Tôn gào lên:

– Vứt cái khăn tay kia đi.

Rồi anh lại đổi giọng van xin, cầu khẩn với chúa quý. Nhưng van xin mãi, chúa quý cũng không chịu tha chết cho

anh mà chỉ ứng thuận gia hạn có điều kiện thêm một thời hạn ba năm nữa.

Ba năm. Thời gian lâu thật nhưng trong hoàn cảnh phải đổi chính mạng sống của mình như Gia Tôn thì thời gian qua đi có vẻ mau lẹ lắm. Ngày tháng lặng lẽ trôi, Gia Tôn trở nên một nhân vật tầm tiếng trong xứ. Người ta bàn tán anh có thể ứng cử thống đốc tiểu bang, nhưng thực ra tâm hồn anh đang tan vỡ như tro bụi.

Mỗi sớm, khi bùng mắt dậy anh lại nghĩ thầm “lại còn một đêm nữa”. Và mỗi tối, khi đặt mình xuống ngủ anh rợn người khi nhớ tới bọc vải đen và linh hồn ông bạn Hoàng Xinh.

Không chịu nổi sự ám ảnh khủng khiếp ấy nên đúng ngày cuối cùng năm thứ mười, anh thắng ngựa đi cầu cứu Đa

Niên cách xa quê anh chừng vài dặm.

Khi Gia Tôn tới Marshfield trời còn tối, nhưng Đa Niên dậy từ lâu. Ông dùng tiếng la tinh sai bảo gia nhân, rồi ra sau nhà xem ngựa, vật lộn với con dê đực khổng lồ và sửa soạn hồ sơ để tới tòa biện hộ cho một thân chủ. Khi nghe tin có người ở tiểu bang Tân Hampshire tới thăm, ông vội bỏ mọi việc để tiếp Gia Tôn vì ông vốn có cảm tình với dân tiểu bang này là nơi ông mở mắt chào đời. Ông cho lệnh dọn một bữa ăn thịnh soạn mời Gia Tôn, thăm hỏi từng người quen thuộc ở Tân Hampshire và cuối cùng muốn biết Gia Tôn cần gì tới khả năng luật học của ông.

Gia Tôn nói cho Đa Niên câu chuyện ký giao kèo với quỷ của anh.

Đa Niên suy nghĩ:

– Đã lâu tôi không biên hộ một vụ nào thuộc loại này và cũng không muốn cãi những vụ án tương tự. Nhưng lần này tôi sẽ cố gắng giúp ông và sẽ chỉ cãi trước phiên xử tại Tối Cao Pháp Viện.

Gia Tôn thở dài sung sướng:

– Thật là phúc đức cho tôi. Mười năm nay bây giờ tôi mới thấy chút hy vọng.

Lần lượt, Gia Tôn rành rọt kể lại từng chi tiết câu chuyện của anh cho Đa Niên nghe.

Vừa nghe ông vừa thủng thảng đi bách bộ quanh nhà hai tay chấp sau lưng. Thỉnh thoảng ông ngừng lại hỏi một câu rồi suy nghĩ.

Khi Gia Tôn dứt lời, Đa Niên phùng hai má, thở phào. Ông quay lại phía Gia

Tôn nở một nụ cười tươi như vầng thái dương buổi sớm.

– Ông bạn đồng hương của tôi ơi. Sự thật đã rành rành là ông đưa gậy cho quỷ nó đập vào lưng ông! Nhưng không sao. Tôi sẽ nắm vững vụ này và hết sức giúp ông.

Gia Tôn không tin là tai anh nghe đúng nữa. Anh hỏi lại:

– Ông nói thực đấy chứ?

Đa Niên đáp:

– Thực. Hiện nay tôi còn bảy mươi lăm vụ phải giải quyết và hiệp ước thống nhất Mỹ quốc sắp hoàn thành, nhưng mặc dầu vậy, tôi sẽ ưu tiên biện hộ cho ông. Vì rằng nếu hai người ở tiểu bang Tân Hampshire không chung lưng nhau để chống lại quỷ thì có khác gì chúng ta

đã bỏ rơi tổ quốc, đem dâng xử sở cho mọi Da Đỏ.

Ông nắm tay Gia Tôn lắc mạnh:

– Ông tới đây bằng gì? Có nhanh không?

– Nhanh lắm.

– Vậy thì bây giờ chúng ta phải trở về nhanh hơn nữa vì thời giờ có hạn.

Rồi ông cho lệnh thắng hai con ngựa trắng vào cỗ xe của Gia Tôn, hai con ngựa đã nổi tiếng phi nhanh như vũ bão.

Khi thấy Gia Tôn trở về với vĩ nhân Đa Niên bằng xương bằng thịt, cả gia đình anh vui mừng khôn xiết. Trong khi ngựa phóng như bay mất chiếc mũ dọc đường nhưng anh không tiếc và cũng không biết nữa. Ăn cơm chiều xong, Gia

Tôn giục cả nhà đi ngủ sớm để anh còn thảo luận nhiều vấn đề trọng đại với Đa Niên. Chị Gia Tôn đề nghị hai người ngồi chơi ở phòng khách, nhưng Đa Niên và Gia Tôn không ưng thuận. Hai người xuống bếp ngồi bên lò sưởi trước một chiếc bàn con với một bình rượu nhỏ để chờ con quý. Theo giao kèo, hẳn sẽ tới vào lúc nửa đêm.

Một mình đối ẩm với Đa Niên, có lẽ nhiều người cho đó là một điều mãn nguyện lắm, nhưng Gia Tôn thì chỉ thấy mỗi giây phút trôi qua càng thêm lo lắng. Mắt anh chăm chú nhìn ra phía cánh đồng, và dù miệng anh tu bình rượu anh cũng không còn biết rượu chua hay đắng. Lúc chuông đồng hồ điểm mười một giờ rưỡi, anh sững sốt vùng dậy ôm chầm lấy cánh tay Đa Niên. Anh thở hổn hển nói bằng giọng run run đầy tuyệt vọng:

– Ông Đa Niên! Ông Đa Niên! Cầu trời phù hộ cho ông và ông hãy thắng ngựa rời khỏi nơi này.

Đa Niên bình tĩnh đáp:

– Ông bạn ơi, không nên quá nóng nảy. Ông cử yên tâm đừng lo lắng về tôi.

Nói xong, Đa Niên từ từ rót thêm cốc rượu nữa.

Gia Tôn vẫn chưa thôi rên rĩ:

– Tôi chỉ là một tên nông dân khốn nạn, tôi đã lôi kéo ông vào cạm bẫy bần thủ này, bây giờ tôi đã hiểu như vậy. Trời ơi! Hãy để cho ma quỷ bắt tôi đi, tôi không muốn thế, nhưng thôi cũng được. Còn ông, ông Đa Niên, ông là cha đẻ của nền thống nhất liên bang Hoa Kỳ, ông là một vĩ nhân của xứ Tân Hampshire. Ông không thể liêu minh vào câu chuyện.

Đa Niên nhìn Gia Tôn đang run rẩy, xám ngoét. Ông đặt tay lên vai anh ta:

– Bạn Gia Tôn ơi! Tôi xin cảm ơn lòng tốt của bạn. Nhưng bạn hãy nhìn bình rượu trên bàn. Bình rượu còn đầy lắm. Trong đời tôi chưa bao giờ tôi chịu rời bàn khi bình rượu chưa cạn một nửa cũng như không bao giờ bỏ một công việc dở dang.

Vừa lúc ấy có tiếng cạo nhẹ nhẹ trên cánh cửa.

Đa Niên lạnh lùng nói:

– Tôi có cảm tưởng là đồng hồ ông hơi chậm ông bạn nhỉ?

Ông đứng dậy, mở cửa và nói:

– Xin mời vào, tự nhiên.

Người lạ mặt bước vào, mắt nháy

nháy vì ánh lửa. Hắn cấp trên nách một hộp thiếp vàng,, trên nắp hộp có một lỗ nhỏ để thông hơi.

Trông thấy chiếc hộp, Gia Tôn sầm thảm hét lên, chân tay rúm lại ngồi thu mình ở góc phòng.

Người lạ đưa mắt hoài nghi nhìn từ phía rồi nói một cách lễ độ:

– Nếu tôi đoán không nhầm, ông là ông Đa Niên.

Cũng với đôi mắt cảnh chừng sau trước, Đa Niên tự giới thiệu:

– Phải, ta là Đa Niên, luật sư và đại diện ông Gia Tôn. Còn người, có thể cho biết quý danh?

Người lạ mặt trả lời khôn khéo:

– Người ta đặt cho tôi nhiều tên lắm.

Ở vùng này thì thường gọi tôi là “Chín Sừng”. Đêm nay ta cứ tạm gọi tên đó cũng được chứ sao?

Hắn ngồi xuống ghế, rót một cốc rượu, chất rượu trong bình lạnh ngắt rót xuống lòng cốc bỗng sôi lên sùng sục. Người lạ mặt cười, nhe hàm răng trắng nhớn lấp lánh.

– Ông là luật sư ư! Thật là may mắn quá. Ông am hiểu pháp luật, vậy tôi mong mỗi ông áp dụng luật và giúp tôi đòi lại những cái gì đã sang nhượng vào tài sản của tôi.

Thế là mở đầu cuộc tranh luận. Đôi bên bắt bẻ nhau từng câu, từng chữ. Mới đầu Gia Tôn chan chứa hy vọng nhưng thấy cuộc tranh biện mỗi lúc càng thêm gay gắt, hóc hiểm và Đa Niên nhượng bộ từng bước, từng bước, Gia Tôn bắt

đầu tuyệt vọng. Anh chỉ còn đủ sức ngồi co quắp rúm ró ở xó cửa, mắt chăm chú nhìn chiếc hộp sơn vàng bóng nhoáng. Anh đã ký vào giao kèo, điều đó không thể chối cãi được. Ký tên, trời ơi, thật là rùng rợn. Dù đã mười năm qua vết máu ký vẫn chưa phai. Dù rằng Đa Niên lý luận đánh thép, dùng mọi cạm bẫy xảo quyệt của ngôn ngữ, dù rằng ông thịnh nộ đấm tay xuống bàn, cũng không xóa được chữ ký trên bản giao kèo.

Đa Niên đưa ra một đề nghị hoãn binh. Người lạ mặt từ chối. Đa Niên nhấn mạnh rằng tài sản Gia Tôn tuy đã sung túc hơn nhiều nhưng sẽ còn tăng gia hơn nữa khi Gia Tôn đắc cử thượng nghị sĩ. Đa Niên yêu cầu gia hạn, nhưng con quỷ khôn ngoan vẫn nắm chặt bản giao kèo không chịu buông ra. Tuy Đa Niên là một luật sư tài ba thực, nhưng

hắn cũng không phải tay vừa. Hắn là chúa trùm loài quỷ. Có lẽ đây là lần đầu tiên Đa Niên gặp một địch thủ mà ông thâm thán phục.

Cuối cùng, người lạ mặt ngáp dài và nói:

– Như thế, người ta đã biết cái tài hùng biện bào chữa cho thân chủ của ông tới đâu rồi. Giờ thì đã hơi muộn và tôi thì rất ít thì giờ, nếu ông không còn muốn nói gì thêm thì xin phép ông để tôi...

Gia Tôn rùng mình quay về phía Đa Niên khi ấy đang nhắm mắt đắm chiêu. Bỗng Đa Niên nói to:

– Ít thì giờ hay nhiều ta không cần biết. Chỉ biết rằng người không thể mang được người này đi. Ông Gia Tôn là

công dân Mỹ và không một cường quyền ngoại bang nào có thể cưỡng bách một công dân Mỹ phục vụ cho mình. Dân tộc Hoa Kỳ đã chiến thắng Anh quốc vì chính nghĩa đó và ngày nay nếu cần chúng tôi sẽ chiến đấu tới cùng chống lại tà ma, ác quỷ.

Người lạ mặt tỏ vẻ ngạc nhiên:

– Cường quyền ngoại bang! Bằng chứng đâu mà ông gán cho tôi là ngoại nhân?

– Bằng chứng là ta chưa hề nghe ai nói rằng người là người Mỹ.

Con quỷ cười lên sảng sặc:

– Trời ơi, khi trận tấn công mọi Da Đỏ đầu tiên xảy ra, tôi đã ở đây. Khi chuyển tàu nô lệ đầu tiên từ Công Gô chở tới, tôi đã có mặt trên boong tàu với

mọi Da Đen. Từ những ngày đầu tiên trong thời kỳ bị đô hộ tên tôi đã có trong sổ sách. Trong tất cả các giáo đường Tân Anh Cát Lợi ai mà không nói tới tôi. Người phương Bắc đã từng gán cho tôi là mọi phương Nam, và người phương Nam đã từng tặng tôi danh hiệu kẻ xâm lăng miền Bắc. Thực ra tôi chẳng phải Nam cũng chẳng phải Bắc. Tôi chỉ là một người Mỹ thẳng thắn, đôn hậu như ông. Và nói trắng ra, xin ông Đa Niên đừng giận, tên tôi ở vùng này người ta nhắc đến trước ông nhiều.

Hai thái dương Đa Niên bắt đầu nhuộm mồ hôi. Ông nói:

– Nếu như vậy, ta phân xử đúng tình thần hiến pháp. Ta yêu cầu thiết lập một phiên tòa mới đủ thẩm quyền phán quyết số phận thân chủ của ta.

Người lạ mặt nhấp nháy cặp mắt sắc sảo:

– Trường hợp này phức tạp lắm. Một tòa án thường đâu có xử được, nhất là bây giờ cũng đã muộn quá rồi và...

Đa Niên ngắt lời bằng một giọng hãnh diện:

– Người có thể triệu tập một tòa án đại hình hay Tối Cao Pháp Viện miễn là tòa án đó phải xử theo luật Mỹ và chánh án, hội thẩm tất cả đều phải là công dân Mỹ. Và ở bất cứ cấp bậc nào ta vẫn nhận biện hộ cho thân chủ của ta.

– Được, tôi cũng chiều ý ông.

Nói dứt lời, người lạ mặt vung tay về phía cửa. Tức thì có tiếng ồn ào nổi lên ở phía ngoài. Gió thổi vù vù như sắp bão, rồi có tiếng chân bước dồn dập tới gần.

Tiếng chân trong đêm khuya gây nên những âm thanh sắc, gọn, nhưng không phải là tiếng chân người sống.

Gia Tôn run lấy bầy lăm bầm một mình:

– Khuya rồi, mà sao còn ồn ào thế?

Người lạ mặt uống hết ly rượu sôi sùng sục rồi trả lời:

– Đó là thành phần tòa án mà ông Đa Niên yêu cầu. Có một vài vị trông không được chỉnh tề, xin ông cũng tha lỗi cho vì họ phải đi xa quá.

Ngọn lửa trong lò sưởi từ màu vàng ngả sang xanh biếc. Một cơn gió thổi tung cánh cửa và mười hai người lần lượt bước vào.

Từ đêm Gia Tôn vẫn bàng hoàng

như một người trọng bệnh; giờ đây thì anh như hoa mắt kinh ngạc đến cực điểm. Kìa trước mặt anh là Waler Butler, con người đã từng làm mưa gió trong thời cách mạng và Simon Ginty, kẻ phản phúc đã cộng tác với dân Da Đỏ lùng bắt người da trắng để thiêu sống trên hỏa đài và ung dung vui cười uống rượu bên ngọn lửa sát nhân. Đôi mắt hằn long lạnh như mắt cú. Và phía sau kia có cả hoàng đế Philippe vẫn kiêu dũng như lúc sinh thời dù trên trán vẫn còn nguyên dấu vết thương đã cướp đời ông; và kia là vị thống đốc Dale lừng danh với thành tích nghiền nát tù binh trên bánh xe; và Morton de Merry-Mount nổi tiếng một thời trong vùng đất bảo hộ Plymouth. Tên lục lâm khát máu Teach với bộ râu cầm dài tới ngực cũng có mặt trong đám đông. Giáo sĩ John Sweet vận một chiếc thánh y của dòng Can Vành

vẫn giữ phong độ đỉnh đặc như lúc ông lên đài chịu giáo hình, tay trái cầm chiếc khăn tay thơm phức nước hoa, cổ còn nguyên dấu vết nghiền đỏ ửng của dây thừng. Cứ mỗi người bước qua bậc cửa lại được người lạ mặt xưng tên và giới thiệu quá vãng lừng danh của họ. Họ đã vào đầy đủ và quả thực người lạ mặt nói không sai thành phần tòa án gồm toàn những người có tên trong sổ sách. Người lạ mặt hỏi bằng một giọng châm biếm:

– Ông Đa Niên hẳn phải hài lòng về thành phần do tôi chọn chứ!

Mồ hôi chảy đầm đìa trên trán, nhưng Đa Niên vẫn giữ được giọng nói đanh thép của mình:

– Được! Nhưng tôi hơi tiếc là sao còn thiếu mặt tướng Arnold.

– Tướng Arnold hôm nay mắc bận ở nước ngoài. Chắc là ông thắc mắc vì sao chưa có chánh án phải không?

Dứt lời, người lạ mặt lại chỉ tay ra phía cửa, một người cao lớn lực lưỡng bước vào đôi mắt long lanh như lửa cháy. Hắn đang hoàng tiến tới vị trí dành cho chánh án. Người lạ mặt giới thiệu:

– Đây là chánh án Hawthorne, một luật gia thừa kinh nghiệm. Ông đã từng xử nhiều vụ án phù thủy tại Salem. Có nhiều người kêu ca về các bản án của ông, nhưng ông thì không bao giờ hối hận về những điều đã phán quyết.

Chánh án Hawthorne nói ồm ồm:

– Hối hận vì đã làm xong bốn phận của mình hay sao? Không, không bao giờ! Cần phải treo cổ bọn phù thủy ấy

lên. Treo cổ! Treo cổ bằng hết bọn phù thủy!

Người lạ mặt chép miệng, nói bằng một giọng đạo đức:

– Thôi, tuổi ông ta lớn rồi. Cũng đáng đời lắm rồi. À! Ông có nghe tiếng chuông không?

Nghe những lời cầu nhàu ấy, Gia Tôn thấy ớn lạnh sau xương sống.

Cuộc xử án bắt đầu một cách bất lợi cho Gia Tôn. Anh vẫn không biết làm gì khác hơn là ngồi thu hình làm một người chứng cầm trong vụ án của chính anh. Anh liếc mắt nhìn lên Simon Ginty, rú lên một tiếng rồi ngất đi. Người ta phải vực anh vào góc nhà.

Phiên xử ngừng vài phút rồi lại tiếp tục ngay. Đa Niên biết mình đang phải

đương đầu với những luật gia đầy mảnh lối và say máu tù nhân. Im lặng họ ngồi lắng nghe giọng nói dịu dàng, thao thao bất tuyệt của chúa quý trình bày đầu đuôi câu chuyện. Mỗi khi người lạ mặt nêu lên một điểm pháp lý tất cả chánh án hội thẩm đều gật gù: “Hợp pháp lắm”. Thế mà mỗi khi đến lượt Đa Niên bài bác một điểm nào, họ lại lắc đầu “Ồ, không thể được”. Làm sao mà thuyết phục nổi bọn người đã từng cho lệnh thiêu sống người da trắng, cho lệnh treo cổ phù thủy, bọn người khát máu hơn cả quý. Mồ hôi đầm đìa, Đa Niên tưởng chừng như phát điên.

Khi Đa Niên đứng dậy bắt đầu bào chữa, ông đã chuẩn bị tất cả các cạm bẫy hiểm hóc để giăng ra chụp người lạ mặt và tất cả thành phần tòa án dù là các cạm bẫy ấy có phần bất chính. Say mê với

thiên chức, ông quên cả những hậu quả tai hại có thể đến cho ông và Gia Tôn. Mải mê nghĩ tới những điều sắp trình bày, Đa Niên thấy lòng thêm hăng hái. Tới lúc rời ghế đứng lên để sắp sửa nói thao thao bất tuyệt, ông đưa mắt nhìn lại tất cả thành phần tòa án theo thói quen thường lệ. Ông cảm thấy mắt họ sáng quắc hơn lúc trước và tất cả đều chăm chú nghiêng về phía ông. Ông cảm thấy họ giống như một đàn thú dữ đứng

trước một con cừu non. Bất chợt ông nhớ rằng đã tới giờ phút quyết liệt phải hành động. Ông đưa tay quệt mồ hôi trán, cử chỉ giống như một người suýt trượt chân xuống vực nhưng gượng đứng thoát tai họa. Không phải chỉ vì Gia Tôn mà tòa án được thiết lập với thành phần như vậy mà còn vì ông nữa. Ông đã đọc thấy điều ấy trong ánh mắt người lạ mặt và

điều bộ gượng gạo khi hắn đưa tay lên che miệng. Ông biết ông sẽ rơi vào tay bọn quỷ này nếu ông vụng về hớ hênh áp dụng những phương pháp hay lý luận thông thường. Đúng ngậy như tượng đá trong giây lát gương đôi mắt nảy lửa nhìn chăm chăm về phía trước, ông bắt đầu cất tiếng.

Ông bắt đầu một giọng nói đầm ấm dễ nghe nhưng nhỏ nhẹ như nói thầm. Ông không lên án, công kích hay nhục mạ nguyên cáo.

Ông trình bày về các yếu tố cấu tạo nên một quốc gia và yếu tố cấu tạo ra con người chân thiện. Ông nói tới những sự việc giản dị hàng ngày mà ai cũng đều biết cả: sự tươi đẹp của tuổi thanh xuân, hương vị của miếng cơm manh áo khi ta đói rét, sự ham muốn trưởng thành lúc còn thơ ấu. Ông dịu dàng ca tụng mọi

điều êm dịu trên cõi đời mà người nào cũng có thể hưởng và hỏi cử tọa nếu con người mất tự do thì có còn nghĩa lý gì nữa hay không? Không, họ sẽ không còn gì hết. Rồi ông mô tả đời sống của những người thiếu tự do, những nỗi tủi cực của người nô lệ. Khi ấy giọng ông bỗng sang sảng lên như tiếng sấm trong lúc đêm khuya thanh vắng. Ông kể lại thời kỳ lập quốc của Hoa Kỳ, công ơn khai phá của những người tiên phong. Bằng một giọng hùng hồn, ông đã làm cử tọa rung động khi gọi lên những trang sử Hoa Kỳ. Ông thừa nhận sự bất công là một thực chất trên cõi đời nhưng ông cũng phân tách dù nói tới bất công, thẳng thắn, điều thiện hay điều ác, cũng không nên quan sát theo một khía cạnh mà phải am hiểu trọn vẹn vấn đề được đặt ra.

Rồi ông quay về phía Gia Tôn mà tả

cuộc đời anh. Anh cũng chỉ là một người thường như trăm ngàn kẻ khác. Hơn nữa anh là một kẻ xấu số và vì vậy anh có quyền ao ước một cuộc sống sung túc hơn. Giờ đây chỉ vì mỗi một điều ước vọng tầm thường ấy mà người ta đang tâm lên án anh, định cướp cả sinh mạng anh.

Ngoài ra Gia Tôn cũng không phải là một người kém cỏi. Anh là một người xứng đáng với tên gọi và anh có quyền hiên ngang đứng giữa cõi đời.

Giọng Đa Niên mỗi lúc càng thêm đanh thép. Trong lò sưởi ngọn lửa gần tàn, ngoài trời gió bắt đầu nổi báo hiệu bình minh sắp tới. Khi ông dứt lời, trời đã tờ mờ sáng.

Đa Niên cũng đã nói tới mảnh đất thân yêu của tiểu bang Tân Hampshire,

nơi ông gắn bó bao năm. Ông cũng gọi lại những dĩ vãng, những mảnh đất quê hương của những người trong thành phần tòa án. Ông có một giọng nói réo rắt làm người nghe rung động tới đáy tim. Đó là năng khiếu thiên phú của Đa Niên. Giọng nói réo rắt ấy đã gọi cho người này những cánh rừng âm u hoang dại, gọi cho người kia những cảnh trùng dương bao la với mưa gấm sóng vỗ. Cũng có kẻ mơ màng như nghe tiếng gọi của tổ quốc thân yêu từ ngàn xưa vọng lại. Mỗi người đều cảm thấy thương tiếc nhớ nhung một điều gì đã mất.

Khi dứt lời, Đa Niên cũng chưa biết rằng ông đã cứu sống Gia Tôn mà chỉ biết rằng mình vừa làm xong một phép lạ. Ánh mắt gian xảo của viên chánh án và các hội thẩm lúc này đã trở nên hiền từ: Đa Niên đã cảm hóa linh hồn họ.

Hiên ngang như trái núi, Đa Niên tuyên bố chấm dứt biện hộ. Viên chánh án cùng các hội thẩm rút lui vào trong luận tội. Lát sau trở ra, Walter Butler nhìn thẳng vào người lạ mặt tuyên án:

– Tòa truyền tha bổng cho công dân Gia Tôn theo lời yêu cầu của luật sư biện hộ cho y.

Người lạ mặt sững sốt, nụ cười tắt trên môi nhưng Walter Butler vẫn không hề bối rối:

– Có lẽ trên phương diện pháp lý, phán quyết này chưa được thập phần công minh, nhưng với tài hùng biện của Đa Niên, Gia Tôn xứng đáng hưởng ân huệ của tòa.

Hắn vừa nói dứt lời, một tiếng gà gáy vang trên đầu thôn. Trời sáng bừng

lên và viên chánh án cùng tất cả các hội thẩm vụt biến đi như hơi gió. Căn nhà bếp trở nên vắng lặng như chưa hề có ai bước tới.

Người lạ mặt quay lại nhìn Đa Niên mỉm cười một nụ cười bất chính:

– Butler vẫn thường thường có những hành động lạ đời, nhưng thật tôi không ngờ y lại táo gan tới thế. Dù sao tôi cũng có lời ngợi khen ông.

Đa Niên ngắt lời:

– Không nói nhiều. Hãy đưa bản giao kèo đây. Rồi tới lượt người.

Ông vung tay cướp lấy mảnh giấy trong tay quỷ, và xé tan mảnh giấy nóng bỏng ấy. Rồi sẵn đà Đa Niên chụp luôn cánh tay người lạ mặt. Ông biết hể sau khi thất bại trước một cuộc tranh luận

công khai, quý sẽ mất hết quyền phép. Con quý cũng biết vậy nên cố vùng vẫy, quần quai mong gỡ khỏi bàn tay rắn như sắt nguội của Đa Niên.

– Ái! Ái! Bỏ tay ra. Trời làm gì kỳ cục vậy. Phải chăng ông muốn đòi án phí. Tôi sẽ vui lòng trả cho ông mà.

– Trả tiền! Được rồi, người hãy ngồi lại đây. Ta không cần án phí nhưng buộc người ngồi lại đây làm tờ cam kết rằng kể từ nay đoan quyết sẽ không làm phiền nhiều Gia Tôn hay là bất cứ người nào trong dòng họ ông ta và bất cứ người nào ở tiểu bang Tân Hampshire này. Nếu chúng ta cần thiết lập một địa ngục ở đây, chúng ta sẽ không cần nhờ tay ngoại quốc.

Vừa nói, Đa Niên vừa lắc mạnh cánh tay người lạ mặt. Hắn rên lên ư ử:

– Ái, ái! Tôi bằng lòng.

Rồi hắn ngồi xuống ghế, thảo tờ cam kết trong khi Đa Niên vẫn nắm chặt cổ áo không buông. Khi thấy Đa Niên đã đọc xong bản cam kết, chúa quý bẽn lễn hỏi:

– Thôi bây giờ tôi có thể đi được rồi chứ?

Đa Niên thoi một đấm và trả lời:

– Đi à! Không đi được đâu, ông bạn. Để ta xem ta còn cần gì tới người không đã. Người với Gia Tôn thì xong nợ rồi, nhưng chưa hết nợ với ta.

Suy nghĩ một lát, ông nói tiếp:

– À, ở Marshfield ta có con dê đực khỏe vô địch. Nó có thể lấy sừng húc thùng cửa sắt. Ta có ý định mang người

về ném người vào chuồng dê để xem nó sẽ xử trí với người như thế nào?

Người lạ mặt rên rỉ, cầu khẩn, van lơn, và vốn dĩ là người có lòng tốt, sau hết Đa Niên từ bỏ ý định lúc đầu. Con quỷ tỏ vẻ biết ơn và trước khi đi, hăn ngỏ lời muốn trả ơn Đa Niên bằng cách đoán tương lai, hậu vận cho ông. Thường ngày, Đa Niên rất ghét coi tướng số, nhưng hôm ấy ông nhận lời vì ông biết hăn có thực tài.

Chúa quỷ nắm tay Đa Niên ngăm các chỉ tay vận mệnh. Hăn đoán về cuộc đời dĩ vãng Đa Niên khiến ông phải kinh ngạc và thán phục, Ông nói:

– Khá lắm. Người đoán rất hay nhưng ta không quan tâm đến quá khứ. Ta muốn biết tương lai.

Người lạ mặt cắn môi, lắc đầu, cười mủm mím:

– Tương lai không được tốt đẹp như ông mong muốn mà còn khá đen tối. Ông có một tham vọng rất lớn.

Đa Niên trả lời mạnh bạo vì ai còn lạ gì ông vẫn nuôi tham vọng trở nên tổng thống từ lâu:

– Điều đó đúng.

– Tham vọng của ông chính đáng lắm. Nhưng khi ông gần đạt tới thì vận không cho.

– Tổng thống hay là không thì ta vẫn là ta. Có sao đâu? Thôi được, người cứ nói tiếp đi.

Người lạ mặt lại lắc đầu:

– Ông có hai người con trai mạnh khỏe lắm. Nhưng họ không tiếp tục được sự nghiệp dang dở của ông, họ sẽ chết ngoài chiến địa.

– Chết hay sống thì chúng cũng vẫn là con ta, không hề gì. Nói nốt đi.

Người lạ mặt lại ngấm những đường tay:

– Ông đã đọc nhiều diễn văn quan trọng. Ông sẽ còn đọc nhiều diễn văn quan trọng và hùng hồn gấp ngàn lần.

Đa Niên mỉm cười hân hoan.

– Nhưng diễn văn quan trọng nhất của ông sẽ mâu thuẫn với đa số các diễn văn trước. Bài này sẽ làm giảm uy tín của ông. Công chúng sẽ lên án ông là phản bội, là lừa đảo và nhiều danh từ khác nữa. Ngay ở tiểu bang Tân Anh Cát Lợi cũng

có người sẽ bảo ông là tráo trở, đã bán rẻ giang sơn cho ngoại bang và những lời nguyên rủa của họ sẽ theo ông đến khi ông tạ thế.

Đa Niên trả lời bình tĩnh:

– Nếu đó là một diễn văn đúng và hợp lý thì có cần gì dư luận hay là lời gièm báng!

Rồi ông ngược nhìn người lạ mặt. Hai ánh mắt gặp nhau.

– Ta hỏi một câu này nữa. Hãy trả lời cho thẳng thắn. Ta suốt đời tranh đấu để mong thống nhất Hoa Kỳ. Liệu ước vọng của ta có thực hiện được không?

– Được! Công cuộc thống nhất sẽ thành nhưng không thành khi ông còn sống. Sau khi ông chết sẽ có hàng ngàn người nhớ tới diễn văn của ông và xả

thân tranh đấu cho lý tưởng ông đã nêu lên.

Đa Niên phá lên cười ngất:

– Thôi thế là đủ rồi. Quân khốn kiếp, quân quỷ sứ du đang khát máu, bây giờ người hãy rút khỏi nơi này, kéo ta đá người một cái thì bỏ mạng. Vi, trời ơi! Nếu cuộc tranh đấu của ta đem lại được sự thống nhất cho mười ba tiểu quốc Hoa Kỳ thì dù có xuống địa ngục ta cũng vẫn vui lòng.

Vừa nói dứt câu, Đa Niên vung chân đá mạnh về phía trước, chiếc đá quá mạnh tưởng như có thể làm văng cả một con trâu.

May thay chỉ có chiếc mũi giày chạm khẽ tới thân chúa quỷ. Và mới có thể con quỷ đã văng ra khỏi cửa với chiếc hộp linh hồn cắp trên tay.

Đa Niên quay vào nhìn Gia Tôn khi ấy đã lại hôn.

– Gia Tôn! Bạn hãy nhìn xem trong bình còn nhiều rượu hay không? Nói suốt một đêm, bây giờ chúng ta cũng nên uống thêm ly nữa. Và tôi cũng hy vọng trong nhà còn chút thức ăn để ta nhắm nháp.

Hình như mãi cho tới ngày nay, mỗi khi ma quỷ tới vùng Marshfield đều quay gót tìm đường đi khác. Và cũng từ ngày ấy không ai thấy bóng ma nào trong tiểu bang Tân Hampshire.

Còn tại tiểu bang Massachusetts và Vermont, tôi không được biết rõ cho lắm.

